

TK: 9/07
1658

LÊ VĂN ANH (Chủ biên) – HÀ THỨC QUANG

HỌC VÀ THỰC HÀNH THEO CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG LỊCH SỬ 9

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng – NXB Giáo dục Việt Nam
giữ quyền công bố tác phẩm.

82-2011/CXB/89-23/GD

Mã số : T9D25N1-CBE

LỜI GIỚI THIỆU

Chuẩn kiến thức, kĩ năng của từng môn học của các cấp lớp đã được quy định trong *Chương trình giáo dục phổ thông*, ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 5 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đó là những “yêu cầu cơ bản, tối thiểu về kiến thức, kĩ năng của môn học, hoạt động giáo dục mà học sinh cần phải và có thể đạt được...”; “là cơ sở để biên soạn sách giáo khoa, quản lí dạy học, đánh giá kết quả giáo dục ở từng môn học và hoạt động giáo dục...”. Năm 2009, Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng đã ban hành bộ sách *Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức, kĩ năng* cho các môn học, lớp học các cấp Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông để cụ thể hơn các yêu cầu cơ bản, tối thiểu của chuẩn kiến thức, kĩ năng trong chương trình.

Như vậy, chuẩn kiến thức, kĩ năng là vấn đề rất quan trọng trong dạy và học các môn học ở các cấp lớp phổ thông. Đó không chỉ là vấn đề xác định đúng mục tiêu dạy và học, khắc phục tình trạng quá tải trong dạy học mà còn là căn cứ để đạt được sự thống nhất, và theo đó là sự công bằng trong việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập các môn học của học sinh. Nhưng trong thực tế dạy và học, mặc dù đã có chương trình (trong đó có xác định kiến thức, kĩ năng chuẩn), đã có sách giáo khoa của từng bộ môn,... người dạy và học vẫn lúng túng khi áp dụng, xác định chuẩn kiến thức, kĩ năng vào trong từng đơn vị bài học cụ thể.

Bộ sách tham khảo HỌC VÀ THỰC HÀNH THEO CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam gồm 90 cuốn, được biên soạn cho cả ba cấp học (Tiểu học, THCS và THPT), nhằm giúp học sinh và giáo viên khắc phục sự lúng túng trong dạy và học nói trên. Không chỉ đơn thuần xác định kiến thức, kĩ năng cần đạt được cụ thể cho mỗi bài học mà quan trọng hơn, bộ sách còn được biên soạn để hướng dẫn người dùng học và rèn luyện để nắm chắc kiến thức và thành thạo các kĩ năng. HỌC VÀ THỰC HÀNH THEO CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG LỊCH SỬ 6, 7, 8, 9 thuộc bộ sách trên, được biên soạn trên cơ sở đơn vị bài học trong sách giáo khoa. Mỗi bài có cấu trúc chung như sau :

I. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CẦN ĐẠT

II. BÀI TẬP THỰC HÀNH

III. LUYỆN TẬP

IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO

Mục I là những yêu cầu cơ bản, tối thiểu về kiến thức, kĩ năng theo quy định của chương trình; Mục II là các dạng câu hỏi, bài tập nhằm mục đích ôn tập, củng cố kiến thức bài học; Mục III gồm các dạng bài tập rèn luyện có tính chất tổng hợp, liên hệ,... nhằm vừa củng cố kiến thức bài học vừa vận dụng kiến thức, phát triển kĩ năng đã học; Mục IV là phần tư liệu (có thể có hoặc không, tùy theo từng bài học), giúp người học có thêm hiểu biết về vấn đề đang học.

Được biên soạn bởi các giảng viên các trường Đại học Sư phạm, các chuyên viên bộ môn của các sở Giáo dục và Đào tạo và các giáo viên giỏi trực tiếp đứng lớp, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tin tưởng bộ sách HỌC VÀ THỰC HÀNH THEO CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG sẽ là tài liệu tham khảo tin cậy, bổ ích dành cho các bạn học sinh và quý thầy cô giáo, quý vị phụ huynh học sinh.

Trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Phần một

LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

Chương I. LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

Bài 1. LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU TỪ NĂM 1945 ĐẾN GIỮA NHỮNG NĂM 70 CỦA THẾ KỈ XX

I. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CẦN ĐẠT

Tình hình Liên Xô và các nước Đông Âu từ năm 1945 đến giữa những năm 70 của thế kỉ XX.

– Liên Xô :

+ Công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh (1945 – 1950).

+ Những thành tựu chủ yếu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô từ năm 1950 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX.

– Các nước Đông Âu :

+ Thành lập nhà nước dân chủ nhân dân.

+ Quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và những thành tựu chính.

II. BÀI TẬP THỰC HÀNH

Câu 1. Công cuộc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh ở Liên Xô đã diễn ra và đạt được kết quả như thế nào ?

Câu 2. Hãy nêu những thành tựu chủ yếu của Liên Xô trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội từ năm 1950 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX.

Câu 3. Các nước dân chủ nhân dân Đông Âu đã ra đời trong hoàn cảnh nào ?

Câu 4. Hãy nêu những thành tựu chủ yếu mà các nước Đông Âu đã đạt được trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Hướng dẫn làm bài

Câu 1.

– Bối cảnh : Đất nước Liên Xô bị chiến tranh tàn phá hết sức nặng nề : hơn 27 triệu người chết, 1 710 thành phố, hơn 70 000 làng mạc bị tàn phá...

– Thành tựu :

+ Ngay từ đầu năm 1946, Đảng và Nhà nước Xô viết đã đề ra kế hoạch khôi phục và phát triển kinh tế đất nước với kế hoạch 5 năm lần thứ tư (1946 – 1950).

+ Kết quả là kế hoạch 5 năm lần thứ tư được hoàn thành thắng lợi vượt mức trước thời hạn 9 tháng.

+ Tới năm 1950, sản xuất công nghiệp tăng 73%, một số ngành sản xuất nông nghiệp vượt mức trước chiến tranh. Đời sống nhân dân được cải thiện.

+ Nền khoa học – kĩ thuật Xô viết có sự phát triển vượt bậc. Năm 1949, Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử, phá vỡ thế độc quyền hạt nhân của Mỹ.

Câu 2. Những thành tựu chủ yếu của Liên Xô trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội từ năm 1950 đến đầu những năm 1970 của thế kỉ XX :

– Liên Xô tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội với việc thực hiện các kế hoạch dài hạn, phương hướng là tiếp tục ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, đẩy mạnh tiến bộ khoa học – kĩ thuật, tăng cường sức mạnh quốc phòng.

– Thành tựu :

+ Công nghiệp : Sản xuất công nghiệp bình quân hàng năm tăng 9,6%. Liên Xô đã trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai thế giới (sau Mỹ), chiếm khoảng 20% sản lượng công nghiệp của toàn thế giới.

+ Khoa học – kĩ thuật : Năm 1957, Liên Xô là nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo, mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người. Năm 1961, Liên Xô phóng con tàu “Phương Đông” đưa nhà du hành vũ trụ Ga-ga-rin lần đầu tiên bay vòng quanh Trái Đất.

+ Về đối ngoại : Liên Xô chủ trương duy trì hoà bình thế giới, quan hệ hữu nghị với tất cả các nước. Tích cực ủng hộ cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, giành độc lập tự do của các dân tộc bị áp bức. Liên Xô trở thành chỗ dựa vững chắc của hoà bình và cách mạng thế giới.

Câu 3. Hoàn cảnh ra đời các nước dân chủ nhân dân Đông Âu :

– Trong thời kì chiến tranh, khi Hồng quân Liên Xô tiến vào lãnh thổ Đông Âu truy kích quân đội phát xít Đức, nhân dân Đông Âu đã nhanh chóng nổi dậy và khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền, thành lập các nhà nước dân chủ nhân dân từ cuối năm 1944 đến năm 1946 (Ba Lan (7 – 1944), Tiệp Khắc (5 – 1945), Bun-ga-ri (9 – 1946)...).

– Riêng nước Đức : thành lập Nhà nước Cộng hoà Liên bang Đức ở Tây Đức và Nhà nước Cộng hoà Dân chủ Đức ở Đông Đức.

– Từ năm 1945 đến năm 1949, các nước Đông Âu hoàn thành những nhiệm vụ của cách mạng dân chủ nhân dân : xây dựng bộ máy chính quyền dân chủ nhân dân, tiến hành cải cách ruộng đất, thực hiện các quyền tự do dân chủ và cải thiện đời sống nhân dân.

Câu 4. Những thành tựu chủ yếu mà các nước Đông Âu đã đạt được trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội :

– Sau 20 năm xây dựng đất nước (1950 – 1970), với sự giúp đỡ của Liên Xô, các nước Đông Âu đã đạt được những thành tựu to lớn :

- + Xoá bỏ sự bóc lột của giai cấp tư sản.
- + Đưa nông dân đi vào con đường làm ăn tập thể thông qua hình thức hợp tác xã.
- + Công nghiệp hoá, xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội.

– Đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX, các nước Đông Âu đã trở thành những nước công – nông nghiệp. Bộ mặt kinh tế – xã hội của đất nước đã thay đổi căn bản và sâu sắc (Năm 1970, An-ba-ni đã xây dựng được nền công nghiệp, cả nước đã được điện khí hoá ; Năm 1975, tổng sản phẩm công nghiệp của Bun-ga-ri tăng 55 lần so với năm 1939 ; Tiệp Khắc được xếp vào hàng các nước công nghiệp phát triển, chiếm 1,7% sản lượng công nghiệp thế giới ; Cộng hoà Dân chủ Đức đạt được những thành tựu đáng kể, sản xuất tăng gấp 5 lần, thu nhập quốc dân tăng 4 lần so với năm 1949).

III. LUYỆN TẬP

Câu 1. Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

1. Kế hoạch khôi phục và phát triển kinh tế đất nước ở Liên Xô diễn ra trong thời gian nào ?

A. Từ năm 1945 đến năm 1949.	B. Từ năm 1946 đến năm 1949.
C. Từ năm 1946 đến năm 1950.	D. Từ năm 1947 đến năm 1951.
2. Liên Xô đã hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ tư trước thời hạn

A. 7 tháng.	B. 8 tháng.
C. 9 tháng.	D. 10 tháng.
3. Sự kiện đánh dấu sự phát triển vượt bậc của nền khoa học – kĩ thuật Xô viết vào năm 1949 đó là

A. phóng thành công vệ tinh nhân tạo.
B. Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử.
C. Liên Xô phóng con tàu “Phương Đông” đưa nhà du hành vũ trụ Ga-ga-rin bay vòng quanh Trái Đất.
D. đưa nhà du hành vũ trụ Am-xtrong lên Mặt Trăng.

4. Đến nửa đầu những năm 70 Liên Xô đã trở thành cường quốc công nghiệp
 - A. đứng đầu thế giới.
 - B. đứng hàng thứ hai thế giới (sau Mỹ).
 - C. đứng hàng thứ ba thế giới (sau Mỹ và Nhật Bản).
 - D. đứng hàng thứ tư thế giới (sau Mỹ, Nhật Bản và Tây Âu).
5. Liên Xô phóng con tàu “Phương Đông” đưa nhà du hành vũ trụ Ga-ga-rin lần đầu tiên bay vòng quanh Trái Đất vào năm
 - A. 1949.
 - B. 1957.
 - C. 1961.
 - D. 1969.
6. Từ năm 1945 đến giữa những năm 70 của thế kỉ XX, Liên Xô chủ trương thực hiện chính sách đối ngoại
 - A. hoà bình, tích cực ủng hộ phong trào cách mạng thế giới.
 - B. đối đầu với Mỹ và các nước Tây Âu.
 - C. muốn làm bạn với tất cả các nước.
 - D. hoà bình, trung lập, tích cực.
7. Nét nổi bật của tình hình các nước Đông Âu trước Chiến tranh thế giới thứ hai là
 - A. hầu hết các nước Đông Âu đều lệ thuộc vào các nước tư bản Tây Âu.
 - B. hầu hết các nước Đông Âu đều lệ thuộc vào Mỹ.
 - C. hầu hết các nước Đông Âu đều lệ thuộc vào Liên Xô.
 - D. hầu hết các nước Đông Âu đều là những nước tư bản lạc hậu.
8. Hội đồng tương trợ kinh tế ra đời nhằm
 - A. đẩy mạnh sự hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau giữa các nước tư bản chủ nghĩa.
 - B. đẩy mạnh sự hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau giữa các nước xã hội chủ nghĩa.
 - C. đẩy mạnh sự hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau giữa các nước ASEAN.
 - D. đẩy mạnh sự hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau giữa các nước Tây Âu.

Câu 2. Hãy nối thời gian (cột A) với tên các nước dân chủ nhân dân Đông Âu được thành lập (cột B) cho đúng.

A

1. Tháng 7 – 1944
2. Tháng 8 – 1944
3. Tháng 4 – 1945
4. Tháng 5 – 1945
5. Tháng 11 – 1945
6. Tháng 12 – 1945
7. Tháng 9 – 1946
8. Tháng 10 – 1949

B

a) Cộng hoà Dân chủ Đức
b) Ba Lan
c) Tiệp Khắc
d) Nam Tư
e) Hung-ga-ri
g) Bun-ga-ri
h) Ru-ma-ni
i) An-ba-ni

Câu 3. Hãy nối các nước Đông Âu (cột A) với thành tựu đạt được (cột B) cho đúng

A	B
1. CHDC Đức	a) Tới năm 1970 nền công nghiệp đã được xây dựng, cả nước đã được điện khí hoá.
2. Tiệp Khắc	b) Năm 1975, tổng sản phẩm công nghiệp tăng 55 lần so với năm 1939.
3. Bun-ga-ri	c) Được xếp vào hàng các nước công nghiệp phát triển, chiếm 1,7% sản lượng công nghiệp thế giới.
4. An-ba-ni	d) Đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX, sản xuất tăng gấp 5 lần, thu nhập quốc dân tăng 4 lần so với năm 1949.

Câu 4. Hãy nêu những cơ sở hình thành của hệ thống xã hội chủ nghĩa.

Câu 5. Hãy trình bày mục đích ra đời và những thành tích của Hội đồng tương trợ kinh tế trong những năm 1951 – 1973.

Đáp án – hướng dẫn làm bài

Câu 1.

1C	2C	3B	4B	5C	6A	7A	8B
----	----	----	----	----	----	----	----

Câu 2. Nối : 1 – b ; 2 – h ; 3 – e ; 4 – c ; 5 – d ; 6 – i ; 7 – g ; 8 – a

Câu 3. Nối : 1 – d ; 2 – c ; 3 – b ; 4 – a

Câu 4. Yêu cầu trình bày được các ý sau :

– Khi các nước Đông Âu bắt tay vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, mối quan hệ giữa Liên Xô và các nước này đòi hỏi phải có sự hợp tác cao hơn.

– Cơ sở của sự hợp tác này là Liên Xô và các nước Đông Âu đều cùng chung một mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội, đều đặt dưới sự lãnh đạo của các đảng cộng sản và cùng chung hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác – Lê-nin.

Câu 5. Yêu cầu trình bày được các ý sau :

– Ngày 8 – 1 – 1949, Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) đã được thành lập với sự tham gia của các nước : Liên Xô, Ba Lan, An-ba-ni, Bun-ga-ri, Hung-ga-ri, Ru-ma-ni, Tiệp Khắc. Sau này thêm các nước Cộng hoà Dân chủ Đức (1950), Mông Cổ (1962), Cu-ba (1972) và Việt Nam (1978).

– Mục đích ra đời của Hội đồng tương trợ kinh tế : đẩy mạnh sự hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau giữa các nước xã hội chủ nghĩa và đánh dấu sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa.

– Những thành tích của Hội đồng tương trợ kinh tế :

+ Tốc độ tăng trưởng sản xuất công nghiệp của các nước thành viên bình quân hằng năm đạt 10%, thu nhập quốc dân năm 1973 tăng 5,7 lần so với năm 1950.

+ Liên Xô giữ vai trò quan trọng trong hoạt động của Hội đồng tương trợ kinh tế. Liên Xô đã cho các nước thành viên vay 13 tỉ rúp với lãi suất thấp và viện trợ không hoàn lại 20 tỉ rúp.

IV. TƯ LIỆU THAM KHẢO

Liên Xô phóng thành công vệ tinh nhân tạo

Vào dịp kỉ niệm 100 năm ngày sinh của Xi-ôn-cốp-xki (ông tổ của ngành khoa học du hành vũ trụ), ngày 4 – 10 – 1957, Liên Xô đã phóng thành công vệ tinh nhân tạo đầu tiên của Trái Đất mang tên “Sputnik1”. Đó là một quả cầu thép nhẵn bóng đường kính 58cm và nặng 83,5kg. Sự kiện này đã mở đầu cho kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người. Vệ tinh được phóng lên bởi tên lửa A.I do Cô-lô-rep chế tạo, bay vòng quanh Trái Đất theo một quỹ đạo hình bầu dục, điểm thấp nhất cách mặt Trái Đất 227km, điểm cao nhất cách 947km, thời gian bay vòng quanh Trái Đất hết 1 giờ 36 phút. Trải qua 92 ngày đêm, “Sputnik1” đã quay 1 400 vòng quanh Trái Đất, bay được 60 triệu ki-lô-mét và tự bốc cháy trong khí quyển ngày 4 – 1 – 1958. Những số liệu thu được khi vệ tinh bay quanh Trái Đất là những tài liệu khoa học có giá trị về những lớp khí quyển trên cao, về cấu tạo của tầng điện li và những hiện tượng vật lí địa cầu khác.

(Vũ Dương Ninh (Chủ biên), *Lịch sử văn minh thế giới*, Nxb Giáo dục, 2007, tr 357)

Bài 2. LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU TỪ GIỮA NHỮNG NĂM 70 ĐẾN ĐẦU NHỮNG NĂM 90 CỦA THẾ KỈ XX

I. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CẦN ĐẠT

Biết được giai đoạn từ giữa những năm 70 đến đầu những năm 90 của thế kỉ XX là giai đoạn khủng hoảng dẫn đến sự tan rã của Liên Xô và sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu.

Nhìn nhận, đánh giá khách quan những thành tựu đạt được và một số sai lầm, hạn chế của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu.

II. BÀI TẬP THỰC HÀNH

Câu 1. Công cuộc cải tổ ở Liên Xô đã diễn ra như thế nào ? Kết quả cuối cùng ra sao ?

Câu 2. Quá trình khủng hoảng và sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu diễn ra như thế nào ?

Hướng dẫn làm bài

Câu 1.

– Năm 1973, cuộc khủng hoảng dầu mỏ mở đầu cho cuộc khủng hoảng về nhiều mặt của thế giới, trong bối cảnh đó, ban lãnh đạo Liên Xô đã không tiến hành các cải cách về kinh tế và xã hội. Tới đầu những năm 80 của thế kỉ XX, nền kinh tế đất nước ngày càng khó khăn, sản xuất công nghiệp và nông nghiệp trì trệ, lương thực, thực phẩm, hàng hoá tiêu dùng thiết yếu khan hiếm, mức sống người dân giảm sút, tệ nạn quan liêu, tham nhũng trầm trọng.

– Tháng 3 – 1985, Góóc-ba-chốp lên nắm quyền lãnh đạo Đảng, đề ra đường lối cải tổ nhằm khắc phục những sai lầm, đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng và xây dựng chủ nghĩa xã hội theo đúng bản chất và ý nghĩa nhân văn đích thực.

– Do thiếu sự chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết và thiếu một đường lối chiến lược toàn diện, nhất quán nên công cuộc cải tổ lâm vào tình trạng bị động, khó khăn. Đất nước lún sâu vào khủng hoảng và rối loạn. Nhiều cuộc bãi công diễn ra, nhiều nước cộng hoà đòi ly khai, tệ nạn xã hội gia tăng, các thế lực chống đối kích động quần chúng.

– Ngày 19 – 8 – 1991, một số lãnh đạo Đảng và Nhà nước Xô viết tiến hành đảo chính, lật đổ Góóc-ba-chốp nhưng thất bại. Hậu quả : Đảng Cộng sản Liên Xô bị đình chỉ hoạt động, Nhà nước Liên bang hầu như tê liệt, các nước cộng hoà đòi độc lập và tách khỏi Liên bang.

– Ngày 21 – 12 – 1991, lãnh đạo 11 nước cộng hoà kí hiệp định về giải tán Liên bang Xô viết, thành lập Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG).

– Tới 25 – 12 – 1991, Góóc-ba-chốp tuyên bố từ chức Tổng thống. Lá cờ Liên bang trên nóc điện Crem-li bị hạ xuống, đánh dấu sự chấm dứt của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên bang Xô viết sau 74 năm tồn tại.

Câu 2. Quá trình khủng hoảng và sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu :

– Từ cuối những năm 70 và đầu những năm 80 của thế kỉ XX, các nước Đông Âu lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế và chính trị ngày càng gay gắt.

– Tới cuối năm 1988, khủng hoảng lên đến đỉnh cao. Khởi đầu từ Ba Lan, sau đó lan đến các nước Hung-ga-ri, Tiệp Khắc, Cộng hoà Dân chủ Đức... Các cuộc mít tinh, biểu tình diễn ra dồn dập mà mũi nhọn đấu tranh nhằm vào các đảng cộng sản cầm quyền.

– Các thế lực chống chủ nghĩa xã hội ra sức kích động quần chúng đẩy mạnh các hoạt động chống phá.

– Ban lãnh đạo các nước Đông Âu phải chấp nhận từ bỏ quyền lãnh đạo của đảng cộng sản, thực hiện đa nguyên chính trị và tiến hành tổng tuyển cử tự do.

– Qua tổng tuyển cử, các thế lực chống chủ nghĩa xã hội thắng cử, giành được chính quyền nhà nước, các đảng cộng sản bị thất bại. Tới cuối năm 1989, chế độ xã hội chủ nghĩa bị sụp đổ ở hầu hết các nước Đông Âu. Chính quyền mới ở các nước Đông Âu đều tuyên bố từ bỏ chủ nghĩa xã hội, thực hiện đa nguyên về chính trị và chuyển nền kinh tế theo cơ chế thị trường. Tên nước thay đổi theo hướng chung chỉ gọi là nước cộng hoà.

III. LUYỆN TẬP

Câu 1. Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

1. Người đề ra đường lối cải tổ ở Liên Xô là
A. Xta-lin. B. Lê-nin.
C. Goóc-ba-chốp. D. En-xin.
2. Công cuộc cải tổ ở Liên Xô bắt đầu vào năm
A. 1985. B. 1987.
C. 1989. D. 1991.
3. Hậu quả nghiêm trọng nhất của công cuộc cải tổ ở Liên Xô là
A. tệ tham nhũng, quan liêu ngày càng trầm trọng.
B. mâu thuẫn sắc tộc bùng nổ, nhiều nước cộng hoà đòi li khai.
C. đất nước càng lún sâu vào khủng hoảng và rối loạn.
D. các thế lực chống đối ráo riết kích động quần chúng.
4. Cuộc đảo chính lật đổ Tổng thống Goóc-ba-chốp diễn ra vào ngày
A. 19 – 8 – 1991. B. 21 – 8 – 1991.
C. 24 – 8 – 1991. D. 25 – 8 – 1991.
5. Sự kiện nào đánh dấu sự chấm dứt của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên bang Xô viết sau 74 năm tồn tại?
A. Cuộc đảo chính Goóc-ba-chốp bị thất bại.
B. Cộng đồng các quốc gia độc lập ra đời.
C. Đảng Cộng sản Liên Xô bị đình chỉ hoạt động.
D. Goóc-ba-chốp tuyên bố từ chức Tổng thống.
6. Cuộc khủng hoảng ở các nước Đông Âu lên tới đỉnh cao vào
A. cuối những năm 70 của thế kỉ XX. B. đầu những năm 80 của thế kỉ XX.
C. giữa những năm 80 của thế kỉ XX. D. cuối năm 1988.
7. Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG) được thành lập ngày
A. 19 – 8 – 1991. B. 21 – 12 – 1991.
C. 23 – 12 – 1991. D. 25 – 12 – 1991.

Câu 2. Hãy nối thời gian (cột A) với sự kiện lịch sử (cột B) ở các nước Đông Âu cho đúng.

A

1. Cuối những năm 70 đầu những năm 80 của thế kỉ XX
2. Cuối năm 1988
3. Cuối năm 1989
4. Ngày 28 – 6 – 1991
5. Ngày 1 – 7 – 1991

B

a) Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va tuyên bố giải thể.
b) Hội đồng tương trợ kinh tế chấm dứt hoạt động.
c) Khủng hoảng ở Đông Âu lên tới đỉnh cao.
d) Chế độ xã hội chủ nghĩa sụp đổ ở hầu hết các nước ở Đông Âu.
e) Các nước Đông Âu lâm vào khủng hoảng kinh tế và chính trị gay gắt.

Câu 3. Lập niên biểu các sự kiện quan trọng ở Liên Xô trong thời gian tiến hành cải tổ (1985 – 1991).

Câu 4. Nêu những nguyên nhân dẫn đến sự tan rã của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu.

Đáp án – hướng dẫn làm bài

Câu 1.

1C	2A	3C	4A	5D	6D	7B
----	----	----	----	----	----	----

Câu 2. Nối : 1 – e ; 2 – c ; 3 – d ; 4 – b ; 5 – a

Câu 3.

Thời gian	Sự kiện lịch sử
Tháng 3 – 1985	Goóc-ba-chốp lên nắm quyền lãnh đạo Đảng, đề ra đường lối cải tổ.
Ngày 19 – 8 – 1991	Một số người lãnh đạo Đảng và Nhà nước Xô viết đã tiến hành đảo chính lật đổ Tổng thống Goóc-ba-chốp.
Ngày 21 – 12 – 1991	Lãnh đạo 11 nước cộng hoà trong Liên bang Xô viết kí Hiệp định về giải tán Liên bang Xô viết, thành lập Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG).
Ngày 25 – 12 – 1991	Goóc-ba-chốp tuyên bố từ chức Tổng thống. Lá cờ Liên bang Xô viết trên nóc điện Krem-li bị hạ xuống, đánh dấu sự chấm dứt của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên bang Xô viết sau 74 năm tồn tại.

Câu 4. Yêu cầu trình bày được các ý sau :

– Do đường lối lãnh đạo mang tính chủ quan, duy ý chí, cùng với cơ chế tập trung, quan liêu bao cấp làm cho sản xuất trì trệ, đời sống nhân dân không được cải thiện. Sự thiếu dân chủ, thiếu công bằng làm tăng thêm sự bất mãn trong quần chúng nhân dân.

– Không bắt kịp bước phát triển của khoa học – kĩ thuật tiên tiến dẫn đến tình trạng trì trệ, khủng hoảng về kinh tế và xã hội.

– Khi tiến hành cải tổ lại phạm phải sai lầm trên nhiều mặt, làm cho khủng hoảng thêm trầm trọng.

– Sự chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước.

Chương II. CÁC NƯỚC Á, PHI, MĨ LA-TINH TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

Bài 3. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ SỰ TAN RÃ CỦA HỆ THỐNG THUỘC ĐỊA

I. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CẦN ĐẠT

- Tình hình chung ở các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh.
- Quá trình đấu tranh giành độc lập ở các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh.
- Sự phát triển và hợp tác giữa các nước sau khi giành độc lập.

II. BÀI TẬP THỰC HÀNH

Câu 1. Hãy nêu những nét chính về phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc từ năm 1945 đến giữa những năm 60 của thế kỉ XX.

Câu 2. Hãy nêu những nét chính về phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc từ giữa những năm 70 đến giữa những năm 90 của thế kỉ XX.

Hướng dẫn làm bài

Câu 1. Những nét chính về phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc từ năm 1945 đến giữa những năm 60 của thế kỉ XX:

– Ngay khi phát xít Nhật đầu hàng, nhân dân nhiều nước Đông Nam Á đã nổi dậy, tiến hành khởi nghĩa vũ trang, thành lập chính quyền cách mạng và tuyên bố độc lập: In-đô-nê-xi-a (17 – 8 – 1945), Việt Nam (2 – 9 – 1945) và Lào (12 – 10 – 1945).

– Phong trào lan sang các nước Nam Á và Bắc Phi, nhiều nước ở hai khu vực này liên tiếp nổi dậy giành độc lập như Ấn Độ, Ai Cập, An-giê-ri.

– Năm 1960, 17 nước ở châu Phi tuyên bố độc lập.

– Ngày 1 – 1 – 1959, cuộc cách mạng nhân dân ở Cu-ba đã giành thắng lợi.

– Tới giữa những năm 60 của thế kỉ XX, hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc – thực dân về cơ bản đã bị sụp đổ.

Câu 2. Những nét chính về phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc từ giữa những năm 70 đến giữa những năm 90 của thế kỉ XX:

– Từ cuối những năm 70, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc tập trung ở ba nước miền Nam châu Phi là Rô-đê-di-a, Tây Nam Phi và Cộng hoà Nam Phi.

– Sau nhiều năm đấu tranh ngoan cường và bền bỉ của người da đen, chế độ phân biệt chủng tộc đã bị xoá bỏ, người da đen được quyền bầu cử và các quyền tự do dân chủ khác.

– Sau khi giành thắng lợi trong các cuộc bầu cử, chính quyền của người da đen đã thành lập ở Rô-đê-di-a năm 1980 (nay là cộng hoà Dim-ba-bu-ê), ở Tây Nam Phi năm 1990 (nay là Cộng hoà Na-mi-bi-a). Đặc biệt là ở Cộng hoà Nam Phi, năm 1993 chế độ phân biệt chủng tộc đã bị xoá bỏ sau hơn ba thế kỉ tồn tại. Hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc đã bị sụp đổ hoàn toàn.

III. LUYỆN TẬP

Câu 1. Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

- Nhân dân nhiều nước Đông Nam Á đã nổi dậy, tiến hành khởi nghĩa vũ trang, thành lập chính quyền cách mạng dựa vào thời cơ khách quan nào ?
 A. Phát xít Đức đầu hàng lực lượng Đồng minh.
 B. Phát xít Nhật đầu hàng.
 C. Nhật đảo chính Pháp.
 D. Liên Xô tuyên chiến với Nhật.
- Người đã lãnh đạo cuộc Cách mạng nhân dân ở Cu-ba vào năm 1959 là
 A. N. Man-đê-la.
 B. Ra-un Cát-xơ-rô.
 C. Che Ghê-va-ra.
 D. Phi-đen Cát-xơ-rô.
- Chế độ độc tài thân Mỹ đã bị lật đổ ở Cu-ba vào ngày
 A. 1 – 1 – 1959.
 B. 2 – 1 – 1959.
 C. 3 – 1 – 1959.
 D. 4 – 1 – 1959.
- Hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc thực dân về cơ bản đã bị sụp đổ từ
 A. giữa những năm 60 của thế kỉ XX.
 B. giữa những năm 70 của thế kỉ XX.
 C. giữa những năm 80 của thế kỉ XX.
 D. giữa những năm 90 của thế kỉ XX.
- Sự kiện 17 nước châu Phi cùng tuyên bố độc lập diễn ra vào năm
 A. 1950.
 B. 1960.
 C. 1970.
 D. 1980.
- Từ giữa những năm 60 đến giữa những năm 70 của thế kỉ XX, phong trào đấu tranh giành độc lập diễn ra chủ yếu ở những nước :
 A. Ăng-gô-la, Mô-dăm-bích và Ghi-nê Bít-xao.
 B. In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Lào.
 C. Ai Cập, Cu-ba, An-giê-ri.
 D. Dim-ba-bu-ê, Na-mi-bi-a, Nam Phi.

Câu 2. Hãy nối thời gian giành độc lập (cột A) với các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh (cột B) cho đúng.

A
1. 17 – 8 – 1945
2. 2 – 9 – 1945
3. 12 – 10 – 1945
4. Năm 1952
5. 1 – 1 – 1959
6. Năm 1960

B
a) 17 nước châu Phi tuyên bố độc lập
b) Cu-ba
c) Ai Cập
d) Lào
e) Việt Nam
f) In-đô-nê-xi-a

Câu 3. Lập bảng thống kê về phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai theo yêu cầu sau : giai đoạn, năm giành độc lập, tên nước.

Đáp án – hướng dẫn làm bài

Câu 1.

1B	2D	3A	4A	5B	6A
----	----	----	----	----	----

Câu 2. Nối : 1 – f ; 2 – e ; 3 – d ; 4 – c ; 5 – b ; 6 – a

Câu 3.

Giai đoạn	Năm giành độc lập	Tên nước
Từ năm 1945 đến giữa những năm 60 của thế kỉ XX	1945	In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Lào.
	1950	Ấn Độ
	1952	Ai Cập
	1959	Cu-ba
	1960	17 nước châu Phi tuyên bố độc lập
	1962	An-giê-ri
Từ giữa những năm 60 đến giữa những năm 70 của thế kỉ XX	1974	Ghi-nê Bít-xao
	1975	Mô-dăm-bích, Ăng-gô-la
Từ giữa những năm 70 đến giữa những năm 90 của thế kỉ XX	1980	Rô-đê-di-a (Cộng hoà Dim-ba-bu-ê)
	1990	Tây Nam Phi (Cộng hoà Na-mi-bi-a)
	1993	Cộng hoà Nam Phi

IV. TƯ LIỆU THAM KHẢO

Chế độ phân biệt chủng tộc (A-pác-thai)

Chính sách của Đảng Quốc dân, chính đảng của thiểu số người da trắng nắm quyền ở Nam Phi từ năm 1948, chủ trương phân biệt chủng tộc và đối xử dã man với người da đen ở Nam Phi và các dân tộc châu Á đến định cư, đặc biệt là người Ấn Độ. Nhà cầm quyền Nam Phi đã ban bố trên 70 đạo luật phân biệt đối xử và tước bỏ quyền làm người của dân da đen và da màu, quyền bóc lột được ghi vào Hiến pháp. Các nước tiến bộ đã lên án gay gắt chế độ A-pác-thai. Nhiều văn kiện của Liên hợp quốc coi A-pác-thai là “một tội ác chống nhân loại”, vi phạm luật pháp quốc tế, Hiến chương Liên hợp quốc, đe dọa nghiêm trọng hoà bình và an ninh của các nước. Năm 1976, có “Công ước quốc tế đòi xoá bỏ và trừng trị tội ác A-pác-thai” do 80 nước kí. Từ năm 1986, Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua nghị quyết chống A-pác-thai, kêu gọi các nước thành viên cắt quan hệ ngoại giao và áp dụng các biện pháp trừng phạt Nam Phi. Do sự đấu tranh quyết liệt và kiên cường của người da đen ở Nam Phi, dưới sự lãnh đạo của Đại hội dân tộc Phi (ANC), từ cuối thập kỉ 80 thế kỉ XX, các chính sách phân biệt đối xử của chính quyền Prê-tô-ri-a được xoá bỏ dần dần. Ngày 7 – 12 – 1993, Hội đồng Hành pháp lâm thời được thành lập, đứng đầu có Chủ tịch ANC là Nen-xon Man-đê-la, chấm dứt 340 năm độc quyền cai trị của thiểu số người da trắng ở nước này. Từ ngày 26 đến ngày 28 – 4 – 1994, tổng tuyển cử đa sắc tộc lần đầu tiên đã được tổ chức ở Nam Phi, ANC chiếm được đa số phiếu và Nen-xon Man-đê-la được cử làm Tổng thống.

(Từ điển Bách khoa Việt Nam, tập 1, NXB Từ điển Bách khoa, 2007, tr 85)

Bài 4. CÁC NƯỚC CHÂU Á

I. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CẦN ĐẠT

- Tình hình chung của các nước châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
- Trung Quốc : sự ra đời của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ; các giai đoạn phát triển từ năm 1949 đến năm 2000.

II. BÀI TẬP THỰC HÀNH

Câu 1. Hãy nêu những nét nổi bật của châu Á từ sau năm 1945.

Câu 2. Hãy cho biết ý nghĩa lịch sử của sự ra đời nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa.

Câu 3. Hãy trình bày những thành tựu của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1953 – 1957) của nhân dân Trung Quốc.

Câu 4. Hãy nêu hậu quả của đường lối “Ba ngọn cờ hồng” và “Đại cách mạng văn hoá vô sản” đối với Trung Quốc thời kì 1959 – 1978.

Câu 5. Nêu những thành tựu của công cuộc cải cách – mở cửa ở Trung Quốc từ cuối năm 1978 đến nay.

Hướng dẫn làm bài

Câu 1. Những nét nổi bật của châu Á từ sau năm 1945 :

– Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, một cao trào giải phóng dân tộc đã diễn ra ở châu Á. Tới cuối những năm 50, phần lớn các dân tộc châu Á đã giành được độc lập.

– Gần như suốt nửa sau thế kỉ XX, tình hình châu Á lại không ổn định bởi nhiều cuộc chiến tranh xâm lược của các nước đế quốc, nhất là ở khu vực Đông Nam Á và Tây Á (Trung Đông).

– Sau “Chiến tranh lạnh” lại xảy ra xung đột, li khai, khủng bố ở một số nước như : giữa Ấn Độ và Pa-ki-xtan, Xri Lan-ca, Phi-líp-pin, In-đô-nê-xi-a.

– Cũng từ nhiều thập niên qua, một số nước châu Á đã đạt được sự tăng trưởng nhanh chóng về kinh tế, tiêu biểu như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Xin-ga-po... Ấn Độ là trường hợp tiêu biểu với cuộc “cách mạng xanh” trong nông nghiệp, sự phát triển của công nghiệp phân, mềm, các ngành công nghiệp thép, xe hơi...

Câu 2. Ngày 1 – 10 – 1949, nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ra đời. Đây là một thắng lợi có ý nghĩa lịch sử, kết thúc ách nô dịch hơn 100 năm của đế quốc và hàng nghìn năm của chế độ phong kiến, đưa đất nước Trung Hoa bước vào kỉ nguyên độc lập, tự do và hệ thống xã hội chủ nghĩa được nối liền từ châu Âu sang châu Á.

Câu 3. Những thành tựu của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1953 – 1957) của nhân dân Trung Quốc :

– Từ năm 1953, Trung Quốc thực hiện kế hoạch 5 năm đầu tiên (1953 – 1957). Nhờ sự lao động quên mình của nhân dân Trung Quốc và sự giúp đỡ của Liên Xô, kế hoạch 5 năm lần thứ nhất đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Bộ mặt đất nước Trung Quốc thay đổi rõ rệt.

– Trong 5 năm, 246 công trình đã được xây dựng và đưa vào sản xuất, sản lượng công nghiệp tăng 140%, sản lượng nông nghiệp tăng 25% so với năm 1952.

Câu 4. Hậu quả của đường lối “Ba ngọn cờ hồng” và “Đại cách mạng văn hoá vô sản” đối với Trung Quốc thời kì 1959 – 1978 :

– Từ năm 1959, đất nước Trung Quốc lâm vào tình trạng biến động kéo dài tới 20 năm (1959 – 1978) với sự kiện khởi đầu là việc đề ra đường lối “Ba ngọn cờ hồng”. Một trong “Ba ngọn cờ hồng” là phong trào “Đại nhảy vọt” phát động toàn dân làm gang, thép... Hậu quả : nền kinh tế đất nước trở nên hỗn loạn, sản xuất giảm sút, đời sống nhân dân điêu đứng, nạn đói xảy ra khắp nơi.

– Tháng 5 – 1966, cuộc “Đại cách mạng văn hoá vô sản” được bắt đầu (thực chất là sự bất đồng về đường lối và tranh giành quyền lực trong nội bộ lãnh đạo Đảng Cộng sản Trung Quốc). Cuộc “Đại cách mạng văn hoá vô sản” đã gây nên tình trạng hỗn loạn trong cả nước và để lại những thảm họa nghiêm trọng trong đời sống vật chất và tinh thần của đất nước và người dân Trung Quốc.

Câu 5. Những thành tựu của công cuộc cải cách – mở cửa ở Trung Quốc cuối năm 1978 đến nay :

– Tháng 12 – 1978, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đề ra đường lối mới, mở đầu cho công cuộc cải cách kinh tế – xã hội của đất nước. Đường lối mới chủ trương xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc, lấy phát triển kinh tế làm trung tâm, thực hiện cải cách mở cửa nhằm mục tiêu hiện đại hoá, đưa Trung Quốc trở thành quốc gia giàu mạnh, văn minh.

– Sau hơn 20 năm cải cách – mở cửa (1979 – 2000), nền kinh tế Trung Quốc đã phát triển nhanh chóng, đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng trung bình hằng năm 9,6% đạt giá trị 8 740,4 tỉ nhân dân tệ, đứng hàng thứ bảy thế giới, tổng giá trị xuất nhập khẩu tăng gấp 15 lần... Đời sống nhân dân được nâng cao rõ rệt.

– Trên lĩnh vực đối ngoại : Từ cuối những năm 80 của thế kỉ XX, Trung Quốc lần lượt bình thường hoá quan hệ với Liên Xô, Mông Cổ, Lào, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam,... mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác với hầu hết các nước trên thế giới. Trung Quốc thu hồi chủ quyền đối với Hồng Kông (1997) và Ma Cao (1999). Địa vị của Trung Quốc được nâng cao trên trường quốc tế.

III. LUYỆN TẬP

Câu 1. Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

- Cuộc nội chiến giữa Quốc dân đảng và Đảng Cộng sản Trung Quốc diễn ra trong những năm
 A. 1945 – 1950.
 B. 1946 – 1949.
 C. 1953 – 1957.
 D. 1957 – 1960.
- Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ra đời vào ngày
 A. 1 – 10 – 1949.
 B. 1 – 10 – 1959.
 C. 1 – 10 – 1969.
 D. 1 – 10 – 1979.

3. Người đã trình trọng tuyên bố trước toàn thế giới sự ra đời của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa là
 - A. Mao Trạch Đông.
 - B. Lưu Thiệu Kỳ.
 - C. Đặng Tiểu Bình.
 - D. Chu Ân Lai.
4. Sự ra đời của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa có ý nghĩa lịch sử quốc tế gì ?
 - A. Kết thúc ách nô dịch hơn 100 năm của đế quốc.
 - B. Kết thúc hàng ngàn năm thống trị của chế độ phong kiến.
 - C. Đưa đất nước Trung Hoa bước vào kỉ nguyên độc lập.
 - D. Hệ thống xã hội chủ nghĩa được nối liền từ châu Âu sang châu Á.
5. Nhân dân Trung Quốc bắt tay vào công cuộc khôi phục nền kinh tế từ năm
 - A. 1949.
 - B. 1950.
 - C. 1951.
 - D. 1952.
6. Cuộc “Đại cách mạng văn hoá vô sản” đã
 - A. giúp Trung Quốc bảo vệ được bản sắc văn hoá dân tộc.
 - B. tạo điều kiện cho Trung Quốc xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.
 - C. đưa Trung Quốc trở thành một quốc gia giàu mạnh, văn minh.
 - D. gây nên tình trạng hỗn loạn trong cả nước và để lại những thảm hoạ nghiêm trọng trong đời sống vật chất và tinh thần của đất nước và người dân Trung Quốc.
7. Trong công cuộc cải cách – mở cửa, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đề ra đường lối mới với chủ trương lấy
 - A. phát triển chính trị làm trung tâm.
 - B. phát triển kinh tế làm trung tâm.
 - C. phát triển văn hoá làm trung tâm.
 - D. phát triển quân sự làm trung tâm.

Câu 2. Hãy nối thời gian (cột A) với sự kiện lịch sử (cột B) cho phù hợp.

A	B
1. 1946 – 1949	a) Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đề ra đường lối mới, mở đầu cho công cuộc cải cách – mở cửa.
2. 1 – 10 – 1949	b) Cuộc nội chiến giữa Quốc dân đảng và Đảng Cộng sản Trung Quốc.
3. 1953 – 1957	c) Trung Quốc thực hiện kế hoạch 5 năm đầu tiên.
4. 1959 – 1978	d) Đất nước Trung Quốc trong thời kì biến động.
5. 5 – 1966	e) Cuộc “Đại cách mạng văn hoá vô sản” bắt đầu.
6. 12 – 1978	f) Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ra đời.

Câu 3. Lập niên biểu các sự kiện chính của lịch sử Trung Quốc trong thời kì xây dựng đất nước từ năm 1949 đến năm 2000.

Đáp án – hướng dẫn làm bài

Câu 1.

1B	2A	3A	4D	5B	6D	7B
----	----	----	----	----	----	----

Câu 2. Nội : 1 – b ; 2 – f ; 3 – c ; 4 – d ; 5 – e ; 6 – a

Câu 3.

Thời gian	Sự kiện lịch sử
1 – 10 – 1949	Chủ tịch Mao Trạch Đông tuyên bố trước toàn thế giới sự ra đời của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa.
Từ năm 1950	Nhân dân Trung Quốc thực hiện khôi phục kinh tế, tiến hành cải cách ruộng đất, cải tạo công thương, phát triển văn hoá, giáo dục...
1953 – 1957	Trung Quốc thực hiện kế hoạch 5 năm đầu tiên.
1959 – 1978	Trung Quốc lâm vào tình trạng đầy biến động và kéo dài tới 20 năm. Sự kiện khởi đầu là việc đề ra đường lối “Ba ngọn cờ hồng”.
5 – 1966	Cuộc “Đại cách mạng văn hoá vô sản” (1966 – 1976) bắt đầu.
12 – 1978	Trung ương Đảng cộng sản Trung Quốc đề ra đường lối mới, mở đầu cho công cuộc cải cách kinh tế – xã hội của đất nước.
Cuối những năm 80 của thế kỉ XX	Trung Quốc lần lượt bình thường hoá quan hệ với Liên Xô, Mông Cổ, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam...
7 – 1997	Trung Quốc thu hồi chủ quyền đối với Hồng Kông.
12 – 1999	Trung Quốc thu hồi chủ quyền đối với Ma Cao.
1979 – 2000	Nền kinh tế Trung Quốc phát triển nhanh chóng, đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới.

Bài 5. CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á

I. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CẦN ĐẠT

- Tình hình chung của các nước Đông Nam Á trước và sau năm 1945, nổi bật là quá trình đấu tranh giành độc lập của các nước Đông Nam Á.
- Hoàn cảnh ra đời, mục tiêu hoạt động của tổ chức ASEAN.
- Quá trình phát triển của tổ chức ASEAN từ khi thành lập đến nay.

II. BÀI TẬP THỰC HÀNH

Câu 1. Hãy nêu những nét nổi bật của tình hình Đông Nam Á từ sau năm 1945.

Câu 2. Trình bày hoàn cảnh ra đời và mục tiêu hoạt động của tổ chức ASEAN.

Hướng dẫn làm bài

Câu 1. Những nét nổi bật của tình hình Đông Nam Á từ sau năm 1945 :

– Tháng 8 – 1945, phát xít Nhật đầu hàng, các dân tộc Đông Nam Á nổi dậy giành chính quyền, lật đổ ách thống trị của thực dân, tiêu biểu là In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Lào.

Ngay sau đó, nhiều dân tộc Đông Nam Á lại phải tiến hành kháng chiến chống các cuộc chiến tranh xâm lược trở lại của các nước đế quốc như ở In-đô-nê-xi-a, Việt Nam... Ở nhiều nơi khác, trước phong trào của nhân dân, các nước đế quốc Mĩ, Anh đã trao trả độc lập cho Phi-líp-pin (7 – 1946), Miến Điện (1 – 1948), Mã Lai (8 – 1957). Tới giữa những năm 50 của thế kỉ XX, các nước Đông Nam Á lần lượt giành được độc lập.

– Từ giữa những năm 50 của thế kỉ XX trong bối cảnh Chiến tranh lạnh, tình hình Đông Nam Á trở nên căng thẳng do chính sách can thiệp của Mĩ. Tháng 9 – 1954, Mĩ cùng Anh, Pháp thành lập khối quân sự SEATO nhằm ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội và đẩy lùi phong trào giải phóng dân tộc trong khu vực. Mĩ tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia.

Câu 2.

– Hoàn cảnh ra đời :

+ Sau khi giành độc lập và đứng trước những yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội của đất nước, nhiều nước Đông Nam Á chủ trương thành lập một tổ chức liên minh khu vực nhằm cùng hợp tác phát triển, đồng thời hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài đối với khu vực.

+ Ngày 8 – 8 – 1967, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập tại Băng Cốc (Thái Lan) với sự tham gia của 5 nước : In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Xin-ga-po và Thái Lan.

– Mục tiêu hoạt động : Hội nghị đã ra bản Tuyên ngôn thành lập ASEAN, được gọi là Tuyên bố Băng Cốc, xác định mục tiêu của ASEAN là phát triển kinh tế và văn hoá thông qua những nỗ lực hợp tác chung giữa các thành viên, trên tinh thần duy trì hoà bình và ổn định khu vực.

III. LUYỆN TẬP

Câu 1. Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

1. Nguyên nhân nào dẫn đến sự ra đời của tổ chức ASEAN ?

A. Do sức ép từ những cường quốc bên ngoài.

B. Do nền kinh tế của các nước Đông Nam Á lạc hậu, chậm phát triển.

C. Tình hình chính trị khu vực Đông Nam Á có bất ổn.

D. Các nước Đông Nam Á có nhu cầu cùng nhau hợp tác phát triển, đồng thời hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài.

2. Những nước tham gia sáng lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á là
 - A. Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia, Mi-an-ma, Bru-nây.
 - B. In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Xin-ga-po, Thái Lan.
 - C. Xin-ga-po, Phi-líp-pin, Thái Lan, Bru-nây, Đông Ti-mo.
 - D. Ma-lai-xi-a, Thái Lan, Cam-pu-chia, Lào, Phi-líp-pin.
3. Mục tiêu hoạt động của tổ chức ASEAN được xác định từ
 - A. Hiệp ước Ba-li.
 - B. Tuyên bố Băng Cốc.
 - C. Diễn đàn khu vực.
 - D. Hiến chương ASEAN.
4. Hiệp ước thân thiện và hợp tác ở Đông Nam Á được kí tại Ba-li vào tháng
 - A. 8 – 1967.
 - B. 2 – 1976.
 - C. 7 – 1995.
 - D. 4 – 1999.
5. Hiệp ước Ba-li đánh dấu bước tiến mới trong sự phát triển của ASEAN vì nó đã xác định được
 - A. nhiệm vụ cơ bản của các nước ASEAN.
 - B. mục tiêu hoạt động của tổ chức ASEAN.
 - C. vai trò của tổ chức ASEAN.
 - D. những nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước ASEAN.
6. Việt Nam chính thức gia nhập và trở thành thành viên thứ bảy của ASEAN vào tháng
 - A. 7 – 1992.
 - B. 7 – 1995.
 - C. 7 – 1997.
 - D. 4 – 1999.
7. Tính đến tháng 4 – 1999, ASEAN gồm bao nhiêu nước thành viên ?
 - A. 5
 - B. 6
 - C. 8
 - D. 10

Câu 2. Lập niên biểu các sự kiện chính về quá trình hình thành và phát triển của tổ chức ASEAN.

Câu 3. Từ giữa những năm 50 của thế kỉ XX, các nước Đông Nam Á đã có sự phân hoá như thế nào trong đường lối đối ngoại ?

Câu 4. Trình bày những nguyên tắc hoạt động của tổ chức ASEAN.

Câu 5. Tại sao có thể nói : Từ đầu những năm 90 của thế kỉ XX “một chương mới đã mở ra trong lịch sử khu vực Đông Nam Á” ?

Đáp án – hướng dẫn làm bài

Câu 1.

1D	2B	3B	4B	5D	6B	7D
----	----	----	----	----	----	----

Câu 2.

Thời gian	Sự kiện lịch sử
8 – 8 – 1967	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á được thành lập tại Băng Cốc.
2 – 1976	Các nước ASEAN đã kí kết Hiệp ước thân thiện và hợp tác ở Đông Nam Á tại Ba-li.
1984	Bru-nây trở thành thành viên thứ sáu của tổ chức ASEAN.
7 – 1992	Việt Nam và Lào chính thức tham gia Hiệp ước Ba-li.
1994	ASEAN lập diễn đàn khu vực.
7 – 1995	Việt Nam chính thức gia nhập và trở thành thành viên thứ bảy của tổ chức ASEAN.
7 – 1997	Lào và Mi-an-ma gia nhập ASEAN.
4 – 1999	Cam-pu-chia được kết nạp vào tổ chức ASEAN.

Câu 3. HS trình bày được các ý sau :

– Từ giữa những năm 50 của thế kỉ XX, trong bối cảnh “Chiến tranh lạnh”, tình hình Đông Nam Á ngày càng căng thẳng do chính sách can thiệp của Mĩ vào khu vực. Tháng 9 – 1954, Mĩ cùng Anh, Pháp thành lập khối quân sự Đông Nam Á (SEATO) nhằm ngăn chặn chủ nghĩa xã hội và đẩy lùi phong trào giải phóng dân tộc khu vực. Thái Lan và Phi-líp-pin tham gia vào tổ chức SEATO.

– Tình hình Đông Nam Á càng căng thẳng khi Mĩ tiến hành chiến tranh xâm lược ở Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia. In-đô-nê-xi-a và Miến Điện thi hành chính sách hoà bình trung lập, không tham gia vào các khối quân sự xâm lược của các đế quốc.

Câu 4. HS trình bày được các ý sau :

Tháng 2 – 1976 các nước ASEAN đã kí kết Hiệp ước thân thiện và hợp tác ở Đông Nam Á tại Ba-li, xác định những nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước thành viên trong tổ chức ASEAN : tôn trọng chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hoà bình, hợp tác phát triển có hiệu quả.

Câu 5. HS trình bày được các ý sau :

– Từ đầu những năm 90 của thế kỉ XX, sau “Chiến tranh lạnh” và vấn đề Cam-pu-chia được giải quyết bằng việc kí Hiệp định Pa-ri về Cam-pu-chia (10 – 1991), tình hình chính trị khu vực được cải thiện. Xu hướng nổi bật đầu tiên là sự mở rộng thành viên của tổ chức ASEAN.

+ Tháng 7 – 1992, Việt Nam và Lào tham gia Hiệp ước Ba-li.

+ Tháng 7 – 1995, Việt Nam chính thức gia nhập và trở thành thành viên thứ bảy của ASEAN.

- + Tháng 7 – 1997, Lào, Mi-an-ma gia nhập ASEAN.
 - + Tháng 4 – 1999, Cam-pu-chia được kết nạp vào tổ chức ASEAN.
 - ASEAN từ sáu nước phát triển thành mười nước thành viên, mười nước Đông Nam Á đứng chung trong một tổ chức thống nhất. Trên cơ sở đó, ASEAN đã chuyển trọng tâm hoạt động sang hợp tác kinh tế, xây dựng khu vực Đông Nam Á hoà bình, ổn định để cùng phát triển phồn vinh.
 - + Năm 1992, ASEAN quyết định biến Đông Nam Á thành khu vực mậu dịch tự do (AFTA) trong vòng 10 – 15 năm.
 - + Năm 1994, ASEAN lập diễn đàn khu vực (ARF)...
- Như vậy, một chương mới đã mở ra trong lịch sử khu vực Đông Nam Á.

IV. TƯ LIỆU THAM KHẢO

Hiệp ước thân thiện và hợp tác Đông Nam Á

Hiệp ước kí tại Hội nghị cấp cao lần thứ nhất của các nước ASEAN ở Ba-li (In-đô-nê-xi-a) vào ngày 24 – 2 – 1976. Thành viên ban đầu : In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Xin-ga-po và Thái Lan. Mục đích : duy trì hoà bình vĩnh viễn, thúc đẩy tình đoàn kết, thân thiện, quan hệ hợp tác chặt chẽ và lâu bền giữa các nước thành viên theo nguyên tắc cơ bản :

1. Tôn trọng độc lập chủ quyền, bình đẳng, toàn vẹn lãnh thổ và bản sắc riêng của các dân tộc.
2. Tôn trọng quyền của mọi quốc gia lãnh đạo hoạt động của dân tộc mình không có sự can thiệp, lật đổ hoặc cưỡng bức của bên ngoài.
3. Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.
4. Giải quyết những bất đồng hoặc tranh chấp bằng biện pháp hoà bình.
5. Không đe doạ hoặc sử dụng vũ lực.
6. Hợp tác với nhau một cách có hiệu quả.

Các nước thành viên cam kết làm hết mình để đẩy mạnh hợp tác đa phương và song phương trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hoá, khoa học, kĩ thuật, hành chính và các vấn đề khác trên cơ sở bình đẳng, không phân biệt đối xử, cùng có lợi, thúc đẩy sự hoà bình, hoà hợp và ổn định trong khu vực, tự cường khu vực, tự tin, tự lực cánh sinh, công bằng xã hội, nâng cao đời sống của nhân dân ; duy trì các cuộc tiếp xúc và tham khảo ý kiến thường xuyên với nhau về các vấn đề quốc tế và khu vực nhằm phối hợp quan điểm, hành động và chính sách.

Hiệp ước Ba-li đề nghị cho các nước khác ở Đông Nam Á tham gia. Bru-nây, Việt Nam, Lào, Mi-an-ma, Cam-pu-chia đã gia nhập Hiệp ước này.

(Từ điển Bách khoa Việt Nam, tập 2, sdd, tr 287)

Bài 6. CÁC NƯỚC CHÂU PHI

I. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CẦN ĐẠT

- Tình hình chung ở các nước châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
- Cuộc chiến đấu chống chế độ phân biệt chủng tộc ở Cộng hoà Nam Phi.

II. BÀI TẬP THỰC HÀNH

Câu 1. Trình bày diễn biến phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở châu Phi từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 2. Hiện nay các nước châu Phi đang gặp những khó khăn gì trong công cuộc phát triển kinh tế, xã hội đất nước ?

Câu 3. Những thắng lợi nào có ý nghĩa lịch sử to lớn trong cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở Cộng hoà Nam Phi ?

Hướng dẫn làm bài

Câu 1. Diễn biến phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở châu Phi từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai :

– Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, đòi độc lập đã diễn ra sôi nổi ở châu Phi, sớm nhất là ở Bắc Phi, nơi có trình độ phát triển cao hơn. Khởi đầu là thắng lợi của cuộc binh biến tháng 7 – 1952 của các sĩ quan yêu nước do Đại tá Nát-xe chỉ huy. Cuộc binh biến đã lật đổ chế độ quân chủ và tuyên bố thành lập nước cộng hoà Ai Cập ngày 18 – 6 – 1953.

– Từ năm 1954 đến năm 1962, nhân dân An-giê-ri tiến hành đấu tranh vũ trang lật đổ ách thống trị của thực dân Pháp, giành lại được độc lập dân tộc.

– Năm 1960, có 17 nước châu Phi tuyên bố độc lập, được gọi là “Năm châu Phi”. Hệ thống thuộc địa của các nước đế quốc lần lượt tan rã, các dân tộc châu Phi giành lại được độc lập và chủ quyền.

Câu 2. Hiện nay các nước châu Phi vẫn đang ở tình trạng đói nghèo lạc hậu. Từ cuối những năm 80 của thế kỉ XX, tình hình châu Phi ngày càng khó khăn và không ổn định. Xung đột sắc tộc, tôn giáo, tình trạng đói nghèo, nợ nần và dịch bệnh hoành hành...

Câu 3. Thắng lợi có ý nghĩa lịch sử to lớn trong cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở Cộng hoà Nam Phi :

– Dưới sự lãnh đạo của tổ chức “Đại hội dân tộc Phi” (ANC), người da đen tiến hành đấu tranh đòi thủ tiêu chế độ phân biệt chủng tộc.

Năm 1993, chính quyền da trắng Nam Phi đã tuyên bố xoá bỏ chế độ A-pác-thai, trả tự do cho lãnh tụ ANC Nen-xon Man-đê-la.

– Tháng 4 – 1994, cuộc bầu cử dân chủ đa chủng tộc đầu tiên ở Nam Phi diễn ra, Nen-xon Man-đê-la đã trở thành Tổng thống người da đen đầu tiên trong lịch sử Nam Phi.

– Đó là thắng lợi có ý nghĩa lịch sử to lớn : Chế độ phân biệt chủng tộc đã bị xoá bỏ ngay tại sào huyệt cuối cùng của nó sau hơn ba thế kỉ tồn tại.

III. LUYỆN TẬP

Câu 1. Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, quốc gia nào ở châu Phi giành được độc lập sớm nhất ?
A. Ai Cập. B. Mô-dăm-bích.
C. An-giê-ri D. Ăng-gô-la.
- Năm 1960 được gọi là “Năm châu Phi” dựa trên sự kiện nào ?
A. Chế độ phân biệt chủng tộc bị xoá bỏ.
B. An-giê-ri tuyên bố độc lập.
C. 17 nước châu Phi tuyên bố độc lập.
D. Hệ thống thuộc địa của các nước đế quốc tan rã.
- Người da đen đã tiến hành cuộc đấu tranh đòi thủ tiêu chế độ phân biệt chủng tộc dưới sự lãnh đạo của tổ chức nào ?
A. Tổ chức thống nhất châu Phi. B. Liên minh châu Phi.
C. Đại hội dân tộc Phi. D. Hiệp hội các quốc gia châu Phi.
- Chính quyền của người da trắng Nam Phi đã tuyên bố xoá bỏ chế độ A-pác-thai vào năm
A. 1952. B. 1962.
C. 1993. D. 1994.
- Tổng thống người da đen đầu tiên trong lịch sử của nước Cộng hoà Nam Phi là
A. M. Bê-ki. C. Nen-xon Man-đê-la.
B. Nát-xe. D. Đơ-cléc.

Câu 2. Điền sự kiện lịch sử của các nước châu Phi vào bảng sau cho đúng với các mốc thời gian.

Thời gian	Sự kiện lịch sử
7 – 1952(1).....
1954 – 1962(2).....
1960(3).....
1993(4).....
4 – 1994(5).....
5 – 1994(6).....

Đáp án – hướng dẫn làm bài

Câu 1.

1A	2C	3C	4C	5C
----	----	----	----	----

Câu 2.

- (1) Thắng lợi của cuộc binh biến ở Ai Cập do Đại tá Nát-xe chỉ huy.
- (2) Nhân dân An-giê-ri đấu tranh vũ trang lật đổ ách thống trị của thực dân Pháp, giành lại độc lập dân tộc.
- (3) “Năm châu Phi” với sự kiện 17 nước ở lục địa này tuyên bố độc lập.
- (4) Chính quyền của người da trắng Nam Phi đã tuyên bố xóa bỏ chế độ A-pác-thai.
- (5) Cuộc bầu cử dân chủ đa chủng tộc đầu tiên ở Nam Phi.
- (6) Nen-xon Man-đê-la trở thành Tổng thống da đen đầu tiên trong lịch sử Cộng hoà Nam Phi.

IV. TƯ LIỆU THAM KHẢO

Tiền sử Nen-xon Man-đê-la

Nen-xon Man-đê-la sinh năm 1918, nhà hoạt động chính trị Nam Phi. Năm 1944, gia nhập Đại hội Dân tộc Phi (ANC). Sau giữ chức Tổng Thư kí ANC. Năm 1964 bị chính quyền Prê-tô-ri-a bắt giam, kết án tử chung thân. Sau 27 năm bị giam giữ, trước áp lực đấu tranh của nhân dân tiến bộ trong và ngoài nước, ngày 11 – 2 – 1990 chính quyền Nam Phi buộc phải trả tự do cho ông, sau khi ra tù được bầu làm Phó Chủ tịch ANC. Sau cuộc bầu cử toàn quốc đa sắc tộc năm 1994, Man-đê-la làm Tổng thống nước Cộng hoà Nam Phi. Rời khỏi chức vụ này năm 1999, giải thưởng Nô-ben hoà bình năm 1993, Man-đê-la được ngưỡng mộ như một người anh hùng chống chế độ phân biệt chủng tộc.

(Tư điển Bách khoa Việt Nam, tập 1, sđd, tr 832)

Bài 7. CÁC NƯỚC MĨ LA-TINH

I. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CẦN ĐẠT

- Biết được những nét chung của các nước Mĩ La-tinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
- Trình bày được những nét chính về cuộc cách mạng Cu-ba và kết quả công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước này.

II. BÀI TẬP THỰC HÀNH

Câu 1. Cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Mỹ La-tinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai diễn ra như thế nào ?

Câu 2. Nêu những sự kiện chính trong quá trình đấu tranh của cách mạng Cu-ba từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Hướng dẫn làm bài

Câu 1. Cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Mỹ La-tinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai :

– Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, tình hình ở Mỹ La-tinh có nhiều chuyển biến mạnh mẽ, mở đầu bằng cuộc cách mạng Cu-ba năm 1959. Từ đầu những năm 60 đến những năm 80 của thế kỉ XX, một cao trào đấu tranh bùng nổ ở Mỹ La-tinh và khu vực này được ví như “Lục địa bùng cháy” của phong trào cách mạng.

– Đấu tranh vũ trang diễn ra ở nhiều nước như Bô-li-vi-a, Vê-nê-xu-ê-la, Cô-lôm-bi-a, Ni-ca-ra-goa... Kết quả là chính quyền phản động ở nhiều nước bị lật đổ, các chính phủ dân tộc – dân chủ được thiết lập và đã tiến hành nhiều cải cách tiến bộ. Trong thời kì này nổi bật là những sự kiện diễn ra ở Chi-lê và Ni-ca-ra-goa...

Câu 2. Những sự kiện chính trong quá trình đấu tranh của cách mạng Cu-ba từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai :

– Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, với sự giúp đỡ của Mỹ, tháng 3 – 1952, Tướng Ba-ti-xta làm đảo chính, thiết lập chế độ độc tài quân sự ở Cu-ba.

– Các tầng lớp nhân dân Cu-ba tiến hành cuộc đấu tranh giành chính quyền. Mở đầu cho một giai đoạn mới trong cuộc đấu tranh giành chính quyền là cuộc tấn công pháo đài Môn-ca-da vào ngày 26 – 7 – 1953 của 135 thanh niên yêu nước dưới sự chỉ huy của Phi-đen Cát-xơ-rô.

– Năm 1955, Phi-đen Cát-xơ-rô sang Mê-hi-cô tiếp tục đấu tranh... Cuối tháng 11 – 1956, Phi-đen cùng 81 chiến sĩ yêu nước trở về nước trên tàu “Gran-ma”... tiếp tục chiến đấu ở vùng rừng núi Xi-e-ra Ma-e-xơ-ra.

– Lực lượng cách mạng ngày càng lớn mạnh, phong trào đấu tranh lan rộng khắp cả nước. Cuối năm 1958, các binh đoàn cách mạng do Phi-đen làm Tổng chỉ huy liên tiếp mở các cuộc tiến công. Ngày 1 – 1 – 1959, chế độ độc tài Ba-ti-xta bị lật đổ. Cách mạng Cu-ba giành thắng lợi.

III. LUYỆN TẬP

Câu 1. Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

1. Khác với châu Á và châu Phi, nhiều nước ở Mỹ La-tinh đã giành được độc lập từ những thập niên
A. đầu thế kỉ XIX. B. giữa thế kỉ XIX.
C. cuối thế kỉ XIX. D. đầu thế kỉ XX.
2. Ba-ti-xta làm đảo chính, thiết lập chế độ độc tài quân sự ở Cu-ba vào tháng
A. 3 – 1952. B. 7 – 1953.
C. 11 – 1956. D. 1 – 1959.
3. Hình ảnh “Lục địa bùng cháy” là nhằm minh chứng cho một cao trào đấu tranh đã bùng nổ ở Mỹ La-tinh từ
A. sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 1959.
B. đầu những năm 60 đến những năm 80 của thế kỉ XX.
C. đầu những năm 80 của thế kỉ XX.
D. đầu những năm 90 của thế kỉ XX.
4. Vào cuối tháng 11 – 1956, ở Cu-ba đã diễn ra sự kiện
A. Ba-ti-xta làm đảo chính, thiết lập chế độ độc tài quân sự.
B. Phi-đen Cát-xơ-rô chỉ huy 135 chiến sĩ yêu nước tấn công pháo đài Môn-ca-đa.
C. Phi-đen Cát-xơ-rô cùng 81 chiến sĩ trở về nước trên con tàu “Gran-ma”.
D. chế độ độc tài Ba-ti-xta bị lật đổ.
5. Chế độ độc tài Ba-ti-xta bị lật đổ, cách mạng Cu-ba giành thắng lợi vào ngày
A. 1 – 1 – 1959. B. 2 – 1 – 1959.
C. 3 – 1 – 1959. D. 4 – 1 – 1959.
6. Quân và dân Cu-ba đã tiêu diệt đội quân 1 300 tên lính đánh thuê của Mỹ tại
A. pháo đài Môn-ca-đa. B. Thủ đô La Ha-ba-na.
C. bãi biển Hi-rôn. D. Ô-ri-en-tê.

Câu 2. Lập niên biểu các sự kiện chính trong lịch sử cách mạng Cu-ba từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 3. Hãy trình bày những thành tựu và khó khăn về kinh tế – xã hội của các nước Mỹ La-tinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 4. Trình bày những thành tựu của Cu-ba trong công cuộc xây dựng đất nước.

Đáp án – hướng dẫn làm bài

Câu 1.

1A	2A	3B	4C	5A	6C
----	----	----	----	----	----

Câu 2.

Thời gian	Sự kiện lịch sử
3 – 1952	Tướng Ba-ti-xta làm đảo chính, thiết lập chế độ độc tài quân sự ở Cu-ba.
26 – 7 – 1953	Phi-đen Cát-xto-rô chỉ huy 135 thanh niên yêu nước mở cuộc tấn công pháo đài Môn-ca-đa.
1955	Phi-đen Cát-xto-rô sang Mê-hi-cô thành lập một tổ chức cách mạng lấy tên là “Phong trào 26 – 7”.
11 – 1956	Phi-đen Cát-xto-rô cùng 81 chiến sĩ yêu nước trở về nước trên con tàu “Gran-ma”.
1 – 1 – 1959	Chế độ độc tài Ba-ti-xta bị lật đổ. Cuộc cách mạng nhân dân ở Cu-ba đã giành thắng lợi.
4 – 1961	Quân dân Cu-ba tiêu diệt đội quân 1 300 tên lính đánh thuê của Mĩ tại bãi biển Hi-rôn. Phi-đen Cát-xto-rô tuyên bố : Cu-ba tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Câu 3.

– Thành tựu : Trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, các nước Mĩ La-tinh đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong cuộc củng cố độc lập chủ quyền, dân chủ hoá sinh hoạt chính trị, tiến hành các cải cách kinh tế và thành lập các tổ chức liên minh khu vực về hợp tác và phát triển kinh tế.

– Khó khăn : Đầu những năm 90 của thế kỉ XX, do nhiều nguyên nhân, tình hình kinh tế, chính trị ở nhiều nước Mĩ La-tinh gặp nhiều khó khăn, thậm chí có lúc căng thẳng. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Mĩ La-tinh từ 1991 đến năm 2000 chỉ khoảng 3%, thu nhập đầu người hầu như không tăng, nợ nước ngoài tăng, đầu tư nước ngoài giảm sút. Tình hình chính trị một số nước không ổn định, các phe phái tranh giành quyền lực. Chính phủ của các nước này không thể kiểm soát được tình hình trong nước.

Câu 4.

– Sau ngày cách mạng thắng lợi, chính phủ cách mạng lâm thời Cu-ba đã tiến hành cuộc cải cách dân chủ triệt để, cải cách ruộng đất, quốc hữu hoá các xí nghiệp của tư bản nước ngoài, xây dựng chính quyền cách mạng, thanh toán nạn mù chữ, phát triển giáo dục.

– Tháng 4 – 1961, quân dân Cu-ba tiêu diệt đội quân đánh thuê của Mĩ ở bãi biển Hi-rôn. Phi-đen Cát-xto-rô tuyên bố với toàn thế giới : Cu-ba tiến lên chủ nghĩa xã hội.

– Mặc dù bị Mĩ bao vây cấm vận, nhân dân Cu-ba đã giành được nhiều thành tựu to lớn : xây dựng được nền đại công nghiệp với hệ thống cơ cấu các ngành hợp lí, một

nền nông nghiệp đa dạng, giáo dục, y tế, văn hoá, thể thao phát triển mạnh, đạt trình độ cao trên thế giới.

– Nền kinh tế Cu-ba có những chuyển biến tích cực, tốc độ tăng trưởng ngày càng gia tăng : năm 1994 là 0,4%, năm 1995 là 2,5% và năm 1996 là 7,8%.

IV. TƯ LIỆU THAM KHẢO

Sự kiện vịnh Con Lợn

Cuộc tấn công xâm lược Cu-ba không thành công, do lực lượng phản động Cu-ba lưu vong tiến hành dưới sự giúp đỡ của Hoa Kỳ. Để chống lại cách mạng Cu-ba, Hoa Kỳ đã thi hành nhiều biện pháp kinh tế phối hợp với sức ép ngoại giao, thâm nhập và xúi giục thành lập những tổ chức phản cách mạng, tiến hành phá hoại, tung gián điệp, mưu sát các nhà lãnh đạo... Tổng thống Ken-nơ-đi quyết định không dùng trực tiếp quân đội Hoa Kỳ mà tuyển mộ những phần tử Cu-ba lưu vong tổ chức xâm nhập Cu-ba.

Mở sáng 15 – 4 – 1961, nhiều máy bay xuất phát từ lãnh thổ Hoa Kỳ, nhưng được nguy trang bằng cờ và phù hiệu của Cu-ba bắn phá và ném bom một số sân bay Cu-ba nhằm phá huỷ các căn cứ và lực lượng không quân Cu-ba để giành ưu thế trên không trong cuộc đổ bộ. Ngày 16 – 4 – 1961, Phi-đen Cát-xơ-rô tuyên bố Cu-ba đi theo con đường xã hội chủ nghĩa. Ngày 17 – 4 – 1961, quân đánh thuê của Hoa Kỳ bắt đầu đổ bộ vào vịnh Con Lợn, mục tiêu của chúng là chiếm một bộ phận lãnh thổ Cu-ba, lật đổ chính quyền của Phi-đen Cát-xơ-rô, dựng lên chính quyền lâm thời đã được Hoa Kỳ chuẩn bị sẵn ở Mai-a-mi. Từ khu vực chiếm đóng này sẽ tiến hành các cuộc hành quân, tạo ra cuộc nội chiến để Hoa Kỳ lấy cớ can thiệp trực tiếp. Nhưng đến ngày 19 – 4 – 1961, cứ điểm cuối cùng của quân đánh thuê đã bị tiêu diệt, cuộc tấn công xâm lược đã bị thất bại hoàn toàn.

(Từ điển bách khoa Việt Nam, tập 3, sđd, tr 831)

Chương III. MỸ, NHẬT BẢN, TÂY ÂU TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

Bài 8. NƯỚC MỸ

I. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CẦN ĐẠT

– Nêu được những nét lớn về tình hình kinh tế, khoa học – kĩ thuật, văn hoá, chính trị, xã hội của Mỹ từ năm 1945 đến nay.

– Chú ý :

+ Sự phát triển của khoa học – kĩ thuật.

+ Chính sách đối nội, đối ngoại của Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

II. BÀI TẬP THỰC HÀNH

Câu 1. Hãy nêu những thành tựu chủ yếu về khoa học – kĩ thuật của Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 2. Hãy trình bày những nét nổi bật trong chính sách đối nội và đối ngoại của Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Hướng dẫn làm bài

Câu 1. Những thành tựu chủ yếu về khoa học – kĩ thuật của Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai :

Nước Mỹ là nơi khởi đầu cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật và công nghệ diễn ra từ giữa những năm 40 của thế kỉ XX. Là nước đi đầu trong khoa học – kĩ thuật và công nghệ, Mỹ đã thu được nhiều thành tựu to lớn trong tất cả các lĩnh vực như sáng chế các công cụ sản xuất mới (máy tính, máy tự động và hệ thống máy tự động), các nguồn năng lượng mới (nguyên tử và mặt trời...), những vật liệu tổng hợp mới, “cách mạng xanh” trong nông nghiệp, cách mạng trong giao thông và thông tin liên lạc, trong công cuộc chinh phục vũ trụ (tháng 7 – 1969, lần đầu tiên đưa con người lên Mặt Trăng).

Câu 2. Những nét nổi bật trong chính sách đối nội và đối ngoại của Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai :

– Đối nội :

+ Sau chiến tranh, Nhà nước Mỹ đã ban hành hàng loạt các đạo luật phản động như cấm Đảng Cộng sản Mỹ hoạt động, loại bỏ những người có tư tưởng tiến bộ ra khỏi bộ máy nhà nước, chính quyền các đời tổng thống thực hiện hàng loạt chính sách nhằm ngăn cản phong trào công nhân, thực hiện chính sách phân biệt chủng tộc đối với người da đen và da màu...

+ Phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân Mỹ vẫn tiếp tục diễn ra, có thời kì bùng lên dữ dội như các “mùa hè nóng bỏng” của người da đen (1963, 1969 – 1975), phong trào phản chiến trong những năm Mỹ xâm lược Việt Nam (1969 – 1972).

– Đối ngoại :

+ Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, giới cầm quyền Mỹ đã đề ra “chiến lược toàn cầu” với các mục tiêu chống phá các nước xã hội chủ nghĩa, đẩy lùi phong trào giải phóng dân tộc và thiết lập sự thống trị trên toàn thế giới.

+ Mỹ “viện trợ” để lôi kéo, khống chế các nước nhận viện trợ, lập các khối quân sự, gây chiến tranh xâm lược... tiêu biểu là chiến tranh xâm lược Việt Nam và Mỹ bị thất bại nặng nề.

+ Từ năm 1991 đến năm 2000, giới cầm quyền Mỹ ráo riết tiến hành nhiều chính sách, biện pháp để xác lập trật tự thế giới đơn cực do Mỹ hoàn toàn chi phối và khống chế. Nhưng giữa tham vọng và khả năng thực tế của Mỹ vẫn có khoảng cách không nhỏ.

III. LUYỆN TẬP

Câu 1. Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

- Tình hình kinh tế Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai :
 - Mỹ trở thành nước tư bản giàu mạnh nhất thế giới, vươn lên chiếm ưu thế tuyệt đối về mọi mặt trong thế giới tư bản.
 - Kinh tế Mỹ có phần giảm sút do đất nước bị chiến tranh tàn phá.
 - Mỹ đã trở thành cường quốc công nghiệp đứng hàng thứ hai thế giới sau Tây Âu.
 - Kinh tế Mỹ không ổn định do vấp phải nhiều cuộc suy thoái, khủng hoảng.
- Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại được khởi đầu ở nước Mỹ từ
 - giữa những năm 40 của thế kỉ XX.
 - giữa những năm 50 của thế kỉ XX.
 - giữa những năm 60 của thế kỉ XX.
 - giữa những năm 70 của thế kỉ XX.
- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, hai đảng thay nhau cầm quyền ở Mỹ là
 - Đảng Cộng sản và Đảng Dân chủ tự do.
 - Đảng Dân chủ và Đảng Cộng hoà.
 - Đảng Cộng sản và Đảng Cộng hoà.
 - Đảng Dân chủ và Đảng Uých.
- Để thực hiện mục tiêu của “Chiến lược toàn cầu”, Mỹ đã dựa vào
 - sự phát triển về khoa học – kĩ thuật của mình sau chiến tranh.
 - lực lượng quân sự mạnh nhất thế giới tư bản và độc quyền vũ khí nguyên tử.
 - tiềm lực kinh tế – quân sự to lớn.
 - sự hợp tác chặt chẽ với khối NATO.
- Mục tiêu quan trọng của Mỹ trong “Chiến lược toàn cầu” là
 - nhằm chống phá các nước xã hội chủ nghĩa, đẩy lùi phong trào giải phóng dân tộc và thiết lập sự thống trị trên toàn thế giới.

- B. tăng cường chạy đua vũ trang, can thiệp vào các công việc quốc tế.
- C. Mĩ trở thành trung tâm kinh tế – tài chính lớn nhất thế giới.
- D. hợp tác với các nước trên thế giới, trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nhau.

Câu 2. Lập bảng thống kê về chính sách đối ngoại của Mĩ từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 3. Nêu những nét chính về sự phát triển của nền kinh tế Mĩ trong những năm 1945 – 1973. Những nhân tố nào thúc đẩy kinh tế Mĩ phát triển nhanh trong giai đoạn này ?

Đáp án – hướng dẫn làm bài

Câu 1.

1A	2A	3B	4C	5A
----	----	----	----	----

Câu 2.

	Nội dung
Tên gọi	“Chiến lược toàn cầu”, dưới tên gọi của nhiều học thuyết khác nhau.
Chỗ dựa	Dựa vào tiềm lực kinh tế – quân sự to lớn.
Mục tiêu	Nhằm chống phá các nước xã hội chủ nghĩa, đẩy lùi phong trào giải phóng dân tộc và thiết lập sự thống trị trên toàn thế giới.
Biện pháp thực hiện	Mĩ tiến hành viện trợ để lôi kéo, không chế các nước nhận viện trợ, lập các khối quân sự, gây chiến tranh xâm lược...
Kết quả thực hiện	Tuy thực hiện được một số mưu đồ, nhưng Mĩ cũng vấp phải nhiều thất bại nặng nề, tiêu biểu là thất bại của Mĩ trong chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Câu 3.

– Sự phát triển của nền kinh tế Mĩ trong những năm 1945 – 1973 :

+ Trong những năm 1945 – 1950, nước Mĩ chiếm hơn một nửa sản lượng công nghiệp toàn thế giới (56,47% – 1948), sản lượng nông nghiệp của Mĩ gấp 2 lần sản lượng nông nghiệp của năm nước Anh, Pháp, Tây Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản cộng lại, nắm trong tay 3/4 trữ lượng vàng của thế giới (24,6 tỉ USD), là chủ nợ duy nhất của thế giới. Mĩ có lực lượng quân sự mạnh nhất thế giới tư bản và độc quyền vũ khí nguyên tử.

+ Trong những thập niên tiếp sau, tuy vẫn còn đứng đầu thế giới về nhiều mặt nhưng kinh tế Mĩ không còn giữ ưu thế tuyệt đối như trước nữa. Sản lượng công nghiệp chỉ còn chiếm 39,8% của thế giới (1973), dự trữ vàng cạn dần, đồng đôla bị phá giá...

– Những nhân tố chủ yếu thúc đẩy kinh tế Mỹ phát triển :

+ Mỹ đã thu được 114 tỉ USD lợi nhuận khi bước ra khỏi cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai.

+ Nước Mỹ ở xa chiến trường, không bị chiến tranh tàn phá, được yên ổn phát triển sản xuất và bán vũ khí, hàng hoá cho các nước tham chiến. Vì vậy, sau chiến tranh Mỹ đã vươn lên chiếm ưu thế tuyệt đối về mọi mặt trong thế giới tự bản.

IV. TƯ LIỆU THAM KHẢO

Lần đầu tiên con người đặt chân lên Mặt Trăng (20 – 7 – 1969)

Ngày 20 – 7 – 1969, được hàng triệu người trên thế giới chứng kiến qua màn ảnh ti vi, Am-xtrong từ phi thuyền con đã bước chân xuống Mặt Trăng. Để kỉ niệm một bước ngoặt lịch sử của con người trong lĩnh vực chinh phục vũ trụ, Am-xtrong cùng với người bạn đồng hành An-đriu đã cắm lá quốc kì Mỹ bằng ni lông cùng một tấm bảng bằng thép không rỉ trên Mặt Trăng có ghi dòng chữ : “Đây là nơi mà lần đầu tiên con người trên Trái Đất đặt chân”. Ngoài ra họ còn để trên Mặt Trăng một miếng xilich, trên đó có khắc những thông điệp của 3 vị tổng thống Mỹ cùng nhiều vật dụng khác. Từ Mặt Trăng vọng về câu nói nổi tiếng của Am-xtrong : “Đó là một bước nhỏ của một con người, nhưng là một bước nhảy vĩ đại của nhân loại”. Với chuyến bay này Am-xtrong và An-đriu đã thực hiện được giấc mơ từ lâu của loài người là đi bộ lên Mặt Trăng. Họ đã ở đó 21 giờ 36 phút.

(Lê Trung Dũng - Nguyễn Ngọc Mão (Đồng Chủ biên),

Thế giới những sự kiện lịch sử thế kỉ XX (1946 – 2000), NXB Giáo dục, tr 152)

Bài 9. NHẬT BẢN

I. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CẦN ĐẠT

– Tình hình Nhật Bản và những cải cách dân chủ ở Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

– Sự khôi phục và phát triển nhanh về kinh tế của Nhật Bản sau chiến tranh và nguyên nhân của sự phát triển đó.

– Biết được chính sách đối nội, đối ngoại của Nhật Bản sau chiến tranh.

II. BÀI TẬP THỰC HÀNH

Câu 1. Hãy nêu nội dung những cải cách dân chủ ở Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai và ý nghĩa của những cải cách đó.

Câu 2. Trình bày những nét chính về sự phát triển của kinh tế Nhật Bản từ đầu những năm 50 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX.

Câu 3. Trình bày những nét nổi bật trong chính sách đối nội và đối ngoại của Nhật Bản từ sau năm 1945.

Hướng dẫn làm bài

Câu 1. Nội dung những cải cách dân chủ ở Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai và ý nghĩa của những cải cách đó :

– Sau chiến tranh, dưới chế độ quân quản của Mĩ, một loạt các cải cách dân chủ đã được tiến hành như : ban hành Hiến pháp mới (1946), thực hiện cải cách ruộng đất, xoá bỏ chế độ quân phiệt và trừng trị các tội phạm chiến tranh, ban hành các quyền tự do dân chủ (luật Công đoàn, đề cao địa vị phụ nữ, trường học tách khỏi ảnh hưởng tôn giáo...).

– Ý nghĩa : Những cải cách này đã mang lại luồng không khí mới đối với các tầng lớp nhân dân và là nhân tố quan trọng giúp Nhật Bản phát triển mạnh mẽ sau này.

Câu 2. Những nét chính về sự phát triển của kinh tế Nhật Bản từ đầu những năm 50 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX :

– Từ đầu những năm 50 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX, kinh tế Nhật Bản tăng trưởng “thần kì”.

+ Về tổng sản phẩm quốc dân, năm 1950 Nhật Bản chỉ mới đạt 20 tỉ USD, nhưng đến năm 1968 đã đạt tới 183 tỉ USD, vươn lên đứng hàng thứ hai trên thế giới – sau Mĩ (830 tỉ USD)...

+ Về công nghiệp : trong những năm 1950 – 1960, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm là 15%, những năm 1961 – 1970 là 13,5%.

+ Về nông nghiệp, đã cung cấp được hơn 80% nhu cầu lương thực trong nước.

– Từ những năm 70 của thế kỉ XX, cùng với Mĩ và Tây Âu, Nhật Bản đã trở thành một trong ba trung tâm kinh tế – tài chính của thế giới.

Câu 3. Những nét nổi bật trong chính sách đối nội và đối ngoại của Nhật Bản từ sau năm 1945 :

– Về đối nội : Sau chiến tranh, nhờ những cải cách dân chủ, Nhật Bản chuyển từ xã hội chuyên chế sang một xã hội dân chủ... Từ năm 1955 đến năm 1993, Đảng Dân chủ Tự do (LDP) liên tục cầm quyền. Nhưng từ năm 1993, Đảng Dân chủ Tự do đã mất quyền lập chính phủ, phải nhường chỗ hoặc liên minh với các lực lượng đối lập.

– Về đối ngoại : Sau chiến tranh, Nhật Bản hoàn toàn lệ thuộc vào Mĩ về chính trị và an ninh. Ngày 8 – 9 – 1951, Nhật Bản kí với Mĩ “Hiệp ước an ninh Mĩ – Nhật”. Theo đó, Nhật Bản chấp nhận đặt dưới “ô bảo hộ hạt nhân” của Mĩ và để Mĩ đóng quân, xây dựng căn cứ quân sự trên lãnh thổ Nhật Bản. Từ nhiều thập niên qua, Nhật

Bản thi hành một chính sách đối ngoại mềm mỏng về chính trị và phát triển các quan hệ kinh tế đối ngoại, nỗ lực vươn lên trở thành một cường quốc chính trị để tương xứng với vị trí siêu cường kinh tế của mình.

III. LUYỆN TẬP

Câu 1. Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, tình hình Nhật Bản có đặc điểm nổi bật là
 - nước bại trận và bị quân đội nước ngoài chiếm đóng, kinh tế bị tàn phá nặng nề.
 - nước thắng trận, thu được nhiều lợi nhuận nhờ chiến tranh.
 - nước không bị chiến tranh tàn phá, kinh tế phát triển mạnh.
 - nước giàu về kinh tế, mạnh về quốc phòng.
- Kinh tế Nhật Bản đạt được sự tăng trưởng “thần kì”, vượt qua các nước Tây Âu, vươn lên đứng thứ hai trong thế giới tư bản chủ nghĩa từ
 - những năm 50 của thế kỉ XX.
 - những năm 60 của thế kỉ XX.
 - những năm 70 của thế kỉ XX.
 - những năm 80 của thế kỉ XX.
- Nhật Bản trở thành một trong ba trung tâm kinh tế – tài chính của thế giới vào
 - những năm 50 của thế kỉ XX.
 - những năm 60 của thế kỉ XX.
 - những năm 70 của thế kỉ XX.
 - những năm 80 của thế kỉ XX.
- Nhật Bản kí với Mỹ “Hiệp ước an ninh Mỹ – Nhật” vào ngày
 - 8 – 9 – 1951.
 - 9 – 9 – 1951.
 - 10 – 9 – 1951.
 - 11 – 9 – 1951.
- Nét nổi bật của tình hình kinh tế Nhật Bản từ đầu những năm 90 của thế kỉ XX là
 - kinh tế lâm vào tình trạng suy thoái kéo dài.
 - Nhật mất vị trí là một trong ba trung tâm kinh tế – tài chính của thế giới.
 - kinh tế Nhật tiếp tục phát triển mạnh.
 - Nhật vươn lên địa vị trung tâm kinh tế – tài chính duy nhất của thế giới.

Câu 2. Hãy nối thời gian (cột A) với nội dung lịch sử (cột B) cho đúng.

A

B

1. 1946
2. 1946 – 1949
3. 1968
4. Những năm 70 của thế kỉ XX
5. Đầu những năm 90 của thế kỉ XX
6. 8 – 9 – 1951

a) Nhật Bản kí với Mỹ hiệp ước an ninh Mỹ – Nhật.
b) Nền kinh tế Nhật Bản lâm vào suy thoái.
c) Nhật Bản trở thành một trong ba trung tâm kinh tế – tài chính của thế giới.
d) Tổng sản phẩm quốc dân Nhật Bản đạt 183 tỉ USD, đứng thứ hai thế giới (sau Mỹ).
e) Thực hiện cải cách ruộng đất.
h) Ban hành Hiến pháp.

Câu 3. Những nguyên nhân nào dẫn đến sự phát triển thần kì của nền kinh tế Nhật Bản trong những năm 70 của thế kỉ XX ?

Câu 4. Hãy nêu những khó khăn đối với sự phát triển kinh tế ở Nhật Bản.

Đáp án – hướng dẫn làm bài

Câu 1.

1A	2B	3C	4A	5A
----	----	----	----	----

Câu 2. Nội : 1 – h ; 2 – e ; 3 – d ; 4 – c ; 5 – b ; 6 – a

Câu 3. Sự phát triển nhanh chóng của Nhật Bản gắn liền với những điều kiện quốc tế thuận lợi như sự phát triển chung của nền kinh tế thế giới, những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại...

Những nhân tố có ý nghĩa quyết định của chính Nhật Bản là:

- Truyền thống văn hoá, giáo dục lâu đời của người Nhật Bản sẵn sàng tiếp thu những giá trị tiến bộ của thế giới nhưng vẫn giữ được bản sắc dân tộc.
- Hệ thống tổ chức quản lí có hiệu quả của các xí nghiệp, công ti Nhật Bản.
- Vai trò quan trọng của Nhà nước trong việc đề ra các chiến lược phát triển, nắm bắt đúng thời cơ và sự điều tiết cần thiết để đưa nền kinh tế liên tục tăng trưởng.
- Con người Nhật Bản được đào tạo chu đáo, có ý chí vươn lên, cần cù lao động, đề cao kỉ luật và coi trọng tiết kiệm.

Câu 4. Nền kinh tế Nhật Bản cũng gặp nhiều khó khăn, hạn chế như hầu hết năng lượng, nguyên liệu đều phải nhập từ nước ngoài, cơ cấu vùng kinh tế Nhật Bản thiếu cân đối, giữa công nghiệp và nông nghiệp cũng có sự mất cân đối, Nhật Bản luôn gặp sự cạnh tranh chèn ép của Mĩ và nhiều nước khác...

Đầu những năm 90 của thế kỉ XX, kinh tế Nhật Bản lâm vào tình trạng suy thoái, tốc độ tăng trưởng kinh tế bị giảm sút liên tục, ngân sách thâm hụt... nhiều biện pháp khắc phục của chính phủ không đạt kết quả như mong muốn.

IV. TƯ LIỆU THAM KHẢO

Hiến pháp Nhật Bản (1946)

Sau chiến tranh, việc làm có ý nghĩa nhất của người Mĩ trong cuộc cải cách chính trị tại Nhật Bản đó chính là việc tập trung vào soạn thảo một bản Hiến pháp mới cho “đất nước Mặt Trời mọc”. Hiến pháp mới được ban hành ngày 3 – 11 – 1946 và có hiệu lực từ ngày 3 – 5 – 1947, quy định Hoàng đế từ nay chỉ còn là “biểu trưng cho quốc gia và sự đoàn kết dân tộc”. Phù hợp với quan niệm chủ quyền đất nước thuộc về nhân dân, quốc hội lưỡng viện trở thành cơ quan quyền lực cao nhất, chính phủ sẽ do quốc hội đề cử và chịu trách nhiệm trước quốc hội, nguyên tắc “tam quyền phân

lập” chính thức xác lập. Hiến pháp quy định mọi quyền tự do cơ bản của công dân và xoá bỏ sự phân biệt về đẳng cấp và phẩm tước. Đặc biệt, điều 9 quy định rằng “dân tộc Nhật vĩnh viễn từ bỏ chiến tranh như một quyền tối thượng của quốc gia, từ bỏ sự đe dọa hoặc sử dụng sức mạnh như là phương tiện giải quyết các tranh chấp quốc tế”. Do đó, Nhật sẽ “không bao giờ duy trì các lực lượng hải, lục, không quân cũng như các tiềm lực chiến tranh khác. Quyền gây chiến của nhà nước không được công nhận”.

(Trần Nam Tiền (Chủ biên), *Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại*, Nxb Giáo dục, tr 80)

Bài 10. CÁC NƯỚC TÂY ÂU

I. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CẦN ĐẠT

- Nét nổi bật về kinh tế, chính trị và chính sách đối ngoại của các nước Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
- Quá trình liên kết khu vực của các nước Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

II. BÀI TẬP THỰC HÀNH

Câu 1. Những nét nổi bật nhất của tình hình các nước Tây Âu từ sau năm 1945 là gì ?

Câu 2. Hãy cho biết những mốc thời gian thành lập các tổ chức liên kết kinh tế ở khu vực Tây Âu.

Hướng dẫn làm bài

Câu 1. Nét nổi bật nhất của tình hình các nước Tây Âu từ sau năm 1945 :

– Về kinh tế : Để khôi phục nền kinh tế bị chiến tranh tàn phá nặng nề, các nước Tây Âu đã nhận viện trợ của Mĩ theo Kế hoạch Mác-san. Kế hoạch này được thực hiện từ năm 1948 đến năm 1951 với tổng số tiền khoảng 17 tỉ USD. Kinh tế các nước Tây Âu được phục hồi nhưng ngày càng lệ thuộc vào Mĩ.

– Về chính trị : Giai cấp tư sản cầm quyền ở các nước Tây Âu tìm cách thu hẹp các quyền tự do dân chủ, xoá bỏ các cải cách tiến bộ, ngăn cản các phong trào công nhân và dân chủ.

– Về đối ngoại : Nhiều nước Tây Âu đã tiến hành các cuộc chiến tranh tái chiếm thuộc địa. Trong bối cảnh “Chiến tranh lạnh” các nước Tây Âu tham gia khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO) nhằm chống lại Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, các nước đều chạy đua vũ trang và thiết lập nhiều căn cứ quân sự.

– Năm 1949, nước Đức bị chia cắt thành hai nhà nước, Cộng hoà Liên bang Đức và Cộng hoà Dân chủ Đức. Tháng 10 – 1990, nước Đức tái thống nhất, trở thành quốc gia có tiềm lực kinh tế, quân sự mạnh nhất Tây Âu.

Câu 2. Những mốc thời gian thành lập các tổ chức liên kết kinh tế ở khu vực Tây Âu :

– Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, một xu hướng nổi bật là sự liên kết kinh tế giữa các nước trong khu vực.

– Tháng 4 – 1951, “Cộng đồng than, thép châu Âu” ra đời gồm 6 nước : Pháp, CHLB Đức, I-ta-li-a, Bỉ, Hà Lan và Lúc-xăm-bua.

– Tháng 3 – 1957, sáu nước trên cùng nhau thành lập “Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu”, rồi “Cộng đồng kinh tế châu Âu”.

– Tháng 7 – 1967, ba cộng đồng trên sáp nhập với nhau thành “Cộng đồng châu Âu” (EC).

– Tháng 12 – 1991, các nước EC họp Hội nghị cấp cao tại Ma-xtrích. Hội nghị đã thông qua 2 quyết định quan trọng : xây dựng một liên minh kinh tế và một liên minh chính trị, tiến tới một nhà nước chung châu Âu. Hội nghị quyết định Cộng đồng châu Âu mang tên gọi mới là Liên minh châu Âu (EU) ; từ ngày 1 – 1 – 1999, đồng tiền chung châu Âu với tên gọi là đồng ơ-rô (EURO) được phát hành. Tới nay Liên minh châu Âu là một liên minh kinh tế – chính trị lớn nhất thế giới. Đến năm 2007 số thành viên của EU là 27 nước.

III. LUYỆN TẬP

Câu 1. Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

- Tây Âu là một khái niệm được sử dụng sau Chiến tranh thế giới thứ hai để chỉ
 - các nước xã hội chủ nghĩa ở phía tây châu Âu.
 - các nước tư bản chủ nghĩa ở phía tây châu Âu.
 - tất cả các nước ở châu Âu.
 - các cường quốc ở châu Âu.
- Để khôi phục nền kinh tế của đất nước, năm 1948, 16 nước Tây Âu đã nhận viện trợ của Mỹ theo

A. Kế hoạch Mác-san.	B. Kế hoạch Mao-bát-ton.
C. Định ước Hen-xin-ki.	D. Hiệp ước Ma-xtrích.
- Nét nổi bật trong chính sách đối ngoại của các nước Tây Âu ngay sau Chiến tranh thế giới thứ hai là
 - đẩy mạnh tiến hành các cuộc chiến tranh xâm lược thuộc địa.
 - tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác với tất cả các nước trên thế giới.
 - thực hiện chính sách hoà bình, trung lập tích cực.
 - tiến hành các cuộc chiến tranh xâm lược nhằm khôi phục ách thống trị đối với các thuộc địa trước đây.
- Nhằm chống lại Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, các nước Tây Âu đã tham gia

- A. Tổ chức hiệp ước Vác-sa-va.
 B. Khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO).
 C. Tổ chức hiệp ước Đông Nam Á (SEATO).
 D. Liên minh quân sự ANZUS.
5. Hội nghị cấp cao nào đã đánh dấu mốc mang tính đột biến của quá trình liên kết quốc tế ở châu Âu ?
 A. Hội nghị Ma-xtrích. B. Hội nghị Pa-ri.
 C. Hội nghị Oa-sinh-ton. D. Hội nghị Giơ-ne-vơ.
6. Cùng với những bước tiến của quá trình liên kết, Hội nghị Ma-xtrích đã có quyết định quan trọng, đó là
 A. thành lập Cộng đồng than, thép châu Âu.
 B. thành lập Cộng đồng kinh tế châu Âu.
 C. thành lập Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu.
 D. Cộng đồng châu Âu mang tên gọi mới là Liên minh châu Âu.
7. Đồng tiền chung châu Âu với tên gọi là đồng ơ-rô (EURO) đã được phát hành từ ngày
 A. 1 – 1 – 1996. B. 1 – 1 – 1997.
 C. 1 – 1 – 1998. D. 1 – 1 – 1999.

Câu 2. Điền sự kiện lịch sử cho phù hợp với những mốc thời gian thành lập các tổ chức liên kết kinh tế ở khu vực Tây Âu.

Thời gian	Sự kiện lịch sử
Tháng 4 – 1951(1).....
Tháng 3 – 1957(2).....
Tháng 7 – 1967(3).....
Tháng 12 – 1991(4).....

Câu 3. Vì sao các nước Tây Âu có xu hướng liên kết với nhau ?

Câu 4. Trình bày những quyết định quan trọng của Hội nghị Ma-xtrích (12 – 1991).

Đáp án – hướng dẫn làm bài

Câu 1.

1B	2A	3D	4B	5A	6D	7D
----	----	----	----	----	----	----

Câu 2.

(1) Cộng đồng than – thép châu Âu ra đời.

(2) Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu, Cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC).

(3) Cộng đồng châu Âu (EC).

(4) Các nước EC họp Hội nghị cấp cao tại Ma-xtrích quyết định Cộng đồng châu Âu mang tên gọi mới là Liên minh châu Âu (EU).

Câu 3. Nguyên nhân đưa tới những liên kết :

– Sáu nước Tây Âu đều có chung nền văn minh, nền kinh tế không cách biệt nhau và từ lâu có liên hệ mật thiết với nhau. Sự hợp tác phát triển sẽ giúp mở rộng thị trường, nhất là dưới sự tác động của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật và còn giúp các nước châu Âu tin cậy nhau hơn về chính trị, khắc phục những chia rẽ từng xảy ra trong lịch sử.

– Từ năm 1950, do kinh tế bắt đầu phát triển với tốc độ nhanh, các nước Tây Âu ngày càng muốn thoát dần khỏi sự lệ thuộc vào Mỹ. Các nước Tây Âu liên kết cùng nhau trong cuộc chiến cạnh tranh với các nước ngoài khu vực.

Câu 4.

– Tháng 12 – 1991, các nước EC họp Hội nghị cấp cao tại Ma-xtrích (Hà Lan) thông qua hai quyết định quan trọng :

+ Xây dựng một thị trường nội địa châu Âu với một liên minh kinh tế và tiền tệ châu Âu, có một đồng tiền chung duy nhất. Từ ngày 1 – 1 – 1999, đã phát hành đồng tiền chung châu Âu với tên gọi là đồng ơ rô (EURO).

+ Xây dựng một liên minh chính trị, mở rộng sang liên kết về chính sách đối ngoại và an ninh, tiến tới một nhà nước chung châu Âu.

– Với những bước tiến của quá trình liên kết, Hội nghị Ma-xtrích quyết định Cộng đồng châu Âu mang tên gọi mới là Liên minh châu Âu (EU).

Chương IV. QUAN HỆ QUỐC TẾ TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

Bài 11. TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

I. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CẦN ĐẠT

- Những nội dung cơ bản của quan hệ quốc tế từ năm 1945 đến năm 1991.
- Sự hình thành trật tự thế giới mới và sự thành lập tổ chức Liên hợp quốc.
- Những đặc điểm của quan hệ quốc tế từ năm 1991 đến nay.

II. BÀI TẬP THỰC HÀNH

Câu 1. Hội nghị I-an-ta đã có những quyết định nào ? Hệ quả của các quyết định đó.

Câu 2. Trình bày sự thành lập, nhiệm vụ và vai trò của tổ chức Liên hợp quốc.

Câu 3. Hãy nêu các xu thế phát triển của thế giới sau “Chiến tranh lạnh”.

Hướng dẫn làm bài

Câu 1.

– Từ ngày 4 đến ngày 11 – 2 – 1945, ba nguyên thủ các cường quốc Liên Xô, Mĩ và Anh là Xta-lin, Ru-dơ-ven và Séc-sin đã có cuộc gặp tại I-an-ta.

– Hội nghị đã thông qua các quyết định quan trọng về việc phân chia khu vực ảnh hưởng giữa hai cường quốc Liên Xô và Mĩ ở châu Âu và châu Á.

+ Ở châu Âu : Liên Xô kiểm soát vùng Đông nước Đức và phía đông châu Âu (Đông Âu), vùng Tây nước Đức và Tây Âu thuộc phạm vi ảnh hưởng của Mĩ và Anh.

+ Ở châu Á : Liên Xô tham chiến chống Nhật, nên Mĩ và Anh chấp nhận điều kiện của Liên Xô là duy trì nguyên trạng Mông Cổ, trả lại Liên Xô phía nam đảo Xa-kha-lin, trao trả cho Trung Quốc những đất đai đã bị Nhật chiếm trước đây (như Đài Loan, Mãn Châu...), thành lập Chính phủ liên hiệp dân tộc gồm Quốc dân đảng và Đảng Cộng sản Trung Quốc. Triều Tiên được công nhận là quốc gia độc lập, nhưng tạm thời Liên Xô và Mĩ chia nhau kiểm soát và đóng quân ở Bắc và Nam vĩ tuyến 38.

+ Các vùng còn lại ở châu Á (Đông Nam Á,...) vẫn thuộc phạm vi ảnh hưởng của các nước phương Tây.

– Hệ quả : Toàn bộ những quyết định trên đã trở thành khuôn khổ của một trật tự thế giới mới, gọi là Trật tự hai cực I-an-ta do Liên Xô và Mĩ đứng đầu mỗi cực.

Câu 2. Sự thành lập, nhiệm vụ và vai trò của tổ chức Liên hợp quốc :

– Sự thành lập : Hội nghị I-an-ta còn có quyết định quan trọng khác là thành lập một tổ chức quốc tế mới là Liên hợp quốc. Tháng 10 – 1945, Liên hợp quốc được chính thức thành lập.

– Nhiệm vụ : Duy trì hoà bình và an ninh thế giới, phát triển mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền của các dân tộc, thực hiện sự hợp tác quốc tế về kinh tế, văn hoá, xã hội và nhân đạo...

– Vai trò : Liên hợp quốc có vai trò quan trọng trong việc duy trì hoà bình an ninh thế giới, đấu tranh xoá bỏ chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, giúp đỡ các nước phát triển kinh tế, văn hoá, nhất là các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh.

Câu 3. Sau “chiến tranh lạnh”, tình hình thế giới có nhiều biến chuyển và diễn ra theo những xu hướng phát triển sau :

– Xu thế hoà hoãn và hoà dịu trong quan hệ quốc tế.

– Sự tan rã của Trật tự hai cực I-an-ta và thế giới đang tiến tới xác lập một trật tự thế giới mới, đa cực, nhiều trung tâm.

– Dưới tác động to lớn của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật, hầu hết các nước đều ra sức điều chỉnh chiến lược phát triển, lấy kinh tế làm trọng tâm.

– Tuy hoà bình thế giới được củng cố, nhưng từ đầu những năm 90 của thế kỉ XX, ở nhiều khu vực lại xảy ra những vụ xung đột quân sự hoặc nội chiến giữa các phe phái (như ở Liên bang Nam Tư cũ, châu Phi, Trung Á...).

Tuy nhiên, xu thế chung của thế giới ngày nay là hoà bình, ổn định và hợp tác phát triển.

III. LUYỆN TẬP

Câu 1. Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

- Hội nghị I-an-ta diễn ra trong thời gian từ ngày
 - 4 đến ngày 11 – 2 – 1945.
 - 5 đến ngày 12 – 2 – 1945.
 - 25 – 4 đến ngày 26 – 6 – 1945.
 - 26 – 5 đến ngày 26 – 6 – 1945.
- Tham dự Hội nghị I-an-ta gồm ba nguyên thủ của các cường quốc
 - Liên Xô, Anh, Pháp.
 - Liên Xô, Mĩ, Anh.
 - Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản.
 - Mĩ, Anh, Pháp.
- Hội nghị I-an-ta đã thông qua quyết định quan trọng nào ?
 - Nhanh chóng khắc phục hậu quả chiến tranh.
 - Thành lập Hội quốc liên.
 - Quyết định về vấn đề giải giáp vũ khí quân đội phát xít Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản.
 - Quyết định về việc phân chia khu vực ảnh hưởng giữa hai cường quốc Liên Xô và Mĩ.
- Theo thoả thuận của các cường quốc Đồng minh tại Hội nghị I-an-ta, khu vực Đông Nam Á thuộc phạm vi ảnh hưởng của

A. Liên Xô.

B. Pháp.

C. Mỹ.

D. các nước phương Tây.

5. Tổng thống Mĩ Bu-sơ (cha) và Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô Goóc-ba-chốp đã cùng nhau tuyên bố chấm dứt “chiến tranh lạnh” vào tháng

A. 12 – 1989.

B. 10 – 1990.

C. 8 – 1991.

D. 12 – 1991.

Câu 2. Hãy nêu những biểu hiện của tình trạng “Chiến tranh lạnh” và hậu quả của nó.

Đáp án – hướng dẫn làm bài

Câu 1.

1A	2B	3D	4D	5A
----	----	----	----	----

Câu 2.

– Những biểu hiện của “Chiến tranh lạnh” :

+ Mĩ và các nước đế quốc ráo riết chạy đua vũ trang, tăng cường ngân sách quân sự, thành lập các khối quân sự và căn cứ quân sự, tiến hành nhiều cuộc chiến tranh đàn áp cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc.

+ Trước tình hình bị đe dọa đó, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa phải tăng ngân sách quốc phòng, củng cố khả năng phòng thủ của mình.

– Hậu quả : “Chiến tranh lạnh” đã gây ra hậu quả hết sức nặng nề, thế giới luôn ở tình trạng căng thẳng, các cường quốc chi một khối lượng khổng lồ về tiền của và sức người để sản xuất các loại vũ khí hủy diệt, xây dựng hàng nghìn căn cứ quân sự. Trong khi đó, loài người vẫn phải chịu khó khăn do đói nghèo, dịch bệnh, thiên tai... gây ra, nhất là các nước ở châu Á, châu Phi.

IV. TƯ LIỆU THAM KHẢO

Chiến tranh lạnh

Theo một số tài liệu, từ “chiến tranh lạnh” do Ba-nốt Ba-rót (Barnard Baruch), tác giả kế hoạch nguyên tử lực của Mĩ ở Liên hợp quốc đặt ra, xuất hiện trên báo chí Mĩ lần đầu tiên vào ngày 26 – 7 – 1947. Nhà sử học Anh Bơ-lếch-két (P.M.S Blackett) trong “Hậu quả quân sự và chính trị của nguyên tử lực” năm 1948 cũng đã dùng thuật ngữ này. Chiến tranh lạnh theo từ điển của Mĩ là cuộc xung đột gay gắt trên lĩnh vực ngoại giao, kinh tế... giữa các nước và có thể dẫn tới một cuộc chiến tranh nóng” (tức xung đột quân sự) “là chiến tranh không nổ súng, không đổ máu” nhưng “luôn luôn ở tình trạng chiến tranh” nhằm “ngăn chặn” rồi “tiêu diệt” Liên Xô. Cuộc chiến tranh này diễn ra giữa hai phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa, kéo dài cho đến năm 1989, khi Tổng thống Mĩ Bu-sơ (cha) và Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô Goóc-ba-chốp chính thức tuyên bố chấm dứt “chiến tranh lạnh” ở Man-ta.

(Theo Trần Nam Tiến, Ssd, tr 46)

Chương V. CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC – KỸ THUẬT TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

Bài 12. NHỮNG THÀNH TỰU CHỦ YẾU VÀ Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA CÁCH MẠNG KHOA HỌC – KỸ THUẬT

I. KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CẦN ĐẠT

- Biết được những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học – kĩ thuật.
- Đánh giá được ý nghĩa, những tác động tích cực và hậu quả tiêu cực của cách mạng khoa học – kĩ thuật.

II. BÀI TẬP THỰC HÀNH

Câu 1. Trình bày những thành tựu chủ yếu của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật từ năm 1945 đến nay.

Câu 2. Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện nay đã có ý nghĩa và tác động như thế nào đối với cuộc sống của con người ?

Hướng dẫn làm bài

Câu 1. Những thành tựu chủ yếu của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật từ năm 1945 đến nay :

– Trong lĩnh vực khoa học cơ bản, con người đã có những phát minh to lớn, đánh dấu những bước nhảy vọt trong Toán học, Vật lí, Hoá học và Sinh học. Dựa vào những phát minh lớn của các ngành khoa học cơ bản, con người đã ứng dụng vào kĩ thuật và sản xuất để phục vụ cho cuộc sống của mình. Thành tựu nổi bật là việc tạo ra được con cừu Đô-ly bằng phương pháp sinh sản vô tính, giải mã bản đồ gen người...

– Những phát minh lớn về những công cụ sản xuất mới như : máy tính điện tử, máy tự động và hệ thống máy tự động.

– Tìm ra được những nguồn năng lượng mới như : năng lượng nguyên tử, năng lượng mặt trời, năng lượng gió, năng lượng thủy triều...

– Sáng chế những vật liệu mới như : pô-li-me (chất dẻo), nhiều loại chất dẻo nhẹ có độ bền và sức chịu nhiệt tốt, số vật liệu nhân tạo mới không ngừng gia tăng.

– Tiến hành cuộc “cách mạng xanh” trong nông nghiệp. Nhờ cuộc “cách mạng xanh” này, nhiều nước đã khắc phục được nạn thiếu lương thực, đói ăn kéo dài.

– Trong lĩnh vực giao thông vận tải và thông tin liên lạc : sản xuất được những loại máy bay siêu âm không lồ, tàu hoả tốc độ cao, phương tiện thông tin liên lạc, phát sóng vô tuyến hiện đại qua hệ thống vệ tinh nhân tạo.

– Trong chinh phục vũ trụ : phóng thành công vệ tinh nhân tạo đầu tiên của Trái Đất, con người đã bay vào vũ trụ (1961) và đặt chân lên Mặt Trăng (1969).

Câu 2.

– Ý nghĩa và tác động tích cực của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật :

+ Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật có ý nghĩa vô cùng to lớn như một cột mốc chói lọi trong lịch sử tiến hoá văn minh nhân loại, mang lại những tiến bộ phi thường, những thành tựu kì diệu và những thay đổi to lớn trong cuộc sống của con người.

+ Cách mạng khoa học – kĩ thuật cho phép con người thực hiện những bước nhảy vọt về sản xuất và năng suất lao động, nâng cao mức sống và chất lượng sống của con người.

+ Đưa đến những thay đổi lớn về cơ cấu dân cư lao động trong nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ.

– Những mặt tiêu cực của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật (chủ yếu do con người tạo ra) :

+ Chế tạo các loại vũ khí và các phương tiện quân sự có sức tàn phá và huỷ diệt sự sống.

+ Nạn ô nhiễm môi trường, việc nhiễm phóng xạ nguyên tử.

+ Những tai nạn lao động và tai nạn giao thông, các loại dịch bệnh mới.

+ Những đe dọa về đạo đức xã hội và an ninh đối với con người.

III. LUYỆN TẬP

Câu 1. Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

- Loài người đã bước vào cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ hai từ
 - những năm 40 của thế kỉ XX.
 - những năm 50 của thế kỉ XX.
 - những năm 60 của thế kỉ XX.
 - những năm 70 của thế kỉ XX.
- Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ hai được khởi đầu từ nước
 - Liên Xô.
 - Mĩ.
 - Anh.
 - Nhật Bản.
- “Bản đồ gen người” đã được các nhà khoa học công bố lần đầu tiên vào tháng
 - 3 – 1997.
 - 6 – 2000.
 - 4 – 2003.
 - 5 – 2004.
- Con người đã bay vào vũ trụ lần đầu tiên vào năm
 - 1957.
 - 1961.
 - 1969.
 - 1973.

Đáp án – hướng dẫn làm bài

Câu 1.

1A	2B	3B	4B
----	----	----	----

IV. TƯ LIỆU THAM KHẢO

Internet

Mạng thông tin máy tính toàn cầu cho phép bất kì máy tính nào nối với mạng đều có khả năng trao đổi thông tin với các máy tính khác trên mạng thông qua một địa chỉ xác định, dựa trên giao thức trao đổi thông tin đã ấn định là TCP/IP. Mạng được xây dựng trên cơ sở hạ tầng viễn thông để được cung cấp các dịch vụ công cộng và dịch vụ cá nhân.

Internet về danh nghĩa là một mạng phi thương mại, không có trạm điều hành trung tâm và không thuộc về cá nhân, một tổ chức hay một chính phủ nào. Tuy nhiên, có một cơ quan tên là Inter NIC quản lí việc đăng kí cấp địa chỉ và tên miền trong Internet. Internet có xuất xứ từ một mạng máy tính của Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ có tên APPANET. Từ năm 1969 đến nay, có hàng chục triệu máy tính các loại nối vào mạng Internet. Hàng trăm triệu người trên toàn thế giới liên lạc với nhau qua mạng và có khả năng thâm nhập vào thông tin máy tính qua mạng. Việt Nam chính thức khai trương dịch vụ Internet ngày 19 – 11 – 1997.

(Từ điển Bách khoa Việt Nam, tập 2, Sdd, tr 436)

Bài 13. TỔNG KẾT LỊCH SỬ THẾ GIỚI TỪ SAU NĂM 1945 ĐẾN NAY

I. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CẦN ĐẠT

- Nội dung chính của lịch sử thế giới từ sau năm 1945 đến nay.
- Các xu thế phát triển của thế giới hiện nay.

II. BÀI TẬP THỰC HÀNH

Câu 1. Hãy nêu những nội dung chủ yếu của lịch sử thế giới từ sau năm 1945 đến nay.

Câu 2. Hãy nêu các xu thế phát triển của thế giới ngày nay.

Hướng dẫn làm bài

Câu 1. Trong khoảng hơn nửa thế kỉ, giai đoạn từ sau năm 1945 đến năm 2000 đã diễn ra nhiều sự kiện to lớn, phức tạp và có những đảo lộn bất ngờ.

1. Chủ nghĩa xã hội từ phạm vi một nước đã trở thành một hệ thống thế giới. Trong nhiều thập niên, hệ thống xã hội chủ nghĩa đã trở thành một lực lượng hùng mạnh về chính trị, quân sự, kinh tế, có ảnh hưởng to lớn đến tiến trình phát triển của thế giới. Nhưng do phạm phải nhiều sai lầm, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu đã tan rã vào những năm 1989 – 1991.

2. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và Mĩ La-tinh phát triển mạnh, hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc bị sụp đổ. Hơn 100 quốc gia độc lập trẻ tuổi ra đời, ngày càng giữ vai trò quan trọng trên trường quốc tế. Nhiều nước đã đạt được những thành tựu to lớn về phát triển kinh tế, xã hội.

3. Kinh tế các nước tư bản phát triển nhanh chóng. Mĩ vươn lên trở thành nước tư bản giàu mạnh nhất, theo đuổi mưu đồ bá chủ thế giới, xu hướng liên kết khu vực về kinh tế – chính trị ngày càng phổ biến, điển hình là Liên minh châu Âu (EU).

4. Về quan hệ quốc tế, sự xác lập trật tự thế giới hai cực do hai siêu cường Liên Xô và Mĩ đứng đầu với đặc trưng lớn là sự đối đầu căng thẳng giữa hai phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa, đỉnh cao là “Chiến tranh lạnh”...

5. Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật được bắt đầu từ giữa những năm 40 của thế kỉ XX với những tiến bộ phi thường và nhiều thành tựu kì diệu.

Câu 2. Học sinh xem lại phần trả lời ở Câu 3 (Mục II) Bài 11.

III. LUYỆN TẬP

Câu 1. Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, một trật tự thế giới mới được thiết lập gọi là
 - Trật tự hai cực I-an-ta.
 - Trật tự Véc-xai – Oa-sinh-ton.
 - Trật tự thế giới đơn cực.
 - Trật tự thế giới đa cực, nhiều trung tâm.
- Nét nổi bật của hệ thống tư bản chủ nghĩa sau năm 1945 là
 - sự phát triển thần kì của nền kinh tế Nhật Bản.
 - Mĩ đã vươn lên thành nước tư bản giàu mạnh nhất, mưu đồ bá chủ thế giới.
 - sản xuất công nghiệp của Cộng hoà Liên bang Đức vươn lên đứng hàng thứ ba, sau Mĩ và Nhật Bản.
 - các nước tư bản ngày càng có xu hướng liên kết kinh tế khu vực.
- Ba trung tâm kinh tế – tài chính lớn của thế giới hình thành sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản.	B. Mĩ, Nhật Bản, CHLB Đức.
C. Mĩ, Liên Xô, Trung Quốc.	D. Mĩ, Liên Xô, Nhật Bản.
- Năm 1989, quan hệ quốc tế có sự kiện gì nổi bật?
 - Nước Đức thống nhất.
 - Liên Xô và Mĩ tuyên bố chấm dứt “Chiến tranh lạnh”.
 - Trật tự hai cực I-an-ta bị sụp đổ.
 - Liên minh châu Âu được thành lập.

5. Giai đoạn lịch sử từ sau năm 1991 đến nay thường được gọi là
 A. “Trước chiến tranh lạnh”. B. “Trong chiến tranh lạnh”.
 C. “Sau chiến tranh lạnh”. D. “Chấm dứt chiến tranh lạnh”.
6. Xu hướng chung của thế giới ngày nay là
 A. hình thành các tổ chức liên kết kinh tế khu vực.
 B. xung đột quân sự và nội chiến kéo dài.
 C. nguy cơ diễn ra một cuộc chiến tranh thế giới mới.
 D. hoà bình, ổn định và hợp tác phát triển.

Câu 2. Hãy xác định nội dung đúng, sai bằng cách đánh dấu (x) vào cột tương ứng.

Nội dung	Đúng	Sai
1. Với thắng lợi của Liên Xô và các lực lượng cách mạng trong Chiến tranh thế giới thứ hai, chủ nghĩa xã hội từ phạm vi một nước đã trở thành một hệ thống thế giới.		
2. Trong nhiều thập niên của nửa sau thế kỉ XX, các nước xã hội chủ nghĩa đã trở thành lực lượng hùng mạnh về chính trị, quân sự và kinh tế.		
3. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và Mĩ La-tinh phát triển mạnh, làm sụp đổ hệ thống thuộc địa và chế độ phân biệt chủng tộc.		
4. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ, Nhật Bản và Đức trở thành ba trung tâm kinh – tế tài chính lớn của thế giới.		
5. Sau “Chiến tranh lạnh” xu hướng phát triển chung của thế giới là thường xuyên diễn ra các cuộc xung đột quân sự và nội chiến kéo dài.		

Đáp án – hướng dẫn làm bài

Câu 1.

1A	2B	3A	4B	5C	6D
----	----	----	----	----	----

Câu 2. Đúng : 1, 2, 3 ; Sai : 4, 5

Phần hai

LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NAY

Chương I. VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1919 – 1930

Bài 14. VIỆT NAM SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

I. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CẦN ĐẠT

- Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp trong các lĩnh vực : nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp, tài chính...
- Nét chính về chính sách chính trị, văn hoá, giáo dục của thực dân Pháp đã thi hành ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.
- Sự biến đổi về mặt kinh tế, xã hội trên đất nước ta dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai.

II. BÀI TẬP THỰC HÀNH

Câu 1. Tại sao thực dân Pháp đẩy mạnh khai thác Việt Nam và Đông Dương ngay sau Chiến tranh thế giới thứ nhất ?

Câu 2. Trình bày nội dung chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam.

Câu 3. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, thực dân Pháp đã thi hành ở Việt Nam những thủ đoạn chính trị, văn hoá, giáo dục nào ? Mục đích của các thủ đoạn đó là gì ?

Câu 4. Xã hội Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đã phân hoá như thế nào ?

Hướng dẫn làm bài

Câu 1. Thực dân Pháp đẩy mạnh khai thác Việt Nam và Đông Dương ngay sau Chiến tranh thế giới thứ nhất vì : Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc, Pháp là nước thắng trận nhưng đất nước bị tàn phá nặng nề, nền kinh tế bị kiệt quệ, tư bản Pháp đẩy mạnh khai thác các thuộc địa để bù đắp những thiệt hại do chiến tranh gây ra. Chương trình khai thác lần thứ hai đã được Pháp thi hành ở Đông Dương, chủ yếu là ở Việt Nam.

Câu 2. Nội dung chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai :

– Trong nông nghiệp, Pháp tăng cường đầu tư vốn nhiều nhất, chủ yếu là đồn điền cao su, diện tích trồng cây cao su tăng lên nhanh chóng, nhiều công ti cao su lớn ra đời...

– Trong công nghiệp, Pháp chú trọng khai mỏ, chủ yếu là mỏ than, nhiều công ti than mới ra đời. Tư bản Pháp mở thêm một số cơ sở công nghiệp chế biến...

– Về thương nghiệp, phát triển hơn trước thời kì chiến tranh. Để nắm chặt thị trường Việt Nam, tư bản độc quyền Pháp đánh thuế nặng hàng hoá các nước nhập vào Việt Nam, hàng hoá Pháp nhập vào Việt Nam tăng lên nhanh chóng.

– Giao thông vận tải được đầu tư phát triển thêm, đường sắt xuyên Đông Dương được nối liền nhiều đoạn.

– Về tài chính, Ngân hàng Đông Dương, đại diện thế lực của tư bản tài chính Pháp đã nắm quyền chỉ huy các ngành kinh tế ở Đông Dương.

Câu 3.

– Về chính trị, thực dân Pháp thi hành chính sách “chia để trị”, thu tóm mọi quyền hành, cấm đoán mọi quyền tự do dân chủ, thẳng tay đàn áp, khủng bố, triệt để lợi dụng bộ máy của giai cấp địa chủ phong kiến ở nông thôn để bảo vệ sự thống trị của chúng.

– Về văn hoá giáo dục, thực dân Pháp thi hành chính sách văn hoá nô dịch, khuyến khích các hoạt động mê tín, dị đoan, các tệ nạn xã hội, hạn chế mở trường học...

– Mục đích : Nhằm góp phần tuyên truyền chính sách “khai hoá” của thực dân và gieo rắc ảo tưởng hoà bình hợp tác với thực dân cướp nước và vua quan bù nhìn bán nước.

Câu 4. Sự phân hoá xã hội Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất :

– Giai cấp địa chủ phong kiến ngày càng câu kết chặt chẽ với thực dân Pháp, chiếm đoạt ruộng đất, bóc lột về kinh tế, đàn áp về chính trị đối với nông dân. Cũng có một bộ phận, nhất là địa chủ vừa và nhỏ có tinh thần yêu nước.

– Giai cấp tư sản ra đời sau chiến tranh, trong quá trình phát triển phân hoá thành hai bộ phận : tư sản mại bản có quyền lợi gắn liền với đế quốc nên câu kết chặt chẽ về chính trị với chúng, tư sản dân tộc ít nhiều có tinh thần dân tộc, dân chủ chống đế quốc và phong kiến.

– Tầng lớp tiểu tư sản thành thị tăng nhanh về số lượng, bị tư bản Pháp chèn ép, bạc đãi, đời sống bấp bênh. Bộ phận trí thức, sinh viên, học sinh có tinh thần hăng hái cách mạng và là một lực lượng của cách mạng.

– Giai cấp nông dân chiếm trên 90% dân số, bị thực dân phong kiến áp bức, bóc lột nặng nề. Họ bị bán cùng hoá và phá sản. Đây là lực lượng hăng hái và đông đảo nhất của cách mạng.

– Giai cấp công nhân ra đời ngay trước chiến tranh, trong thời kì khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp, phát triển nhanh trong thời kì khai thác thuộc địa lần thứ hai, bị áp bức bóc lột, có quan hệ gắn bó với nông dân, có truyền thống yêu nước. Giai cấp công nhân nhanh chóng vươn lên nắm quyền lãnh đạo cách mạng nước ta.

III. LUYỆN TẬP

Câu 1. Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

- Mục đích chính trong chương trình khai thác lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam là
 - bù đắp những thiệt hại do chiến tranh gây ra.
 - thúc đẩy sự phát triển của kinh tế Việt Nam.
 - mở đường cho kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển.
 - giúp tư bản ở Việt Nam củng cố thế lực kinh tế.
- Trong chương trình khai thác lần thứ hai, Pháp tăng cường đầu tư vào Việt Nam, bỏ vốn nhiều nhất vào
 - công nghiệp.
 - nông nghiệp.
 - thương nghiệp.
 - giao thông vận tải.
- Về chính trị, ở Việt Nam thực dân Pháp đã thi hành chính sách
 - “Gia đình trị”.
 - “Tự trị”.
 - “Chia để trị”.
 - “Thực dân mới”.
- Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai, ngành công nghiệp được tư bản Pháp chú trọng là
 - khai thác quặng kim loại.
 - công nghiệp dệt.
 - công nghiệp chế biến.
 - khai thác mỏ than.
- Lực lượng hăng hái và đông đảo nhất của cách mạng Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất là
 - công nhân.
 - nông dân.
 - tiểu tư sản.
 - tư sản.
- Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, giai cấp nào ở Việt Nam nhanh chóng vươn lên lãnh đạo cách mạng nước ta ?
 - Địa chủ phong kiến.
 - Nông dân.
 - Tư sản.
 - Công nhân.

Câu 2. Hãy điền tên các giai cấp, tầng lớp trong xã hội Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất vào cột bên trái cho phù hợp với thái độ chính trị và khả năng cách mạng của các giai cấp đã cho ở cột bên phải.

Tầng lớp, giai cấp	Thái độ chính trị và khả năng cách mạng
.....(1).....	Bộ phận nhỏ, có tinh thần yêu nước nên đã tham gia vào các phong trào yêu nước khi có điều kiện.
.....(2).....	Tầng lớp này ít nhiều có tinh thần dân tộc dân chủ, chống đế quốc và phong kiến, nhưng thái độ không kiên định, dễ thoả hiệp.
.....(3).....	Có điều kiện tiếp xúc với các trào lưu tư tưởng văn hoá tiến bộ bên ngoài, có tinh thần hăng hái cách mạng, là lực lượng trong quá trình cách mạng dân tộc dân chủ.
.....(4).....	Họ bị bản cùng hoá và phá sản trên quy mô lớn. Đây là lực lượng hăng hái và đông đảo nhất của cách mạng.
.....(5).....	Nhanh chóng vươn lên nắm quyền lãnh đạo cách mạng nước ta.

Đáp án – hướng dẫn làm bài

Câu 1.

1A	2B	3C	4D	5B	6D
----	----	----	----	----	----

Câu 2.

1. Địa chủ
2. Tư sản dân tộc
3. Tiểu tư sản
4. Nông dân
5. Công nhân

IV. TƯ LIỆU THAM KHẢO

Thực chất của chính sách “khai hoá”

Toàn quyền Đông Dương An-be Xa-rô, người vạch ra chương trình khai thác lần thứ hai ở Đông Dương, trong cuốn sách *Vinh và nhục thực dân* (Xuất bản ở Pa-ri năm 1953) đã nói thẳng mục đích xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp: “Chúng ta đừng lừa lọc, chúng ta đừng lừa dối! Tô son trát phấn cho sự thật có lợi gì! Sự nghiệp thực dân lúc đầu không phải là một hành vi khai hoá, một ý chí khai hoá, nó là một hành động bạo lực, bạo lực có vụ lợi. Đó là một giai đoạn của cuộc đấu tranh giành sự sống, của cuộc cạnh tranh sinh tồn to lớn, nó đi từ cá nhân đến tập đoàn, từ tập đoàn đến dân tộc, lan ra khắp thế giới rộng lớn. Các dân tộc đi tìm kiếm thuộc địa trong các đại lục xa xôi và cướp thuộc địa, lúc đầu chỉ nghĩ đến bản thân họ, chỉ tìm cách xây dựng thế lực của họ mà thôi”.

(Nguyễn Phan Quang, *Việt Nam thế kỉ XIX*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, tr 267)

Bài 15. PHONG TRÀO CÁCH MẠNG VIỆT NAM SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1919 – 1925)

I. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CẦN ĐẠT

- Những ảnh hưởng, tác động của tình hình thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến cách mạng Việt Nam.
- Phong trào yêu nước và phong trào công nhân ở nước ta trong những năm 1919 – 1925.

II. BÀI TẬP THỰC HÀNH

Câu 1. Tình hình thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đã ảnh hưởng tới cách mạng Việt Nam như thế nào ?

Câu 2. Trình bày diễn biến của các cuộc đấu tranh trong phong trào dân tộc, dân chủ công khai (1919 – 1925).

Câu 3. Trình bày diễn biến phong trào đấu tranh của công nhân trong những năm 1919 – 1925.

Hướng dẫn làm bài

Câu 1. Ảnh hưởng của tình hình thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ nhất tới cách mạng Việt Nam :

– Dưới ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga, phong trào giải phóng dân tộc ở các nước phương Đông và phong trào công nhân ở các nước tư bản phương Tây đã có sự gắn bó trong đấu tranh chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc.

– Làn sóng cách mạng dâng cao trên thế giới, lan rộng từ châu Âu sang châu Á, châu Mĩ, châu Phi...

– Tháng 3 – 1919, Quốc tế Cộng sản được thành lập ở Mát-xcơ-va, đánh dấu giai đoạn phát triển của phong trào cách mạng thế giới.

– Sự ra đời của hàng loạt các đảng cộng sản như : Đảng Cộng sản Pháp (1920), Đảng Cộng sản Trung Quốc (1921)... thúc đẩy phong trào dân tộc dân chủ công khai và phong trào công nhân phát triển sau chiến tranh, tạo điều kiện thuận lợi cho việc truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào Việt Nam.

Câu 2. Diễn biến của các cuộc đấu tranh trong phong trào dân tộc, dân chủ công khai (1919 – 1925) :

– Tư sản dân tộc phát động các phong trào chấn hưng nội hoá, bài trừ ngoại hoá (1919), đấu tranh chống độc quyền cảng Sài Gòn và độc quyền xuất cảng lúa gạo Nam Kỳ của tư bản Pháp (1923). Giai cấp tư sản dùng báo chí để bênh vực quyền lợi của mình. Một số tư sản và địa chủ lớn ở Nam Kỳ (Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Phan Long...) thành lập Đảng Lập hiến...

– Các tầng lớp tiểu tư sản trí thức tập hợp trong các tổ chức chính trị như Việt Nam Nghĩa đoàn, Hội Phục Việt, Đảng Thanh niên... với nhiều hình thức đấu tranh như : xuất bản những tờ báo tiến bộ, lập ra những nhà xuất bản tiến bộ, tổ chức ám sát những tên trùm thực dân (tiếng bom của Phạm Hồng Thái ở Sa Diện), phong trào đấu tranh đòi thả Phan Bội Châu (1925) và đám tang Phan Châu Trinh (1926).

Câu 3. Diễn biến phong trào đấu tranh của công nhân (1919 – 1925) :

– Những năm đầu sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, các cuộc đấu tranh của công nhân còn lẻ tẻ và tự phát.

– Năm 1920, công nhân Sài Gòn – Chợ Lớn đã thành lập Công hội (bí mật) do Tôn Đức Thắng đứng đầu.

– Năm 1922, công nhân viên chức các sở công thương ở Bắc Kỳ đấu tranh đòi nghỉ chủ nhật có trả lương.

– Năm 1924, nhiều cuộc bãi công của công nhân các nhà máy dệt, nhà máy rượu, nhà máy xay xát gạo đã diễn ra ở Nam Định, Hà Nội, Hải Dương...

– Tháng 8 – 1925, công nhân thợ máy Ba Son bãi công với mục đích ngăn cản tàu chiến Pháp chở lính sang đàn áp cách mạng Trung Quốc. Cuộc bãi công của thợ máy Ba Son thắng lợi đã đánh dấu một bước tiến mới của phong trào công nhân Việt Nam – giai cấp công nhân bước đầu đi vào đấu tranh có tổ chức và mục đích chính trị rõ ràng.

III. LUYỆN TẬP

Câu 1. Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

- Năm 1919, giai cấp tư sản dân tộc đã phát động phong trào nào ?
 A. Phong trào chấn hưng nội hoá, bãi trừ ngoại hoá.
 B. Phong trào đấu tranh chống độc quyền cảng Sài Gòn và độc quyền xuất cảng lúa gạo Nam Kỳ của tư bản Pháp.
 C. Phong trào đấu tranh đòi nhà cầm quyền Pháp thả Phan Bội Châu.
 D. Phong trào đấu tranh đòi thả Phan Châu Trinh.
- Một số tư sản và địa chủ lớn ở Nam Kỳ đã thành lập tổ chức Đảng lấy tên là
 A. Đảng Xã hội.
 B. Đảng Dân chủ.
 C. Đảng Lập hiến.
 D. Việt Nam Quốc dân đảng.
- Sự kiện tiếng bom Sa Diện (Quảng Châu, Trung Quốc) diễn ra vào tháng 6 – 1924 gắn liền với tên tuổi của
 A. Phạm Hồng Thái.
 B. Lương Ngọc Quyến.
 C. Lê Hồng Sơn.
 D. Hồ Tùng Mậu.
- Cuộc bãi công của thợ máy Ba Son diễn ra vào tháng
 A. 3 – 1919.
 B. 6 – 1924.
 C. 6 – 1925.
 D. 8 – 1925.

5. Cuộc đấu tranh nào đã đánh dấu bước tiến mới của phong trào công nhân Việt Nam ?
- Đấu tranh của công nhân viên chức các sở công thương của tư bản Pháp ở Bắc Kỳ.
 - Đấu tranh của công nhân các nhà máy dệt, nhà máy rượu, nhà máy xay xát gạo ở Nam Định, Hà Nội, Hải Dương.
 - Cuộc bãi công của thợ máy xưởng Ba Son.
 - Đấu tranh công nhân đồn điền cao su Cam Tiêm, Phú Riềng.

Câu 2. Hãy điền mốc thời gian vào cột bên trái cho phù hợp với các sự kiện của phong trào dân tộc, dân chủ công khai (1919 – 1925) đã cho ở cột bên phải.

Thời gian	Phong trào dân tộc dân chủ công khai (1919 – 1925)
.....(1).....	Phong trào chấn hưng nội hoá, bài trừ ngoại hoá.
.....(2).....	Đấu tranh chống độc quyền cảng Sài Gòn và độc quyền xuất cảng lúa gạo Nam Kỳ của tư bản Pháp.
.....(3).....	Tiếng bom của Phạm Hồng Thái tại Sa Diện.
.....(4).....	Đấu tranh đòi nhà cầm quyền Pháp thả Phan Bội Châu.
.....(5).....	Đề tang Phan Châu Trinh.

Câu 3. Hãy điền mốc thời gian vào cột bên trái cho phù hợp với các sự kiện của phong trào công nhân (1919 – 1925) đã cho ở cột bên phải.

Thời gian	Phong trào công nhân (1919 – 1925)
.....(1).....	Công nhân Sài Gòn – Chợ Lớn thành lập Công hội.
.....(2).....	Đấu tranh công nhân viên chức các sở công thương của tư bản Pháp ở Bắc Kỳ.
.....(3).....	Nhiều cuộc bãi công của công nhân các nhà máy diễn ra ở Nam Định, Hà Nội, Hải Dương.
.....(4).....	Bãi công của thợ máy xưởng Ba Son.

Đáp án – hướng dẫn làm bài

Câu 1.

1A	2C	3A	4D	5C
----	----	----	----	----

Câu 2.

1. 1919

2. 1923

3. 6 – 1924

4. 1925

5. 1926

Câu 3.

1. 1920

2. 1922

3. 1924

4. 8 – 1925

IV. TƯ LIỆU THAM KHẢO

Phạm Hồng Thái (1896 – 1924)

Phạm Hồng Thái tên thật là Phạm Thành Tích, con của vị Huân đạo Phạm Thành Mĩ, quê làng Ngọc Điều, tỉnh Nghệ An. Ông là người yêu nước nhiệt thành, từng làm phu mỏ ở Hòn Gai. Sau đó được tiếp xúc với Vương Thúc Oánh, thành viên của Hội Việt Nam Quang Phục, ông cùng nhóm thanh niên có tâm huyết theo Vương Thúc Oánh qua Xiêm rồi sang Quảng Châu (Trung Quốc) vào khoảng cuối năm 1918. Tại Quảng Châu, ông tích cực tham gia hoạt động trong tổ chức Tâm Tâm xã do Lê Hồng Sơn, Hồ Tùng Mậu, Nguyễn Công Viễn... sáng lập. Tổ chức Tâm Tâm xã chủ trương bạo động. Năm 1924, nghe tin Toàn quyền Đông Dương Méc-lanh sang Nhật Bản điều đình với Nhật để trục xuất các nhà cách mạng Việt Nam. Trên đường từ Nhật trở về Đông Dương, Méc-lanh ghé thăm khu tô giới của Pháp ở Quảng Châu, một trung tâm rất sôi động của các tổ chức cách mạng của người Việt Nam. Nhân cơ hội này, tổ chức Tâm Tâm xã quyết định trừng trị tên thực dân đầu sỏ Méc-lanh để gây thanh thế. Phạm Hồng Thái được sự hỗ trợ của Lê Hồng Sơn được giao thực hiện sứ mạng này.

Tối 19 – 6 – 1924, Phạm Hồng Thái giả làm phóng viên nhà báo, lọt được vào khách sạn Vich-to-ri-a ở Sa Diện, nơi tổ chức bữa tiệc có Méc-lanh tham dự và ném một quả bom nhỏ ngay giữa tiệc. Bom nổ làm chết một số quan chức tùy tùng, nhưng Méc-lanh chỉ bị thương nhẹ. Bị cảnh sát thực dân truy đuổi, Phạm Hồng Thái đã gieo mình xuống sông Châu Giang và hi sinh anh dũng khi vừa tròn 28 tuổi. Thi hài ông được Chính phủ Tôn Trung Sơn trân trọng chôn cất ở Đài Liệt sĩ Hoàng Hoa Cương bên cạnh mộ 72 liệt sĩ Trung Quốc đã hi sinh ở Quảng Châu trước ngày Cách mạng Tân Hợi với tấm bia đề “Mộ của liệt sĩ Việt Nam là Phạm Hồng Thái”. Mấy năm sau, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên thành lập, đặt Tổng bộ ở Quảng Châu. Những học sinh từ trong nước được phái theo học lớp huấn luyện, trước khi về nước hoạt động đã tuyên thệ trước mộ Phạm Hồng Thái và gia nhập tổ chức cách mạng.

Mặc dù việc không thành, nhưng tiếng bom Phạm Hồng Thái đã “báo hiệu bắt đầu thời đại đấu tranh dân tộc, như chim én báo hiệu mùa xuân”.

(Tổng hợp từ nhiều nguồn tài liệu)

Bài 16. HOẠT ĐỘNG CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC Ở NƯỚC NGOÀI TRONG NHỮNG NĂM 1919 – 1925

I. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CẦN ĐẠT

Các hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài từ năm 1919 đến năm 1925. Ý nghĩa và tác dụng của những hoạt động đó đối với phong trào giải phóng dân tộc ở nước ta.

II. BÀI TẬP THỰC HÀNH

Câu 1. Nêu những hoạt động Nguyễn Ái Quốc từ năm 1919 đến năm 1924.

Câu 2. Trình bày sự ra đời và hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

Hướng dẫn làm bài

Câu 1. Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1919 đến năm 1924 :

– Tháng 6 – 1919, Nguyễn Ái Quốc thay mặt những người Việt Nam yêu nước sống ở Pháp đã gửi tới Hội nghị Véc-xai bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* đòi Chính phủ Pháp phải thừa nhận quyền bình đẳng và quyền tự quyết của dân tộc Việt Nam.

– Tháng 7 – 1920, Nguyễn Ái Quốc đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lê-nin, từ đó, Người hoàn toàn tin theo Lê-nin, đứng về Quốc tế thứ ba.

– Tháng 12 – 1920, tại Đại hội của Đảng Xã hội Pháp họp ở Tua, Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế thứ ba và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, đánh dấu bước ngoặt trong quá trình hoạt động cách mạng của Người từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác – Lê-nin và đi theo con đường cách mạng vô sản.

– Năm 1921, Nguyễn Ái Quốc cùng một số người yêu nước của các thuộc địa Pháp sáng lập *Hội Liên hiệp thuộc địa*, làm chủ nhiệm kiêm chủ bút báo *Người cùng khổ*. Các sách báo trên được bí mật chuyển về Việt Nam.

– Tháng 6 – 1923, Nguyễn Ái Quốc sang Liên Xô dự Hội nghị Quốc tế nông dân và được bầu vào Ban Chấp hành.

– Trong thời gian ở Liên Xô, Người vừa làm việc, vừa nghiên cứu học tập, viết bài cho báo *Sự thật* và tạp chí *Thư tín Quốc tế*.

– Năm 1924, Nguyễn Ái Quốc dự Đại hội V Quốc tế Cộng sản, trình bày quan điểm của mình về vị trí, chiến lược của cách mạng ở các nước thuộc địa, về mối quan hệ giữa phong trào công nhân ở các nước đế quốc với phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa...

Câu 2. Sự ra đời và hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên :

– Cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu (Trung Quốc), tiếp xúc với các nhà cách mạng Việt Nam có mặt tại đây, cùng một số thanh niên mới từ trong nước sang để thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, trong đó tổ chức Công sản đoàn làm nòng cốt (6 – 1925).

– Nguyễn Ái Quốc trực tiếp mở các lớp huấn luyện chính trị để đào tạo cán bộ cách mạng.

– Năm 1925, báo *Thanh niên* do Nguyễn Ái Quốc sáng lập được xuất bản, làm cơ quan tuyên truyền của Hội.

– Đầu năm 1927, các bài giảng của Người trong các lớp đào tạo cán bộ ở Quảng Châu được tập hợp lại và in thành sách *Đường Kách mệnh*, vạch ra những phương hướng cơ bản của cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam...

– Năm 1928, Hội Việt Nam có chủ trương “vô sản hoá” nhằm tạo điều kiện cho các hội viên tự rèn luyện, truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin, tổ chức lãnh đạo công nhân đấu tranh.

III. LUYỆN TẬP

Câu 1. Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

- Tháng 6 – 1919, thay mặt những người Việt Nam yêu nước sống ở Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã gửi bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* đến
 - Hội nghị Véc-xai.
 - Hội nghị Oa-sinh-ton.
 - Hội nghị I-an-ta.
 - Hội nghị Pa-ri.
- Nguyễn Ái Quốc đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lê-nin vào tháng
 - 6 – 1919.
 - 7 – 1920.
 - 12 – 1920.
 - 6 – 1923.
- Sự kiện đánh dấu bước ngoặt trong hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác – Lê-nin và đi theo con đường cách mạng vô sản là
 - Nguyễn Ái Quốc gửi bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* đến Hội nghị Véc-xai.
 - Nguyễn Ái Quốc đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa*.
 - Nguyễn Ái Quốc tán thành việc gia nhập Quốc tế thứ ba và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.
 - Nguyễn Ái Quốc sáng lập Hội Liên hiệp thuộc địa.
- Tháng 6 – 1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập
 - Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

- B. Cộng sản đoàn.
C. Tâm Tâm xã.
D. Đảng Cộng sản Việt Nam.
5. Cơ quan tuyên truyền của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên là tờ báo
A. Người cùng khổ. B. Tuổi trẻ.
C. Tin tức. D. Thanh niên.
6. Công lao lớn nhất của Nguyễn Ái Quốc đối với dân tộc Việt Nam trong thời kì 1919 – 1925 là
A. tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho nhân dân Việt Nam.
B. thành lập tổ chức Cộng sản đoàn.
C. thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.
D. truyền bá lí luận cách mạng giải phóng dân tộc vào Việt Nam.

Câu 2. Lập bảng hệ thống về các hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1919 đến năm 1925.

Câu 3. Quá trình chuyển biến của Nguyễn Ái Quốc từ một người yêu nước trở thành một người cộng sản đã diễn ra như thế nào ?

Câu 4. Nguyễn Ái Quốc đã trực tiếp chuẩn bị về tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của chính đảng vô sản ở Việt Nam như thế nào ?

Đáp án – hướng dẫn làm bài

Câu 1.

1A	2B	3C	4A	5D	6A
----	----	----	----	----	----

Câu 2.

Thời gian	Hoạt động	Ý nghĩa
6 – 1919	Gửi bản <i>Yêu sách của nhân dân An Nam</i> tới Hội nghị Véc-xai.	Tạo tiếng vang lớn đối với nhân dân Việt Nam, nhân dân Pháp và nhân dân các thuộc địa Pháp.
7 – 1920	Nguyễn Ái Quốc đọc <i>Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa</i> của Lê-nin.	Hoàn toàn tin theo Lê-nin, dứt khoát đứng về Quốc tế thứ ba.
12 – 1920	Tại Đại hội của Đảng Xã hội Pháp họp ở Tua, Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế thứ ba và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.	Đánh dấu bước ngoặt trong hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác – Lê-nin và đi theo con đường cách mạng vô sản.

1921 – 1922	Nguyễn Ái Quốc sáng lập Hội Liên hiệp thuộc địa, làm chủ nhiệm (kiêm chủ bút) tờ báo <i>Người cùng khổ</i> , viết bài cho báo <i>Nhân dân</i> , <i>Đời sống công nhân</i> , viết tác phẩm <i>Bản án chế độ thực dân Pháp</i> .	– Thức tỉnh các dân tộc bị áp bức nổi dậy đấu tranh tự giải phóng. – Truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin đến các dân tộc thuộc địa và về Việt Nam.
6 – 1923	Nguyễn Ái Quốc rời nước Pháp sang Liên Xô.	Trở thành chiến sĩ cộng sản quốc tế.
10 – 1923	Dự Hội nghị Quốc tế nông dân.	
1924	Dự Đại hội V Quốc tế Cộng sản, trình bày quan điểm của mình về vị trí, chiến lược của cách mạng ở các nước thuộc địa.	
6 – 1925	Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, sáng lập báo <i>Thanh niên</i> , xuất bản tác phẩm <i>Đường Kách mệnh</i> .	Trực tiếp chuẩn bị về tổ chức để tiến tới thành lập chính đảng vô sản ở Việt Nam.

Câu 3. HS trình bày được những ý cơ bản sau:

– Ngày 5 – 6 – 1911, Nguyễn Tất Thành rời bến cảng Nhà Rồng ra đi tìm đường cứu nước. Người đã đi qua nhiều nước, nhiều châu lục khác nhau. Sau nhiều năm hoạt động, khảo sát cách mạng ở một số nước, kể cả Mỹ, Anh và trở lại Pháp, năm 1919 Nguyễn Ái Quốc gia nhập Đảng Xã hội Pháp, tích cực hoạt động tìm đường cứu nước giải phóng dân tộc.

– Tháng 6 – 1919, Nguyễn Ái Quốc thay mặt những người Việt Nam yêu nước sống ở Pháp đã đưa tới Hội nghị Véc-xai bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* đòi Chính phủ Pháp thừa nhận các quyền tự do, dân chủ, quyền bình đẳng, quyền tự quyết của dân tộc Việt Nam.

– Tháng 7 – 1920, Nguyễn Ái Quốc đọc được *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lê-nin, từ đó Người hoàn toàn tin theo Lê-nin, dứt khoát đứng về Quốc tế thứ ba, tìm ra được con đường cứu nước đúng đắn cho nhân dân Việt Nam.

– Tháng 12 – 1920, Nguyễn Ái Quốc dự Đại hội của Đảng Xã hội Pháp, bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản, tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. Những sự kiện đó đánh dấu bước ngoặt lịch sử trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc từ một người yêu nước thành một người cộng sản.

– Sự chuyên biến sâu sắc về tư tưởng và lí luận chính trị của Nguyễn Ái Quốc được tiếp tục phát triển trong những năm tiếp theo.

Câu 4. HS trình bày được những ý cơ bản sau :

– Năm 1921, được sự giúp đỡ của Đảng Cộng sản Pháp, Nguyễn Ái Quốc cùng một số người yêu nước của các thuộc địa Pháp sáng lập *Hội Liên hiệp thuộc địa* để đoàn kết các lực lượng cách mạng chống chủ nghĩa thực dân, thông qua tổ chức đó truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin đến các dân tộc thuộc địa.

– Tờ báo *Người cùng khổ* do Nguyễn Ái Quốc làm chủ nhiệm (kiêm chủ bút) đã vạch trần chính sách đàn áp, bóc lột dã man của chủ nghĩa đế quốc nói chung và đế quốc Pháp nói riêng, thức tỉnh các dân tộc bị áp bức nổi dậy đấu tranh tự giải phóng. Nguyễn Ái Quốc còn viết bài cho các báo *Nhân đạo*, *Đời sống công nhân*... và cuốn sách *Bản án chế độ thực dân Pháp*, các sách báo nói trên được bí mật chuyển về Việt Nam.

– Tháng 6 – 1923, Nguyễn Ái Quốc rời Pháp sang Liên Xô dự Hội nghị Quốc tế nông dân và Đại hội V Quốc tế Cộng sản (1924). Tại Liên Xô, Nguyễn Ái Quốc vừa làm việc, vừa nghiên cứu học tập, viết bài cho các báo *Sự thật*, tạp chí *Thư tín quốc tế*.

– Cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu (Trung Quốc) lựa chọn những thanh niên yêu nước thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (6 – 1925), mở lớp huấn luyện chính trị để đào tạo cán bộ cách mạng...

– Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1921 đến năm 1925 đã trực tiếp chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của chính đảng vô sản ở Việt Nam.

IV. TƯ LIỆU THAM KHẢO

Cảm xúc của Nguyễn Ái Quốc khi đọc bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lê-nin

“...Trong luận cương ấy, có những chữ chính trị khó hiểu. Nhưng cứ đọc đi đọc lại nhiều lần, cuối cùng tôi cũng hiểu được phần chính. Luận cương của Lê-nin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao ! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo : “*Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta*”.

Từ đó tôi hoàn toàn tin theo Lê-nin, tin theo Quốc tế thứ ba.

(Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị Quốc gia, tr 127)

Bài 17. CÁCH MẠNG VIỆT NAM TRƯỚC KHI ĐẢNG CỘNG SẢN RA ĐỜI

I. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CẦN ĐẠT

- Những bước phát triển mới của phong trào cách mạng Việt Nam (1926 – 1927).
- Sự ra đời và hoạt động của các tổ chức cách mạng : Tân Việt Cách mạng đảng, Việt Nam Quốc dân đảng và cuộc khởi nghĩa Yên Bái.
- Sự ra đời của ba tổ chức cộng sản : Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn.

II. BÀI TẬP THỰC HÀNH

Câu 1. Phong trào đấu tranh của công nhân, viên chức, học sinh học nghề trong những năm 1926 – 1927 có những điểm gì mới ?

Câu 2. Trình bày sự ra đời và hoạt động của tổ chức Tân Việt Cách mạng đảng.

Câu 3. Trình bày sự ra đời và hoạt động của tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng.

Câu 4. Cuộc khởi nghĩa Yên Bái đã diễn ra như thế nào ? Ý nghĩa lịch sử.

Câu 5. Trình bày bối cảnh lịch sử và sự ra đời của ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam trong năm 1929.

Hướng dẫn làm bài

Câu 1. Điểm mới của phong trào đấu tranh của công nhân, viên chức, học sinh học nghề trong những năm 1926 – 1927 :

– Trong hai năm 1926 – 1927, nhiều cuộc bãi công của công nhân, viên chức, học sinh học nghề. Lớn nhất là bãi công của công nhân nhà máy sợi Nam Định, đồn điền cao su Cam Tiêm và Phú Riềng...

– Phong trào công nhân đã mang tính thống nhất trong toàn quốc, nhiều cuộc đấu tranh nổ ra từ Bắc chí Nam, lớn nhất là bãi công ở các nhà máy xi măng, nhà máy sợi Hải Phòng, nhà máy sợi Nam Định, nhà máy Ba Son...

– Các cuộc đấu tranh đều mang tính chính trị, vượt qua phạm vi một xưởng, có sự kiện liên kết nhiều ngành, nhiều địa phương. Chứng tỏ trình độ công nhân đã nâng lên rõ rệt.

– Phong trào nông dân, phong trào tiểu tư sản và các tầng lớp nhân dân yêu nước khác phát triển thành làn sóng cách mạng dân tộc dân chủ khắp cả nước. Các tổ chức cách mạng nối tiếp nhau ra đời.

Câu 2. Sự ra đời và hoạt động của tổ chức Tân Việt Cách mạng đảng :

- Một số sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Đông Dương và nhóm tù chính trị cũ ở Trung Kỳ đã thành lập Hội Phục Việt.
- Hội Phục Việt sau nhiều lần đổi tên, cuối cùng lấy tên là Tân Việt Cách mạng đảng (7 – 1928).
- Thành phần : Tập hợp trí thức trẻ và thanh niên tiểu tư sản yêu nước.
- Địa bàn hoạt động : Chủ yếu ở Trung Kỳ.
- Hoạt động : Trong điều kiện Hội Việt nam Cách mạng Thanh niên phát triển mạnh, lí luận và tư tưởng cách mạng của chủ nghĩa Mác – Lê-nin có ảnh hưởng lớn đến nhiều đảng viên trẻ, tiên tiến trong Tân Việt Cách mạng đảng. Nội bộ Tân Việt đã diễn ra cuộc đấu tranh giữa hai xu hướng tư tưởng : vô sản và tư sản, cuối cùng xu hướng vô sản chiếm ưu thế. Một số đảng viên tiên tiến chuyển sang Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, tích cực chuẩn bị thành lập đảng kiểu mới theo chủ nghĩa Mác – Lê-nin.

Câu 3. Sự ra đời và hoạt động của tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng :

- Bối cảnh ra đời : Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào dân tộc dân chủ, ảnh hưởng của các trào lưu tư tưởng mới từ bên ngoài, đặc biệt là ảnh hưởng của cách mạng Trung Quốc với “chủ nghĩa Tam dân” của Tôn Trung Sơn.
- Cơ sở hạt nhân đầu tiên của đảng xuất phát từ một nhà xuất bản tiến bộ là Nam Đồng thư xã. Ngày 25 – 12 – 1927, Việt Nam Quốc dân đảng ra đời do Nguyễn Thái Học, Phạm Tuấn Tài, Phó Đức Chính sáng lập. Đây là tổ chức chính trị theo xu hướng cách mạng tư sản.
- Mục tiêu của đảng là nhằm đánh đuổi giặc Pháp, thiết lập dân quyền.
- Thành phần : sinh viên, học sinh, công chức, tư sản lớp dưới, người làm nghề tự do, nông dân khá giả, thân hào, địa chủ, binh lính, hạ sĩ quan người Việt...
- Địa bàn hoạt động chính là ở Bắc Kỳ.

Câu 4.

- Diễn biến khởi nghĩa Yên Bái :
 - + Ngày 9 – 2 – 1930, sau vụ trùm mộ phu Ba-danh bị giết, thực dân Pháp tổ chức nhiều cuộc vây ráp, Việt Nam Quốc dân đảng bị tổn thất nặng. Những người chủ chốt còn lại của đảng đã quyết định hành động.
 - + Khởi nghĩa nổ ra ở Yên Bái, Phú Thọ, Hải Dương, Thái Bình, riêng ở Hà Nội đã tổ chức ném bom vào Sở Mật thám, Sở Cảnh sát... nhưng nhanh chóng thất bại.
 - Ý nghĩa lịch sử : Tuy thất bại, khởi nghĩa Yên Bái đã góp phần cổ vũ lòng yêu nước và chí căm thù của nhân dân ta đối với bè lũ cướp nước và tay sai.

Câu 5.

– Bối cảnh lịch sử : Từ cuối năm 1928 đến đầu năm 1929, phong trào dân tộc dân chủ ở nước ta, đặc biệt là phong trào công nông theo con đường cách mạng vô sản phát triển mạnh, đặt ra yêu cầu cần phải thành lập một đảng cộng sản để lãnh đạo phong trào.

– Sự ra đời ba tổ chức cộng sản :

+ Tháng 3 – 1929, chi bộ Cộng sản đầu tiên được thành lập tại số nhà 5D phố Hàm Long (Hà Nội).

+ Tháng 5 – 1929, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tổ chức Đại hội toàn quốc lần thứ nhất. Đoàn đại biểu Bắc Kỳ kiến nghị thành lập đảng cộng sản song không được chấp nhận.

+ Tháng 6 – 1929, Đông Dương Cộng sản đảng thành lập ở Bắc Kỳ, thông qua Tuyên ngôn, Điều lệ của Đảng, ra báo *Búa liềm* làm cơ quan ngôn luận.

+ Khoảng tháng 8 – 1929, An Nam Cộng sản đảng thành lập ở Nam Kỳ.

+ Khoảng tháng 9 – 1929, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn thành lập ở Trung Kỳ.

III. LUYỆN TẬP

Câu 1. Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

- Thành phần chính của Tân Việt Cách mạng đảng gồm
 - giai cấp công nhân và nông dân.
 - tư sản lớp dưới và địa chủ ở nông thôn.
 - trí thức trẻ và thanh niên tiểu tư sản yêu nước.
 - tư sản dân tộc và tư sản mại bản.
- Tổ chức cách mạng Việt Nam Quốc dân đảng ra đời vào ngày
 - 25 – 12 – 1927.
 - 9 – 2 – 1929.
 - 6 – 1 – 1930.
 - 9 – 2 – 1930.
- Những người sáng lập tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng là
 - Nguyễn Thái Học, Phó Đức Chính, Phạm Tuấn Tài.
 - Nguyễn Đức Cảnh, Trịnh Đình Cửu, Hồ Tùng Mậu.
 - Nguyễn Thị Giang, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh.
 - Trần Phú, Châu Văn Liêm, Lê Hồng Sơn.
- Địa bàn hoạt động chính của Việt Nam Quốc dân đảng là
 - Bắc Kỳ.
 - Trung Kỳ.
 - Nam Kỳ.
 - Yên Bái.
- Mục tiêu của Việt Nam Quốc dân đảng là
 - đánh đổ chế độ phong kiến.

B. đánh đuổi giặc Pháp, thiết lập dân quyền.

C. xây dựng xã hội bình đẳng, bác ái.

D. tiến hành cuộc cách mạng vô sản.

6. Cơ quan ngôn luận của tổ chức Đông Dương Cộng sản đảng là tờ báo

A. Người cùng khổ.

B. Thanh niên.

C. Tiếng dân.

D. Búa liềm.

Câu 2. Hãy lập bảng hệ thống kiến thức về ba tổ chức cách mạng : Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Tân Việt Cách mạng đảng, Việt Nam Quốc dân đảng (thời gian thành lập, mục đích, cơ cấu tổ chức, thành phần tham gia, địa bàn hoạt động, hoạt động chính).

Câu 3. Hãy điền mốc thời gian cho phù hợp với sự kiện lịch sử trong bảng dưới đây.

Thời gian	Sự kiện lịch sử
.....(1).....	Chi bộ Cộng sản đầu tiên được thành lập ở Việt Nam.
.....(2).....	Đại hội toàn quốc lần thứ nhất của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.
.....(3).....	Đông Dương Cộng sản đảng thành lập ở Bắc Kì.
.....(4).....	An Nam Cộng sản đảng thành lập.
.....(5).....	Đông Dương Cộng sản Liên đoàn thành lập.

Đáp án – hướng dẫn làm bài

Câu 1.

1C	2A	3A	4A	5B	6D
----	----	----	----	----	----

Câu 2.

Tổ chức	Hội Việt Nam	Tân Việt	Việt Nam
Nội dung	Cách mạng Thanh niên	Cách mạng đảng	Quốc dân đảng
Thành lập	Tháng 6 – 1925	Hội phục Việt đổi tên nhiều lần, đến tháng 7 – 1928 lấy tên là Tân Việt Cách mạng đảng	25 – 12 – 1927
Khuynh hướng	Vô sản	Vô sản	Dân chủ tư sản

Mục đích	Làm cách mạng giải phóng dân tộc, đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và tay sai để xây dựng chế độ mới.	Đánh đổ chủ nghĩa đế quốc nhằm thiết lập một xã hội bình đẳng, bác ái.	Đánh đuổi giặc Pháp, đánh đổ ngôi vua, thiết lập dân quyền.
Cơ cấu tổ chức	Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Tổng bộ, trụ sở đặt tại Quảng Châu (Trung Quốc), tiếp đó là các kì bộ ở Bắc, Trung và Nam Kì...	Tổ chức có hệ thống quy cũ, lôi kéo được nhiều trí thức tham gia.	Tổ chức thiếu chặt chẽ, tổ chức cơ sở của Đảng trong quần chúng rất ít, hệ thống tổ chức mới xây dựng ở một số địa phương.
Thành phần	Thanh niên, học sinh, trí thức Việt Nam yêu nước	Những trí thức trẻ và thanh niên tiểu tư sản yêu nước	Trí thức tiểu tư sản, tư sản dân tộc, học sinh, công chức, địa chủ ở nông thôn, binh lính...
Địa bàn	Bắc Kì, Trung Kì, Nam Kì và hải ngoại	Trung Kì	Bắc Kì
Hoạt động chính	<ul style="list-style-type: none"> Đào tạo, huấn luyện cán bộ cách mạng, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Tuyên truyền, phổ biến sách báo. Năm 1928, thực hiện chủ trương "vô sản hoá" thúc đẩy phong trào quần chúng phát triển mạnh, phong trào công nhân chuyển sang tự giác. 	<ul style="list-style-type: none"> Tuyên truyền phổ biến sách báo yêu nước. Lãnh đạo các cuộc đấu tranh của học sinh, tiểu thương, công nhân ... Một số đảng viên tiên tiến của Tân Việt đã chuyển sang Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Số còn lại tích cực chuẩn bị thành lập đảng kiểu mới. 	<ul style="list-style-type: none"> Tiến hành cách mạng bạo lực, chú trọng lấy binh lính người Việt trong quân đội Pháp làm lực lượng chủ lực. Tổ chức hoạt động ám sát. Ngày 9 - 2 - 1930, tổ chức khởi nghĩa Yên Bái nhưng thất bại.

Câu 3.

1. 3 – 1929

2. 5 – 1929

3. 17 – 6 – 1929

4. 8 – 1929

5. 9 – 1929

IV. TƯ LIỆU THAM KHẢO

Nguyễn Thái Học (1904 – 1930)

Thủ lĩnh Việt Nam Quốc dân đảng. Quê ở làng Thổ Tang, tổng Lương Diên, phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên (nay là xã Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc). Sinh viên Trường Cao đẳng Thương mại. Năm 1925 – 1926, hai lần gửi thư cho Toàn quyền Đông Dương Va-ren yêu cầu phát triển công thương nghiệp, tự do mở trường học nhưng đều bị từ chối. Xin ra tạp chí “Nam Thanh” cũng bị từ chối. Năm 1927, quan hệ với nhóm Nam đồng thư xã của Phạm Tuấn Tài. Ngày 25 – 12 – 1927, thành lập Việt Nam Quốc dân đảng, là Chủ tịch Tổng bộ Việt Nam Quốc dân đảng ở Bắc Kỳ, tập hợp các nhóm yêu nước ở Bắc Ninh (Nguyễn Thế Nghiệp), ở Bắc Giang (Nguyễn Khắc Nhu). Lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Yên Bái (2 – 1930), nhưng cuộc khởi nghĩa nhanh chóng bị dập tắt. Một số chiến sĩ khuyên ông ra nước ngoài để tránh bị truy lùng, nhưng ông đã kiên quyết ở lại để cải tổ Việt Nam Quốc dân đảng, tiếp tục đấu tranh cách mạng. Ngày 20 – 2 – 1930, Nguyễn Thái Học bị bắt tại ấp Cồ Vịt, Chí Linh, Hải Dương, ngày 17 – 6 – 1930, ông cùng 12 đồng chí bị Pháp xử chém tại Yên Bái.

Ru-bô (Roubaud), nhà báo và là nhà sử học Pháp, người chứng kiến 13 chiến sĩ Yên Bái bước lên máy chém bất khuất, hiên ngang đến giây phút cuối cùng, đã không giấu được lòng kính phục các chiến sĩ Yên Bái : “Việt Nam ! Việt Nam ! Việt Nam ! 13 lần tôi nghe tiếng hô này trước máy chém ở Yên Bái...”. Riêng với Nguyễn Thái Học, tác giả viết : “Nguyễn Thái Học đã cải lí với cổ đạo Đờ-ro-nét (Dronet) đi theo rửa tội những người sắp lên máy chém : “chúng tôi không phải là những người có tội, chúng tôi chỉ là những người thất bại, chúng tôi chẳng có gì phải ăn năn cả”. Rồi ông đọc mấy câu thơ tiếng Pháp (được dịch ra) :

Chết vì Tổ quốc

Cải chết vinh quang

Lòng ra sung sướng

Trí ta nhẹ nhàng”.

Phút chót của Nguyễn Thái Học, người thứ 13 lên máy chém, được Ru-bô viết : “Anh mỉm cười, cực kì bình thản, đưa mắt nhìn đám đông công chúng và cúi chào đồng bào rồi cất giọng đĩnh đạc, trầm hùng mà hô lớn : Việt Nam vạn tuế”.

(Tổng hợp từ : *Từ điển bách khoa Việt Nam*, Sdd, tập 3, tr 183 – 184 ; Thái Duy, *Tiếng Việt Nam vạn tuế*, trích trong tập *Nhà Lao An Nam ở Guyane*, Nxb Tré, tr 143)

Chương II. VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1930 – 1939

Bài 18. ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI

I. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CẦN ĐẠT

- Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam : thời gian, địa điểm, nội dung và ý nghĩa lịch sử.
- Vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong việc thành lập Đảng.
- Nội dung cơ bản của Luận cương chính trị (10 – 1930).

II. BÀI TẬP THỰC HÀNH

Câu 1. Trình bày hoàn cảnh, nội dung và ý nghĩa của Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 2. Nội dung Luận cương chính trị tháng 10 – 1930 của Đảng Cộng sản Đông Dương có những điểm chủ yếu nào ?

Câu 3. Hãy trình bày ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Hướng dẫn làm bài

Câu 1.

- Hoàn cảnh :
 - + Ba tổ chức cộng sản ra đời đã thúc đẩy phong trào cách mạng dân tộc, dân chủ ở nước ta phát triển mạnh mẽ.
 - + Tuy nhiên, ba tổ chức cộng sản lại hoạt động riêng rẽ, tranh giành ảnh hưởng với nhau, nguy cơ dẫn đến sự chia rẽ lớn.
 - + Yêu cầu bức thiết của cách mạng Việt Nam là phải có một đảng cộng sản thống nhất trong cả nước.
 - + Từ ngày 6 – 1 – 1930, hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản đã họp tại Cửu Long (Hương Cảng, Trung Quốc). Nguyễn Ái Quốc thay mặt Quốc tế Cộng sản chủ trì hội nghị.
 - Nội dung hội nghị :
 - + Nhất trí tán thành thống nhất các tổ chức cộng sản để thành lập một đảng duy nhất là Đảng Cộng sản Việt Nam.
 - + Thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ tóm tắt của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo.
- Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt được Hội nghị thông qua là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

– Ý nghĩa : Hội nghị của đại biểu các tổ chức cộng sản để họp nhất Đảng đầu năm 1930 có ý nghĩa như một Đại hội thành lập Đảng.

Câu 2. Nội dung Luận cương chính trị tháng 10 – 1930 :

– Khẳng định tính chất của cách mạng Đông Dương lúc đầu là một cuộc cách mạng tư sản dân quyền, sau đó bỏ qua thời kì tư bản chủ nghĩa mà tiến thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa.

– Đảng phải coi trọng việc vận động tập hợp lực lượng đại đa số quần chúng, lãnh đạo đấu tranh đánh đổ chính quyền của giai cấp thống trị và giành lấy chính quyền cho công nông...

– Đảng phải liên lạc mật thiết với vô sản và các dân tộc thuộc địa, nhất là vô sản Pháp.

Câu 3. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam :

– Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp ở Việt Nam, là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác – Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam.

– Việc thành lập Đảng là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng Việt Nam, khẳng định giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng Việt Nam, chấm dứt thời kì khủng hoảng về giai cấp lãnh đạo cách mạng...

– Từ đây, cách mạng Việt Nam thật sự trở thành một bộ phận của cách mạng thế giới.

– Là sự chuẩn bị đầu tiên có tính tất yếu, quyết định cho những bước phát triển nhảy vọt về sau của cách mạng và lịch sử dân tộc Việt Nam.

III. LUYỆN TẬP

Câu 1. Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

- Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản đã họp ở
 - Hà Nội.
 - Cửu Long (Hương Cảng, Trung Quốc).
 - Quảng Châu (Trung Quốc).
 - Mát-xcơ-va.
- Người chủ trì hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam là
 - Nguyễn Đức Cảnh.
 - Nguyễn Văn Cừ.
 - Nguyễn Ái Quốc.
 - Phan Đăng Lưu.
- Tham gia Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam gồm có đại biểu của các tổ chức cộng sản :
 - Đông Dương Cộng sản đảng và An Nam Cộng sản đảng.
 - Đông Dương Cộng sản đảng và Đông Dương Cộng sản Liên đoàn.
 - Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản Đảng và Đông Dương Cộng sản Liên đoàn.
 - Đông Dương Cộng sản Liên đoàn và An Nam Cộng sản đảng.

4. Văn kiện nào được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam ?
 A. Luận cương chính trị (10 – 1930).
 B. Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kì quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.
 C. Chính cương văn tắt, Sách lược văn tắt.
 D. Luận cương tháng Tư.
5. Người soạn thảo Luận cương chính trị tháng 10 – 1930 là
 A. Nguyễn Văn Cừ. B. Trần Phú.
 C. Nguyễn Đức Cảnh. D. Ngô Gia Tự.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam được đổi tên thành Đảng Cộng sản Đông Dương từ
 A. tháng 1 – 1930. B. tháng 2 – 1930.
 C. tháng 10 – 1930. D. tháng 10 – 1931.

Câu 2. Hãy điền mốc thời gian cho phù hợp với sự kiện lịch sử trong bảng dưới đây.

Thời gian	Sự kiện lịch sử
.....(1).....	Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản đã họp ở Cửu Long (Hương Cảng, Trung Quốc). Nguyễn Ái Quốc thay mặt Quốc tế Cộng sản chủ trì hội nghị.
.....(2).....	Đông Dương Cộng sản Liên đoàn gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam.
.....(3).....	Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng đã họp Hội nghị lần thứ nhất.
.....(4).....	Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng quyết định lấy ngày 3 – 2 hằng năm là ngày kỉ niệm thành lập Đảng.

Câu 3. Hãy điền tên một số văn kiện (trong Hội nghị thành lập Đảng (1 – 1930) và Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng (10 – 1930)) cho phù hợp với tên người soạn thảo trong bảng dưới đây.

Người soạn thảo	Văn kiện
Nguyễn Ái Quốc	
Trần Phú	

Đáp án – hướng dẫn làm bài

Câu 1.

1B	2C	3A	4C	5B	6C
----	----	----	----	----	----

Câu 2.

1. 6 – 1 – 1930

2. 24 – 2 – 1930

3. 10 – 1930

4. 1960

Câu 3.

Người soạn thảo	Văn kiện
Nguyễn Ái Quốc	<ul style="list-style-type: none"> – Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt. – Điều lệ tóm tắt. – Lời kêu gọi.
Trần Phú	– Luận cương chính trị (10 – 1930).

IV. TƯ LIỆU THAM KHẢO

Báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản (Ngày 18 – 2 – 1930)

...

Đã hai lần tôi cố gắng về An Nam, nhưng phải quay trở lại. Bọn mật thám và cảnh sát ở biên giới quá cần mật, đặc biệt là từ khi xảy ra vụ An Nam “Quốc dân đảng”.

...

Tôi đã cố gắng đi lần thứ ba khi một đồng chí từ Hồng Công tới Xiêm và tin cho tôi biết tình hình Hội An Nam Thanh niên Cách mạng bị tan rã, những người cộng sản chia thành nhiều phái...

Lập tức tôi đi Trung Quốc, tới đó vào ngày 23 – 12. Sau đó tôi triệu tập các đại biểu của 2 nhóm (Đông Dương và An Nam). Chúng tôi họp vào ngày mùng 6 – 1.

Với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản có đầy đủ quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến phong trào cách mạng ở Đông Dương, tôi nói cho mọi người biết những sai lầm và họ phải làm gì. Họ đồng ý thống nhất vào một đảng.

Chúng tôi cùng nhau xác định cương lĩnh và chiến lược theo đường lối của Quốc tế Cộng sản.

Các đại biểu tổ chức một Trung ương lâm thời gồm 7 uỷ viên chính thức và 7 uỷ viên dự khuyết. Các đại biểu trở về An Nam ngày 8 – 2.

(Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị Quốc gia, tr 11 – 12)

Bài 19. PHONG TRÀO CÁCH MẠNG TRONG NHỮNG NĂM 1930 – 1935

I. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CẦN ĐẠT

- Phong trào cách mạng trong những năm 1930 – 1931.
- Những nét chính về Xô viết Nghệ – Tĩnh.

II. BÀI TẬP THỰC HÀNH

Câu 1. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 – 1933) đã tác động đến tình hình kinh tế và xã hội Việt Nam ra sao ?

Câu 2. Trình bày những diễn biến chính của phong trào cách mạng 1930 – 1931.

Câu 3. Căn cứ vào đâu để cho rằng Xô viết Nghệ – Tĩnh thật sự là chính quyền cách mạng của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng ?

Hướng dẫn làm bài

Câu 1. Tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 – 1933) đến tình hình kinh tế và xã hội Việt Nam :

– Nền kinh tế Việt Nam phải chịu những hậu quả nặng nề của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới : nông nghiệp và công nghiệp đều bị suy sụp, xuất nhập khẩu đình đốn, hàng hoá khan hiếm...

– Đời sống mọi giai cấp, tầng lớp đều bị ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng...

– Chính sách đàn áp, khủng bố khốc liệt của thực dân Pháp làm cho tinh thần cách mạng của nhân dân ta càng lên cao.

Câu 2. Những diễn biến chính của phong trào cách mạng 1930 – 1931 :

– Từ tháng 2 đến tháng 5, diễn ra nhiều cuộc đấu tranh của công nhân : công nhân đồn điền cao su Phú Riềng, công nhân nhà máy sợi Nam Định, công nhân nhà máy cơ, nhà máy diêm Bến Thủy... và các cuộc đấu tranh của nông dân ở Hà Nam, Thái Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh.

– Phong trào nổ ra mạnh mẽ từ tháng 5. Nhân ngày Quốc tế Lao động (1 – 5 – 1930), phong trào công – nông phát triển tới đỉnh cao với những cuộc đấu tranh quyết liệt như tuần hành thị uy, biểu tình có vũ trang tự vệ, tấn công cơ quan chính quyền địch ở nhiều địa phương. Bộ máy chính quyền của thực dân và phong kiến tay sai ở nhiều huyện bị tê liệt, ở nhiều xã bị tan rã, chính quyền nhân dân theo hình thức Xô viết được hình thành lập...

Câu 3. Sau khi chính quyền của đế quốc, phong kiến ở nhiều huyện bị tê liệt, nhiều xã tan rã, các Ban Chấp hành nông hội xã do các chi bộ Đảng lãnh đạo đứng ra quản lý mọi mặt đời sống chính trị và xã hội ở nông thôn, làm nhiệm vụ của chính quyền nhân dân theo hình thức Xô viết. Lần đầu tiên nhân dân ta thực sự nắm chính quyền ở một số huyện ở Nghệ – Tĩnh.

– Về chính trị :

+ Chính quyền cách mạng kiên quyết trấn áp bọn phản cách mạng.

+ Thực hiện quyền tự do dân chủ cho nhân dân.

- + Các tổ chức quần chúng phát triển mạnh : Nông hội, Công hội, Đoàn thanh niên phản đế, Hội cứu tế...
- + Tuyên truyền giáo dục ý thức chính trị cho quần chúng...
- Về kinh tế :
 - + Bãi bỏ các thứ thuế.
 - + Chia ruộng đất công cho nông dân, giảm tô, xoá nợ...
- Văn hoá xã hội :
 - + Khuyến khích dân học chữ Quốc ngữ.
 - + Bài trừ mê tín dị đoan và các hủ tục...

Qua các hoạt động trên có thể khẳng định Xô viết Nghệ - Tĩnh là chính quyền cách mạng của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng.

III. LUYỆN TẬP

Câu 1. Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

1. Sự kiện nào đánh dấu phong trào cách mạng 1930 - 1931 phát triển đến đỉnh cao ?
 - A. Phong trào đấu tranh của quần chúng bùng lên mạnh mẽ trên cả ba miền Bắc - Trung - Nam.
 - B. Tháng 2 - 1930, nổ ra cuộc bãi công của 3 000 công nhân đồn điền cao su Phú Riềng.
 - C. Ngày 1 - 5 - 1930, công nhân và các tầng lớp nhân dân Đông Dương đã tỏ rõ dấu hiệu đoàn kết với vô sản thế giới.
 - D. Sự ra đời của Xô viết Nghệ - Tĩnh.
2. Trong phong trào cách mạng 1930 - 1931, các tầng lớp, giai cấp nào đấu tranh mạnh mẽ nhất ?
 - A. Tư sản, tiểu tư sản.
 - B. Công nhân, nông dân.
 - C. Công nhân, thợ thủ công.
 - D. Tiểu tư sản, nông dân.
3. Thực chất của chính quyền nhân dân theo hình thức Xô viết là
 - A. hình thức tổ chức chính quyền của khối liên minh giữa giai cấp công nhân và nông dân.
 - B. hình thức tổ chức chính quyền của khối liên minh giữa giai cấp địa chủ và tư sản.
 - C. hình thức tổ chức chính quyền của khối liên minh giữa giai cấp công nhân và trí thức.
 - D. hình thức tổ chức chính quyền của khối liên minh tất cả những tầng lớp, giai cấp trong xã hội.
4. Nhìn chung, hệ thống tổ chức Đảng ở trong nước đã được khôi phục từ
 - A. cuối năm 1931.
 - B. cuối năm 1934 đầu năm 1935.
 - C. cuối năm 1935 đầu năm 1936.
 - D. năm 1936.

5. Đại hội lần thứ nhất của Đảng được tổ chức vào tháng
 A. 1 – 1930. B. 10 – 1930.
 C. 3 – 1935. D. 7 – 1936.

Câu 2. Hãy xác định nội dung đúng, sai bằng cách đánh dấu (x) vào cột tương ứng.

Nội dung	Đúng	Sai
1. Phong trào đấu tranh của quần chúng đến năm 1930 – 1931 đã phát triển tới đỉnh cao với sự ra đời của Xô viết Nghệ – Tĩnh.		
2. Trong phong trào cách mạng 1930 – 1931, lần đầu tiên nhân dân ta thật sự nắm chính quyền ở một số huyện thuộc hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh.		
3. Cuối năm 1934 đầu năm 1935, hệ thống tổ chức Đảng ở trong nước nói chung đã được phục hồi.		
4. Đến tháng 3 – 1935, Đại hội lần thứ nhất của Đảng họp ở Pác Bó chuẩn bị cho một cao trào cách mạng mới.		

Câu 3. Hãy điền mốc thời gian cho phù hợp với sự kiện lịch sử trong phong trào cách mạng 1930 – 1931 trong bảng dưới đây.

Thời gian	Sự kiện lịch sử
.....(1).....	Bãi công của 3 000 công nhân đồn điền cao su Phú Riềng.
.....(2).....	Bãi công của 4 000 công nhân nhà máy sợi Nam Định, của hơn 400 công nhân nhà máy diêm và nhà máy của Bến Thủy.
.....(3).....	Lần đầu tiên công nhân và các tầng lớp nhân dân Đông Dương tỏ rõ dấu hiệu đoàn kết với vô sản quốc tế...
.....(4).....	Phong trào công nông phát triển tới đỉnh cao nhất là ở Nghệ – Tĩnh.
.....(5).....	Phong trào đấu tranh quần chúng phát triển tới đỉnh cao với sự ra đời của Xô viết Nghệ – Tĩnh.

Đáp án – hướng dẫn làm bài

Câu 1.

1D	2B	3A	4B	5C
----	----	----	----	----

Câu 2. Đúng : 1, 2, 3 ; Sai : 4

Câu 3.

1. 2 – 1930

2. 4 – 1930

3. 1 – 5 – 1930

4. 9 – 1930

5. 1930 – 1931

Bài 20. CUỘC VẬN ĐỘNG DÂN CHỦ TRONG NHỮNG NĂM 1936 – 1939

I. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CẦN ĐẠT

Những diễn biến chính của phong trào dân chủ những năm 1936 – 1939, Mặt trận Dân chủ Đông Dương, ý nghĩa của phong trào.

II. BÀI TẬP THỰC HÀNH

Câu 1. Tình hình thế giới và trong nước đã ảnh hưởng đến cách mạng Việt Nam như thế nào trong những năm 1936 – 1939 ?

Câu 2. Hãy trình bày những chủ trương mới của Đảng Cộng sản Đông Dương trong thời kì 1936 – 1939.

Câu 3. Hãy cho biết những sự kiện tiêu biểu trong cao trào dân chủ 1936 – 1939.

Câu 4. Hãy cho biết ý nghĩa lịch sử của phong trào dân chủ 1936 – 1939.

Hướng dẫn làm bài

Câu 1.

– Tình hình thế giới :

+ Chủ nghĩa phát xít được thiết lập và lên nắm quyền ở Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản, trở thành nguy cơ dẫn tới một cuộc chiến tranh thế giới mới.

+ Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản họp ở Mát-xcơ-va (7 – 1935) đề ra chủ trương thành lập Mặt trận Nhân dân ở các nước, nhằm tập hợp rộng rãi các lực lượng dân chủ đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít và nguy cơ chiến tranh.

+ Năm 1936, Mặt trận Nhân dân Pháp do Đảng Cộng sản làm nòng cốt, lên cầm quyền, áp dụng một số chính sách tiến bộ đối với các thuộc địa, một số tù chính trị ở Việt Nam được thả ra.

– Tình hình trong nước : Hậu quả cuộc khủng hoảng kinh tế cùng với chính sách phản động của thực dân Pháp ở thuộc địa làm cho đời sống nhân dân ta càng đói khổ, ngột ngạt.

Câu 2. Những chủ trương mới của Đảng Cộng sản Đông Dương trong thời kì 1936 – 1939 :

– Đảng Cộng sản Đông Dương nhận định rằng, kẻ thù cụ thể trước mắt là bọn phản động thuộc địa và tay sai.

– Nhiệm vụ là : “Chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống bọn phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hoà bình”.

– Chủ trương thành lập Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương (đến tháng 3 – 1938, đổi thành Mặt trận Dân chủ Đông Dương).

– Hình thức đấu tranh : hợp pháp và nửa hợp pháp, công khai và nửa công khai.

Câu 3. Những sự kiện tiêu biểu trong cao trào dân chủ (1936 – 1939) :

– Cuộc vận động lập *Ủy Ban trừ bị Đông Dương đại hội*, nhằm thu thập nguyện vọng của quần chúng, tiến tới triệu tập Đông Dương đại hội.

– Đầu năm 1937, nhân dịp đón phái viên Chính phủ Pháp và Toàn quyền mới, nhiều cuộc mít tinh, biểu tình, đưa “dân nguyện”... đã diễn ra.

– Phong trào đấu tranh của quần chúng với các cuộc bãi công, bãi thị, bãi khoá, mít tinh, biểu tình diễn ra mạnh mẽ... Tiêu biểu là cuộc mít tinh tại khu Đấu xảo (Hà Nội) nhân ngày Quốc tế Lao động 1 – 5 – 1938.

– Trong phong trào báo chí công khai, nhiều tờ báo của Đảng, Mặt trận ra đời như *Tiến phong*, *Dân chúng*, *Lao động*... nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin và chính sách của Đảng.

Câu 4. Ý nghĩa lịch sử của phong trào dân chủ 1936 – 1939 :

– Trong khi lãnh đạo quần chúng, trình độ chính trị, công tác của cán bộ, đảng viên đã được nâng cao, uy tín và ảnh hưởng của Đảng được mở rộng.

– Quần chúng được tập dượt trong đấu tranh, chủ nghĩa Mác – Lê-nin được tuyên truyền sâu rộng trong quần chúng, đội quân chính trị hùng hậu được hình thành.

– Phong trào dân chủ 1936 – 1939 là cuộc tập dượt lần thứ hai chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám năm 1945.

III. LUYỆN TẬP

Câu 1. Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

- Người dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương tham dự Đại hội VII Quốc tế Cộng sản (7 – 1935) là
A. Nguyễn Ái Quốc. B. Trần Phú.
C. Hà Huy Tập. D. Lê Hồng Phong.
- Chủ trương thành lập Mặt trận Nhân dân ở các nước, nhằm tập hợp rộng rãi các lực lượng dân chủ đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít là quyết định của Quốc tế Cộng sản tại
A. Đại hội I. B. Đại hội III.
C. Đại hội V. D. Đại hội VII.
- Trong thời kì 1936 – 1939, Đảng Cộng sản Đông Dương đã nêu ra những nhiệm vụ trước mắt của nhân dân Đông Dương là
A. đánh đổ đế quốc Pháp, Đông Dương hoàn toàn độc lập.
B. đánh đổ đế quốc Pháp và phong kiến.
C. giải phóng cho được các dân tộc Đông Dương ra khỏi ách thống trị Pháp – Nhật.
D. chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống bọn phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hoà bình.

4. Trong thời kì 1936 – 1939, Đảng Cộng sản Đông Dương chủ trương sử dụng hình thức và phương pháp đấu tranh
- A. hợp pháp và nửa hợp pháp, công khai và nửa công khai.
 - B. bí mật, bất hợp pháp.
 - C. công khai, hợp pháp.
 - D. chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang.
5. Cuộc mít tinh khổng lồ của 2,5 vạn người tham gia tại khu Đấu xảo (Hà Nội) diễn ra vào ngày
- A. 1 – 5 – 1930.
 - B. 1 – 5 – 1936.
 - C. 1 – 5 – 1937.
 - D. 1 – 5 – 1938.

Câu 2. Hãy lập bảng so sánh phong trào cách mạng 1930 – 1931 với phong trào dân chủ 1936 – 1939 (nhận định kẻ thù, nhiệm vụ, mặt trận, hình thức, phương pháp đấu tranh).

Câu 3. Em có nhận xét gì về quy mô, lực lượng tham gia và hình thức đấu tranh của phong trào dân chủ 1936 – 1939 ?

Câu 4. Nêu bài học kinh nghiệm của phong trào dân chủ 1936 – 1939.

Đáp án – hướng dẫn làm bài

Câu 1.

1D	2D	3D	4A	5D
----	----	----	----	----

Câu 2.

Nội dung	1930 – 1931	1936 – 1939
Nhận định kẻ thù	Đế quốc, phong kiến.	Kẻ thù trước mắt là bọn phản động Pháp cùng tay sai.
Nhiệm vụ (khẩu hiệu)	Chống đế quốc giành độc lập dân tộc, chống phong kiến giành ruộng đất cho dân cày.	Nhiệm vụ trước mắt là “Chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống bọn phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hoà bình”
Mặt trận	Bước đầu thực hiện liên minh công nông.	Thành lập Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương, sau đổi thành Mặt trận Dân chủ Đông Dương, nhằm tập hợp mọi lực lượng yêu nước, dân chủ, tiến bộ.
Hình thức, phương pháp đấu tranh	– Bí mật, bất hợp pháp. – Bạo động vũ trang.	– Hợp pháp và nửa hợp pháp. – Công khai và nửa công khai.

Câu 3. HS trình bày được các ý cơ bản sau :

- Phong trào đấu tranh diễn ra trên quy mô lớn, phạm vi cả nước, phong trào sôi nổi nhất ở các đô thị.
- Lực lượng tham gia : đông đảo các tầng lớp nhân dân, bao gồm công nhân, nông dân, tiểu tư sản, trí thức, dân nghèo thành thị, công chức.
- Hình thức đấu tranh công khai, hợp pháp (mít tinh, biểu tình, báo chí, nghị trường...). Nhiều hình thức đấu tranh lần đầu tiên được Đảng ta áp dụng.

Câu 4. HS trình bày được các ý cơ bản sau :

- Đảng Cộng sản Đông Dương đã tích lũy được nhiều bài học kinh nghiệm trong xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất.
- Kinh nghiệm tổ chức, lãnh đạo quần chúng đấu tranh công khai, hợp pháp.
- Đảng thấy được những hạn chế của mình trong công tác mặt trận, vấn đề dân tộc...
- Phong trào dân chủ 1936 – 1939 như một cuộc tập dượt, chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám.

IV. TƯ LIỆU THAM KHẢO

Bức thư công khai của Đảng Cộng sản Đông Dương gửi các đảng phái (8 – 1936)

Đảng tuyên bố rằng chủ trương lập “Mặt trận thống nhất dân chủ Đông Dương” và đề ra cho Mặt trận 12 yêu sách, kêu gọi các đảng phái, các tầng lớp đồng bào tập hợp xung quanh bản yêu sách đó :

1. Mở rộng ban Hội đồng Đông Dương kinh tế lí tài thành một nghị trường do nhân dân cử ra, có quyền biểu quyết hết thảy các vấn đề kinh tế và chính trị.
2. Người Pháp và người bản xứ hễ 18 tuổi có quyền tuyển cử và ứng cử như nhau.
3. Tự do ngôn luận, hội họp, tổ chức đi lại.
4. Luật lao động (ngày làm 8 giờ, xã hội bảo hiểm).
5. Ân xá hết thảy chính trị phạm, bỏ lệ quản thúc, cho về xứ hết thảy những người chính trị bị đuổi, bị trốn ở ngoại quốc.
6. Giảm sưu thuế, tha sưu thuế cho dân nghèo.
7. Cứu tế thất nghiệp, tăng lương cho công nhân và những người tòng sự trong công sở, tư sở.
8. Bỏ độc quyền muối, rượu.

9. Cấm sự cướp đất và sự tịch kí đất của người thiếu nợ, thiếu sưu thuế.
10. Đuổi những quan lại tham tàn, tầy chay các quan lại phản động người Tây và người Nam.
11. Mở rộng nền giáo dục, sửa đổi những thể lệ vào trường học, lên lớp, thi cử. Cưỡng bách giáo dục bằng tiếng mẹ đẻ chỉ ít là đến trình độ sơ học.
12. Phụ nữ được hưởng quyền lợi kinh tế và chính trị ngang hàng với đàn ông. Căn cứ vào nội dung này mà ta đề ra việc lập mặt trận thống nhất rộng rãi.

(Trần Văn Giàu, *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam, tập III*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2003, tr 1343 – 1344).

Chương III. CUỘC VẬN ĐỘNG TIẾN TỚI CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

Bài 21. VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1939 – 1945

I. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CẦN ĐẠT

- Tình hình thế giới và Đông Dương trong năm 1939 – 1945.
- Các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ và binh biến Đô Lương : Nguyên nhân bùng nổ, diễn biến chính, ý nghĩa.

II. BÀI TẬP THỰC HÀNH

Câu 1. Tình hình Việt Nam trong Chiến tranh thế giới thứ hai có điểm gì đáng chú ý ?

Câu 2. Hai cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ và binh biến Đô Lương đã diễn ra như thế nào ?

Hướng dẫn làm bài

Câu 1. Tình hình Việt Nam trong Chiến tranh thế giới thứ hai :

– Tháng 9 – 1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, tháng 6 – 1940 quân đội phát xít Đức kéo vào nước Pháp. Chính phủ Pháp đầu hàng phát xít Đức.

– Ở Viễn Đông, quân phiệt Nhật đẩy mạnh xâm lược Trung Quốc, cho quân tiến sát biên giới Việt – Trung và tiến vào Đông Dương (9 – 1940)...

– Pháp – Nhật càng kết chặt chẽ với nhau cùng áp bức bóc lột nhân dân Đông Dương.

+ Thực dân Pháp thi hành chính sách “kinh tế chỉ huy”, tăng cường việc đầu cơ tích trữ, tăng các loại thuế...

+ Nhật thu mua lương thực theo lối cưỡng bức với giá rẻ mạt để cung cấp cho quân đội và tích trữ chuẩn bị cho chiến tranh.

– Hậu quả :

+ Cuối năm 1944 đầu năm 1945, khoảng 2 triệu đồng bào ta, chủ yếu là nông dân miền Bắc bị chết đói.

+ Dưới hai tầng áp bức, bóc lột nặng nề của Pháp – Nhật, các tầng lớp nhân dân ta bị đẩy đến tình trạng cực khổ, điêu đứng. Mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc ta với Pháp – Nhật càng sâu sắc.

Câu 2.

– Khởi nghĩa Bắc Sơn (27 – 9 – 1940) :

- + Quân Nhật đánh vào Lạng Sơn, quân Pháp thua chạy qua châu Bắc Sơn.
- + Đảng bộ Bắc Sơn lãnh đạo nhân dân nổi dậy tước khí giới của tàn quân Pháp, giải tán chính quyền địch, thành lập chính quyền cách mạng (27 – 9 – 1940). Tổ chức đấu tranh chống khủng bố, duy trì các cơ sở của cuộc khởi nghĩa...
- + Nhật thoả hiệp để Pháp quay lại đàn áp.
- + Tuy khởi nghĩa thất bại, nhưng đội du kích Bắc Sơn đã được thành lập.
- Khởi nghĩa Nam Kỳ (23 – 11 – 1940) :
 - + Thực dân Pháp bắt binh lính Việt Nam làm bia đỡ đạn để chống lại quân Xiêm (Thái Lan). Nhân dân, binh lính Nam Kỳ bất bình, Đảng bộ Nam Kỳ quyết định khởi nghĩa.
 - + Đêm 22 rạng sáng 23 – 11 – 1940, ở hầu khắp các tỉnh Nam Kỳ, nghĩa quân triệt hạ một số đồn bốt giặc, thành lập chính quyền nhân dân và toà án cách mạng... lá cờ đỏ sao vàng đã xuất hiện lần đầu tiên trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ.
 - Binh biến Đô Lương (13 – 1 – 1941) :
 - + Tại Nghệ An, binh lính người Việt hết sức bất bình vì bị bắt sang Lào làm bia đỡ đạn cho quân Pháp.
 - + Ngày 13 – 1 – 1941, dưới sự chỉ huy của Đội Cung, binh lính đồn chợ Rạng đã nổi dậy, đánh chiếm đồn Đô Lương, rồi kéo về Vinh. Nhưng kế hoạch bị thất bại.

III. LUYỆN TẬP

Câu 1. Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

1. Nội dung cơ bản của Hiệp ước phòng thủ chung Đông Dương :
 - A. Pháp trao lại các tô giới, nhượng địa của Pháp trên đất Trung Quốc cho Nhật.
 - B. Pháp cho Nhật vận chuyển hàng hoá qua cảng Hải Phòng và Vân Nam không phải đóng thuế.
 - C. Pháp cam kết hợp tác với Nhật về mọi mặt.
 - D. Nhật có quyền sử dụng tất cả sân bay và cửa biển ở Đông Dương vào mục đích quân sự.
2. Nhằm mục đích lợi dụng thời chiến để nắm độc quyền toàn bộ nền kinh tế Đông Dương, tăng cường vơ vét bóc lột nhân dân ta nhiều hơn, thực dân đã thi hành
 - A. Chính sách kinh tế chỉ huy.
 - B. Chính sách Cộng sản thời chiến.
 - C. Chính sách kinh tế mới.
 - D. Chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai.
3. Chính sách vơ vét, bóc lột của Pháp – Nhật đã đẩy nhân dân ta tới chỗ cùng cực, hậu quả là cuối năm 1944 đầu năm 1945 có
 - A. 2 triệu công nhân thất nghiệp.

- B. 2 triệu nông dân bị bắn cùng hoá và phá sản.
 C. 2 triệu tiểu tư sản thành thị bị đẩy vào con đường phá sản và thất nghiệp.
 D. 2 triệu đồng bào ta, chủ yếu là nông dân ở miền Bắc chết đói.
4. Lá cờ đỏ sao vàng đã xuất hiện lần đầu tiên trong
 A. khởi nghĩa Bắc Sơn. B. khởi nghĩa Nam Kỳ.
 C. binh biến Đô Lương. D. Cách mạng tháng Tám.
5. Cuộc binh biến Đô Lương diễn ra ở
 A. Nam Định. B. Hà Nội.
 C. Nghệ An. D. Quảng Trị.

Câu 2. Hãy xác định nội dung đúng, sai bằng cách đánh dấu (x) vào cột tương ứng.

Nội dung	Đúng	Sai
1. Tháng 9 – 1939, tại Hà Nội, Chính phủ Pháp công bố kí kết một hiệp ước giữa Pháp và Nhật – Hiệp ước phòng thủ chung Đông Dương.		
2. Thực chất của chính sách “kinh tế chi huy” là thực dân Pháp muốn lợi dụng chiến tranh để nắm độc quyền toàn bộ nền kinh tế Đông Dương.		
3. Cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn đã để lại cho Đảng Cộng sản Đông Dương những bài học bổ ích về khởi nghĩa vũ trang, về xây dựng lực lượng vũ trang và chiến tranh du kích.		
4. Đảng bộ Nam Kỳ đã quyết định khởi nghĩa Nam Kỳ (23 – 11 – 1940) với sự đồng ý của Trung ương Đảng.		
5. Lá cờ đỏ sao vàng đã xuất hiện lần đầu tiên trong cuộc binh biến Đô Lương.		

Câu 3. Hãy điền mốc thời gian cho phù hợp với sự kiện lịch sử ở bảng dưới đây.

Thời gian	Sự kiện lịch sử
.....(1).....	Pháp đầu hàng Nhật ở Lạng Sơn, mở cửa cho Nhật vào Đông Dương
.....(2).....	Khởi nghĩa Bắc Sơn
.....(3).....	Khởi nghĩa Nam Kỳ
.....(4).....	Binh biến Đô Lương
.....(5).....	Tại Hà Nội, Chính phủ Pháp công bố kí kết một hiệp ước giữa Pháp và Nhật – Hiệp ước phòng thủ chung Đông Dương.

Đáp án – hướng dẫn làm bài

Câu 1.

1D	2A	3D	4B	5C
----	----	----	----	----

Câu 2. Đúng : 2, 3 ; Sai : 1, 4, 5

Câu 3.

1. 9 – 1940

2. 27 – 9 – 1940

3. 23 – 11 – 1940

4. 13 – 1 – 1941

5. 23 – 7 – 1941

IV. TƯ LIỆU THAM KHẢO

Nạn đói năm Ất Dậu 1945

Nhà nhiếp ảnh Võ An Ninh ghi lại những cảnh thương tâm trong báo *Cứu quốc* (số 133, 134):

“... Trên đường Thái Bình đi xuống Kiến Xương, chỗ nào cũng có những trẻ em, cha mẹ chết hết, ngồi kêu khóc xin ăn. Rồi xác và xác ! Người chết đói và người đẻ thêm con, đẻ rồi lại thêm một xác chết.

Hết cảnh đói ở vùng quê, đến cảnh đói ở thành thị. Đây là những khung cảnh đói ở thành thị. Đây là những khung cảnh rất quen tôi đã từng trông thấy hằng ngày hồi Hà Nội nong lên những mùi thịt thối. Những đám người đói chui xuống gầm xe bò, cúi xuống mặt đất lấm bùn, vơ, quét những hạt gạo rơi, những đám người xúm quanh một đồng vỏ ốc mút mút một cách ngon ơ. Một người đàn bà đập chuột, vặt lông, nướng rồi ăn. Và đây là vết tích ghi lại thành di hận nghìn đời không quên được tội ác của giặc thực dân Pháp – Nhật : những cánh tay, những xe bò, những xe cam nhông suốt ngày đi nhặt xác trên các vỉa hè Hà Nội để mang xuống nghĩa trang Hợp Thiện, hất như hất rác vào những cái hố dài 50, 60 mét, sâu ngập đầu người”.

(Trần Văn Giàu, *Sổd*, tr 1607)

Bài 22. CAO TRÀO CÁCH MẠNG TIẾN TỚI TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM NĂM 1945

I. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CẦN ĐẠT

- Các chủ trương của Hội nghị Trung ương Đảng tháng 5 – 1941 (chú ý việc đặt vấn đề giải phóng dân tộc lên hàng đầu và vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc).
- Sự ra đời của Mặt trận Việt Minh và việc xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang trên khắp các vùng trong cả nước.
- Cao trào kháng Nhật cứu nước : Nét chính về diễn biến, khí thế cách mạng sôi nổi, rộng khắp trong cả nước, bước phát triển mới về lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, sự kết hợp giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, chính quyền cách mạng bắt đầu hình thành.

II. BÀI TẬP THỰC HÀNH

Câu 1. Chủ trương của Đảng được đề ra tại Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5 – 1941) như thế nào ?

Câu 2. Tại sao Nhật phải đảo chính Pháp ? Quân Pháp ở Đông Dương đã thất bại ra sao ?

Câu 3. Trình bày diễn biến của cao trào kháng Nhật, cứu nước.

Hướng dẫn làm bài

Câu 1. Ngày 28 – 1 – 1941, Nguyễn Ái Quốc về nước triệu tập Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương. Hội nghị họp tại Pác Bó (Cao Bằng) từ ngày 10 đến ngày 19 – 5 – 1941.

– Hội nghị chủ trương :

+ Trước hết phải giải phóng cho được các dân tộc Đông Dương ra khỏi ách Pháp – Nhật.

+ Tiếp tục tạm gác khẩu hiệu “Đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày” thay bằng khẩu hiệu “Tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho dân cày, giảm tô, giảm tức, chia lại ruộng đất công” tiến tới “Người cày có ruộng”.

+ Thành lập Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh) bao gồm các tổ chức quần chúng lấy tên là Hội cứu quốc...

Câu 2.

– Nguyên nhân dẫn tới Nhật đảo chính Pháp :

+ Đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc. Nước Pháp được giải phóng. Chính phủ kháng chiến Đờ Gôn về Pa-ri.

+ Ở Mặt trận Thái Bình Dương, phát xít Nhật khôn đồn.

+ Ở Đông Dương : Thực dân Pháp ráo riết hoạt động chờ đợi quân Đồng minh.

+ Tình thế thất bại gần kề của phát xít Nhật buộc chúng phải làm cuộc đảo chính lật đổ Pháp để độc chiếm Đông Dương.

– Diễn biến : Đêm 9 – 3 – 1945, Nhật nổ súng lật đổ Pháp trên toàn Đông Dương. Quân Pháp chống cự rất yếu ớt, chỉ sau một vài giờ đã nhanh chóng đầu hàng.

Câu 3. Diễn biến của cao trào kháng Nhật, cứu nước :

– Từ giữa tháng 3 – 1945 trở đi, cách mạng đã chuyển sang cao trào, phong trào đấu tranh vũ trang và những cuộc khởi nghĩa từng phần liên tiếp nổ ra ở nhiều địa phương. Ở căn cứ địa Cao – Bắc – Lạng, nhiều xã, châu, huyện được giải phóng.

– Ngày 15 – 4 – 1945, Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ họp, thống nhất các lực lượng vũ trang thành lập Việt Nam giải phóng quân, Ủy ban quân sự cách mạng Bắc Kỳ được thành lập, khu giải phóng Việt Bắc ra đời (6 – 1945).

– Phong trào quần chúng phát triển mạnh mẽ ở cả nông thôn và thành thị, khẩu hiệu “phá kho thóc, giải quyết nạn đói” đã đẩy lên phong trào đánh chiếm kho thóc của Nhật chia cho dân nghèo, không khí tiền khởi nghĩa lan rộng khắp cả nước.

III. LUYỆN TẬP

Câu 1. Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

- Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước vào ngày
A. 28 – 1 – 1941. B. 8 – 2 – 1941.
C. 10 – 5 – 1941. D. 19 – 5 – 1941.
- Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương chủ trương thành lập
A. Mặt trận Dân chủ Đông Dương. B. Mặt trận Việt Minh.
C. Mặt trận Liên Việt. D. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
- Mặt trận Việt Minh chính thức thành lập ngày
A. 10 – 5 – 1941. B. 5 – 10 – 1941.
C. 19 – 5 – 1941. D. 20 – 5 – 1941.
- Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị các cấp sửa soạn khởi nghĩa và kêu gọi nhân dân “săm vũ khí đuổi thù chung” vào
A. đầu tháng 5 – 1941 B. đầu tháng 5 – 1943.
C. đầu tháng 5 – 1944. D. đầu tháng 5 – 1945.
- Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được thành lập vào ngày
A. 14 – 2 – 1941. B. 15 – 9 – 1941.
C. 19 – 5 – 1941. D. 22 – 12 – 1944.
- Đêm 9 – 3 – 1945, trên toàn Đông Dương đã diễn ra sự kiện gì?
A. Nhật đảo chính Pháp.
B. Nhật hoàng trao trả độc lập cho các dân tộc Đông Dương.
C. Nhật kí với Pháp “Hiệp ước phòng thủ chung Đông Dương”.
D. Nhật Hoàng tuyên bố đầu hàng Đồng minh vô điều kiện.
- Nội dung cơ bản của chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” là
A. xác định kẻ thù cụ thể, trước mắt là phát xít Nhật, phát động cao trào “Kháng Nhật, cứu nước” làm tiền đề cho Tổng khởi nghĩa.
B. xác định kẻ thù cụ thể, trước mắt của nhân dân Đông Dương là Pháp – Nhật.
C. xác định nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng là giải phóng dân tộc.
D. thay khẩu hiệu “Đánh Pháp đuổi Nhật” bằng khẩu hiệu “Đánh đuổi phát xít Nhật”.

Câu 2. Hãy điền mốc thời gian cho phù hợp với sự kiện lịch sử ở bảng dưới đây.

Thời gian	Sự kiện lịch sử
.....(1).....	Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước.
.....(2).....	Mặt trận Việt Minh chính thức thành lập.
.....(3).....	Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị cho các cấp sửa soạn khởi nghĩa và kêu gọi nhân dân “sấm vũ khí đuổi thù chung”.
.....(4).....	Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân thành lập.
.....(5).....	Hội nghị quân sự Bắc Kỳ họp ở Hiệp Hoà (Bắc Giang).
.....(6).....	Khu giải phóng Việt Bắc ra đời.

Câu 3. Vai trò của Nguyễn Ái Quốc tại Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (5 – 1941) được thể hiện như thế nào ?

Câu 4. Ngay khi Nhật đảo chính Pháp, Đảng Cộng sản Đông Dương đã có những chủ trương gì để đẩy phong trào cách mạng tiến tới ?

Câu 5. Công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa của Đảng và nhân dân ta từ sau Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5 – 1941) đã diễn ra như thế nào ?

Đáp án – hướng dẫn làm bài

Câu 1.

1A	2B	3C	4C	5D	6A	7A
----	----	----	----	----	----	----

Câu 2.

- | | |
|-----------------------|-------------------|
| 1. 28 – 1 – 1941 | 2. 19 – 5 – 1941 |
| 3. Đầu tháng 5 – 1944 | 4. 22 – 12 – 1944 |
| 5. 15 – 4 – 1945 | 6. 4 – 6 – 1945 |

Câu 3. Tại Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nguyễn Ái Quốc đã đóng một vai trò quan trọng :

- Người chủ trì hội nghị.
- Người đã đưa vấn đề dân tộc lên hàng đầu, chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước trong Liên bang Đông Dương.
- Người chủ trương thành lập Việt Nam độc lập Đồng minh (Việt Minh) bao gồm các tổ chức quần chúng lấy tên là Hội cứu quốc.

Câu 4. HS trình bày được các ý cơ bản sau :

- Ngay khi Nhật đảo chính Pháp, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp hội nghị mở rộng. Hội nghị đã ra chỉ thị : “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”, xác định kẻ thù chính, cụ thể, trước mắt của nhân dân Đông Dương lúc này là

phát xít Nhật. Hội nghị quyết định phát động một cao trào “Kháng Nhật, cứu nước” làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa.

– Ngày 15 – 4 – 1945, Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ quyết định thống nhất các lực lượng vũ trang thành *Việt Nam giải phóng quân*, phát triển hơn nữa lực lượng vũ trang và nửa vũ trang, mở trường đào tạo cán Bộ Chính trị, quân sự, tích cực phát triển chiến tranh du kích, xây dựng căn cứ địa kháng Nhật để chuẩn bị cuộc tổng khởi nghĩa.

Câu 5. Học sinh trình bày được các ý cơ bản sau :

a) Xây dựng lực lượng cho cuộc khởi nghĩa vũ trang

– Xây dựng lực lượng chính trị :

+ Nguyễn Ái Quốc kêu gọi đồng bào cả nước đoàn kết thống nhất đánh đuổi Pháp – Nhật.

+ Vận động quần chúng tham gia Mặt trận Việt Minh. Cao Bằng được coi là nơi thí điểm của cuộc vận động xây dựng các Hội cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh. Năm 1942, khắp các châu của Cao Bằng đều có Hội cứu quốc, Ủy ban Việt Minh tỉnh Cao Bằng và Ủy ban Việt Minh liên tỉnh Cao – Bắc – Lạng được thành lập. Năm 1943, Ủy ban Việt Minh liên tỉnh Cao – Bắc – Lạng lập ra 19 ban xung phong “Nam tiến” phát triển lực lượng cách mạng xuống miền xuôi.

+ Chú trọng xây dựng lực lượng chính trị trong quần chúng ở nông thôn và thành thị, tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân khác như sinh viên, học sinh, trí thức, tư sản dân tộc vào mặt trận cứu quốc.

+ Báo chí của Đảng và Mặt trận Việt Minh phát triển phong phú, góp phần tuyên truyền đường lối chính trị của Đảng (*Giải phóng, Cứu quốc...*).

– Xây dựng lực lượng vũ trang : Năm 1941, đội du kích Bắc Sơn phát triển thành trung đội cứu quốc quân, phát triển chiến tranh du kích, tiến hành công tác tuyên truyền, gây dựng cơ sở chính trị...

– Xây dựng căn cứ địa cách mạng : Nguyễn Ái Quốc chọn Cao Bằng làm nơi thí điểm xây dựng căn cứ địa cách mạng.

b) Gấp rút chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền

– Đầu tháng 5 – 1944, Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị sửa soạn khởi nghĩa và kêu gọi nhân dân “sắm vũ khí đuổi thù chung”.

– Tháng 10 – 1944, lãnh tụ Hồ Chí Minh (Nguyễn Ái Quốc) gửi thư cho đồng bào toàn quốc kêu gọi chuẩn bị khởi nghĩa.

– Ngày 22 – 12 – 1944, theo chỉ thị của lãnh tụ Hồ Chí Minh, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được thành lập. Cuối tháng 12 – 1944, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân đánh thắng hai trận ở Phay Khắt và Nà Ngàn (Cao Bằng).

– Chính quyền nhân dân được thành lập ở vùng rộng lớn, phía Nam xuống tận tỉnh lỵ Thái Nguyên và Vĩnh Yên.

IV. TƯ LIỆU THAM KHẢO

Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân

1. Tên *Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân* nghĩa là chính trị trọng hơn quân sự. Nó là đội tuyên truyền. Vì muốn hành động có kết quả thì về quân sự, nguyên tắc chính là nguyên tắc tập trung lực lượng, cho nên theo chỉ thị mới của Đoàn thể, sẽ chọn lọc trong hàng ngũ những du kích Cao – Bắc – Lạng số cán bộ và đội viên kiên quyết, hăng hái nhất và sẽ tập trung một phần lớn vũ khí để lập ra đội chủ lực.

Vì cuộc kháng chiến của ta là cuộc kháng chiến của toàn dân, cần phải động viên toàn dân, vũ trang toàn dân cho nên trong khi tập trung lực lượng để lập một đội quân đầu tiên, cần phải duy trì lực lượng vũ trang trong các địa phương cùng phối hợp hành động và giúp đỡ về mọi phương diện. Đội quân chủ lực trái lại có nhiệm vụ dìu dắt cán bộ vũ trang của các địa phương, giúp đỡ huấn luyện, giúp đỡ vũ khí nếu có thể được, làm cho các đội này trưởng thành mãi lên.

2. Đối với các đội vũ trang địa phương, đưa các cán bộ địa phương về huấn luyện, tung các cán bộ đã huấn luyện đi các địa phương, trao đổi kinh nghiệm, liên lạc thông suốt, phối hợp tác chiến.

3. Về chiến thuật : Vận dụng lối đánh du kích, bí mật, nhanh chóng, tích cực nay đông mai tây, lai vô ảnh, khứ vô tung.

Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân là đội quân đàn anh, mong cho chóng có những đội đàn em khác.

Tuy lúc đầu quy mô của nó còn nhỏ, nhưng tiền đồ của nó rất vẻ vang. Nó là khởi điểm của giải phóng quân, nó có thể đi suốt từ Nam chí Bắc, khắp đất nước Việt Nam.

Tháng 12 năm 1944

Hồ Chí Minh

(Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 3, sđd, tr 507 – 508)

Bài 23. TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM NĂM 1945 VÀ SỰ THÀNH LẬP NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ

I. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CẦN ĐẠT

– Thời cơ khởi nghĩa và lệnh Tổng khởi nghĩa.

- Cuộc tổng khởi nghĩa trong toàn quốc (diễn biến, đặc biệt chú ý khởi nghĩa ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn).
- Thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và ra bản Tuyên ngôn Độc lập.
- Ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thành công của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

II. BÀI TẬP THỰC HÀNH

Câu 1. Trình bày nét chính diễn biến Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

Câu 2. Nêu ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thành công của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Hướng dẫn làm bài

Câu 1. Nét chính diễn biến Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 :

a) Khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội

– Ngay sau khi Nhật đảo chính Pháp, không khí cách mạng càng sôi động... Các đội Tuyên truyền xung phong của Việt Minh hoạt động khắp thành phố.

– Tối ngày 15 – 8, đội Tuyên truyền xung phong của Việt Minh tổ chức diễn thuyết công khai trong thành phố.

– Ngày 16 – 8, truyền đơn, biểu ngữ kêu gọi khởi nghĩa xuất hiện khắp nơi. Chính phủ bù nhìn thân Nhật lung lay đến tận gốc rễ.

– Ngày 19 – 8, Mặt trận Việt Minh tổ chức mít tinh tại Nhà hát lớn. Cuộc mít tinh nhanh chóng chuyển thành cuộc biểu tình đánh chiếm các công sở chính quyền bù nhìn và quân Nhật. Cuộc khởi nghĩa đã thắng lợi hoàn toàn ở Hà Nội.

b) Giành chính quyền trong cả nước

– Từ ngày 14 – 8 đến ngày 18 – 8, bốn tỉnh giành chính quyền sớm nhất trong cả nước là Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh và Quảng Nam.

– Tiếp sau Hà Nội, khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi ở Huế (23 – 8), Sài Gòn (25 – 8).

– Chỉ trong vòng 15 ngày (từ ngày 14 đến ngày 28 – 8), cuộc tổng khởi nghĩa đã thành công trong cả nước.

– Ngày 2 – 9 – 1945, tại Quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Câu 2.

a) Ý nghĩa lịch sử

– Đối với dân tộc Việt Nam :

+ Cách mạng tháng Tám là sự kiện vĩ đại trong lịch sử dân tộc, nó đã phá tan hai tầng xiềng xích nô lệ Pháp – Nhật, đồng thời lật nhào chế độ quân chủ chuyên chế.

+ Việt Nam từ một nước thuộc địa đã trở thành một nước độc lập dưới chế độ dân chủ cộng hoà. Đưa nhân dân ta từ thân phận nô lệ thành người dân độc lập, tự do, làm chủ nước nhà.

+ Mở ra kỉ nguyên mới cho dân tộc ta – kỉ nguyên độc lập, tự do.

– Đối với quốc tế :

+ Thắng lợi đầu tiên trong thời đại mới của một dân tộc nhược tiểu đã tự giải phóng khỏi ách đế quốc thực dân.

+ Cô vũ mạnh mẽ tinh thần đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa và nửa thuộc địa trên thế giới, đặc biệt là nhân dân châu Á và châu Phi.

b) Nguyên nhân thành công

– Nguyên nhân chủ quan :

+ Dân tộc Việt Nam vốn có truyền thống yêu nước sâu sắc, khi có Đảng Cộng sản Đông Dương và Mặt trận Việt Minh phát cao ngọn cờ cứu nước thì mọi người hăng hái hưởng ứng.

+ Có khối liên minh công nông vững chắc, tập hợp được mọi lực lượng yêu nước trong mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, biết kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị, đấu tranh du kích với khởi nghĩa từng phần ở nông thôn, tiến lên phát động tổng khởi nghĩa.

– Nguyên nhân khách quan : Nhờ hoàn cảnh quốc tế thuận lợi, Hồng quân Liên Xô và các nước Đồng minh đã đánh bại phát xít Đức – Nhật.

III. LUYỆN TẬP

Câu 1. Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

- Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương đã có quyết định gì ?
 A. Thành lập Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc.
 B. Ra quân lệnh số 1 kêu gọi toàn dân nổi dậy.
 C. Lập Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam.
 D. Quyết định phát động Tổng khởi nghĩa trong cả nước, giành lấy chính quyền trước khi Đồng minh vào.
- Chủ tịch Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam (tức Chính phủ Lâm thời sau này) là
 A. Hồ Chí Minh.
 B. Trường Chinh.
 C. Võ Nguyên Giáp.
 D. Phạm Văn Đồng.
- Trong Cách mạng tháng Tám năm 1945, bốn tỉnh giành được chính quyền ở tỉnh lỵ sớm nhất trong cả nước là
 A. Huế, Sài Gòn, Hà Nội, Hải Phòng.
 B. Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.

- C. Huế, Quảng Trị, Quảng Bình, Nam Định.
D. Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Hải Dương.
4. Khởi nghĩa thắng lợi ở các thành phố nào có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám trong cả nước ?
A. Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.
B. Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn.
C. Huế, Sài Gòn, Hà Nội.
D. Đà Nẵng, Hải Phòng, Nha Trang.
5. Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà vào ngày
A. 1 – 9 – 1945.
B. 2 – 9 – 1945.
C. 3 – 9 – 1945.
D. 4 – 9 – 1945.
6. Nguyên nhân khách quan có tác động tích cực đến sự thành công của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là
A. Nhật đảo chính Pháp, thời cơ tổng khởi nghĩa đã đến.
B. quân Liên Xô và quân Đồng minh đã đánh bại phát xít Đức – Nhật.
C. tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia.
D. liên quân Anh – Mỹ đánh bại phát xít I-ta-li-a.

Câu 2. Lập niên biểu những sự kiện chính trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Đáp án – hướng dẫn làm bài

Câu 1.

1D	2A	3B	4C	5B	6B
----	----	----	----	----	----

Câu 2.

Thời gian	Sự kiện lịch sử
Từ ngày 14 đến ngày 15 – 8 – 1945	Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương họp ở Tân Trào đã quyết định phát động tổng khởi nghĩa trong cả nước.
16 – 8 – 1945	Đại hội Quốc dân ở Tân Trào tán thành quyết định Tổng khởi nghĩa, thông qua 10 chính sách của Việt Minh, thành lập Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam.
Chiều 16 – 8 – 1945	Đội quân giải phóng do Võ Nguyên Giáp chỉ huy xuất phát từ Tân Trào về giải phóng thị xã Thái Nguyên.
18 – 8 – 1945	Bốn tỉnh Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam giành chính quyền ở tỉnh lỵ sớm nhất trong cả nước.
19 – 8 – 1945	Cuộc khởi nghĩa thắng lợi hoàn toàn ở Hà Nội.

23 – 8 – 1945	Huế giành được chính quyền.
25 – 8 – 1945	Sài Gòn giành được chính quyền.
30 – 8 – 1945	Vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị.
2 – 9 – 1945	Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc <i>Tuyên ngôn Độc lập</i> , tuyên bố trước quốc dân và thế giới : nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời.

IV. TƯ LIỆU THAM KHẢO

Thư kêu gọi Tổng khởi nghĩa

Hỡi đồng bào yêu quý !

... Hiện nay quân đội Nhật đã tan rã, phong trào cứu quốc lan tràn khắp nước...

Vừa đây Việt Minh lại triệu tập “Việt Nam quốc dân đại biểu Đại hội”, cử ra Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam để lãnh đạo toàn quốc nhân dân kiên quyết đấu tranh kì cho nước được độc lập.

...

Việt Minh là cơ sở cho sự đoàn kết, phấn đấu của dân tộc ta trong lúc này. Hãy gia nhập Việt Minh, ủng hộ Việt Minh, làm cho Việt Minh rộng lớn mạnh mẽ.

Ủy ban Dân tộc giải phóng cũng như Chính phủ lâm thời của ta lúc này. Hãy đoàn kết chung quanh nó, làm cho chính sách và mệnh lệnh của nó được thi hành khắp nước...

Hỡi đồng bào yêu quý !

Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta.

Nhiều dân tộc bị áp bức trên thế giới đang ganh nhau tiến bước giành quyền độc lập. Chúng ta không thể chậm trễ.

Tiến lên ! Tiến lên ! Dưới lá cờ Việt Minh, đồng bào hãy dũng cảm tiến lên.

Tháng 8 năm 1945

Hồ Chí Minh

(Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 3, Sđd, tr 553 – 554)

Chương IV. VIỆT NAM TỪ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM ĐẾN TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN

Bài 24. CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ VÀ XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN DÂN CHỦ NHÂN DÂN (1945 – 1946)

I. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CẦN ĐẠT

– Tình hình nước ta sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 : Chính quyền dân chủ nhân dân ở trong tình thế “ngàn cân treo sợi tóc” vì thù trong giặc ngoài, những khó khăn do thiên tai, hậu quả của chế độ thuộc địa...

– Những biện pháp giải quyết khó khăn trước mắt và phần nào chuẩn bị cho lâu dài : Xây dựng nền móng của chính quyền nhân dân, diệt giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm ; hoàn cảnh, ý nghĩa của việc kí Hiệp định Sơ bộ 6 – 3 – 1946 và Tạm ước 14 – 9 – 1946 ; ý nghĩa của những kết quả bước đầu đã đạt được.

II. BÀI TẬP THỰC HÀNH

Câu 1. Tại sao nói nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ngay sau khi thành lập đã ở vào tình thế “ngàn cân treo sợi tóc” ?

Câu 2. Đảng và Chính phủ đã tiến hành những biện pháp gì để củng cố và kiện toàn chính quyền cách mạng ?

Câu 3. Trong việc giải quyết nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính, chúng ta đã được những kết quả gì ?

Câu 4. Hiệp định Sơ bộ Việt – Pháp ngày 6 – 3 – 1946 đã được kí kết trong hoàn cảnh nào ? Nêu nội dung và ý nghĩa của Hiệp định.

Hướng dẫn làm bài

Câu 1. Ngay sau khi thành lập, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà phải đối diện với muôn vàn khó khăn :

– Từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc, 20 vạn quân Tưởng Giới Thạch kéo vào nước ta, theo sau là bọn tay sai phản động, âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng, thành lập chính quyền tay sai.

– Từ vĩ tuyến 16 trở vào Nam, quân Anh đã mở đường cho thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta.

– Trên cả nước ta vẫn còn 6 vạn quân Nhật chờ giải giáp...

– Các lực lượng phản cách mạng ngóc đầu dậy chống phá cách mạng.

- Nhà nước cách mạng chưa được củng cố.
 - Nền kinh tế nước ta vốn đã nghèo nàn lạc hậu, còn bị chiến tranh tàn phá nặng nề. Hậu quả của nạn đói cuối năm 1944 đầu năm 1945 chưa được khắc phục.
 - Nạn lụt, hạn hán diễn ra. Sản xuất công nghiệp đình đốn, nạn đói mới đe dọa đời sống nhân dân.
 - Ngân sách nhà nước hầu như trống rỗng. Nhà nước chưa kiểm soát được ngân hàng Đông Dương.
 - Hơn 90% dân số không biết chữ, tệ nạn xã hội tràn lan...
- Nước Việt Nam đứng trước tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”.

Câu 2. Những biện pháp của Đảng và Chính phủ để củng cố và kiện toàn chính quyền cách mạng :

- Ngày 6 – 1 – 1946, hơn 90% cử tri cả nước đi bầu cử Quốc hội khoá I.
- Ngày 2 – 3 – 1946, Quốc hội họp phiên đầu tiên lập ra Ban dự thảo Hiến Pháp và thông qua danh sách Chính phủ liên hiệp kháng chiến do Hồ Chí Minh đứng đầu.
- Bầu cử Hội đồng nhân dân, thành lập Ủy ban hành chính các cấp.
- Ngày 29 – 5 – 1946, Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (Hội Liên Việt) được thành lập.

Bộ máy chính quyền dân chủ nhân dân bước đầu được củng cố và kiện toàn.

Câu 3.

a) Giải quyết nạn đói

- Biện pháp trước mắt : Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi đồng bào cả nước lập “hũ gạo cứu đói”, tổ chức “ngày đồng tâm” để có thêm gạo cứu đói.
- Biện pháp lâu dài : Đẩy mạnh tăng gia sản xuất, chia ruộng đất cho nông dân ; Giảm tô, bãi bỏ thuế thân và các thứ thuế vô lí khác.

Kết quả : Nhờ có những biện pháp tích cực trên, nạn đói đã được đẩy lùi.

b) Giải quyết nạn dốt

- Ngày 8 – 9 – 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh thành lập cơ quan Bình dân học vụ và kêu gọi toàn dân tham gia phong trào xoá nạn mù chữ.
- Các cấp học đều phát triển mạnh, nội dung và phương pháp học bước đầu được đổi mới.

c) Giải quyết khó khăn về tài chính

- Chính phủ kêu gọi tinh thần tự nguyện đóng góp của nhân dân. Hướng ứng xây dựng “Quỹ độc lập” và phong trào “Tuần lễ vàng”.
- Quốc hội quyết định phát hành tiền Việt Nam (11 – 1946).

Câu 4.

– Hoàn cảnh :

+ Ngày 28 - 2 - 1946, thực dân Pháp kí với Chính phủ Tưởng Giới Thạch Hiệp ước Hoa – Pháp, theo đó Pháp được đưa quân ra miền Bắc Việt Nam thay thế quân Tưởng làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật.

+ Trước tình hình đó, ta chủ động đàm phán, hoà hoãn với Pháp.

– Nội dung Hiệp định Sơ bộ :

+ Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là một quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng nằm trong khối Liên hiệp Pháp.

+ Chính phủ Việt Nam thoả thuận cho 15 000 quân Pháp vào miền Bắc thay quân Tưởng làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật, số quân này sẽ rút dần trong thời hạn 5 năm.

+ Hai bên thực hiện ngừng bắn ngay ở Nam Bộ, tạo không khí thuận lợi cho việc mở cuộc đàm phán chính thức tại Pa-ri.

– Ý nghĩa : Hiệp định Sơ bộ Việt – Pháp giúp ta tạm hoà hoãn với Pháp để nhanh chóng gạt 20 vạn quân Tưởng về nước và tranh thủ thời gian chuẩn bị lực lượng để bước vào cuộc chiến tranh với Pháp sau này.

III. LUYỆN TẬP

Câu 1. Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

1. Khó khăn lớn nhất của nước ta sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 là
 - A. Nhà nước cách mạng chưa được củng cố.
 - B. ngân sách nhà nước hầu như trống rỗng.
 - C. nền kinh tế nước ta bị chiến tranh tàn phá nặng nề.
 - D. cùng một lúc phải đối mặt với nhiều kẻ thù.
2. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ngay sau khi thành lập đã ở vào tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, vì
 - A. phải đương đầu với “giặc đói”.
 - B. phải đương đầu với “giặc dốt”.
 - C. phải đương đầu với giặc ngoại xâm.
 - D. cùng một lúc phải đương đầu với “giặc đói”, “giặc dốt” và giặc ngoại xâm.
3. Lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc, nhân dân ta được thực hiện quyền công dân thông qua cuộc bầu cử Quốc hội ngày

A. 8 - 9 - 1945.	B. 6 - 1 - 1946.
C. 29 - 5 - 1946.	D. 8 - 9 - 1946.
4. Trong phiên họp đầu tiên, Quốc hội Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã thông qua danh sách

A. Chính phủ lâm thời.	B. Chính phủ Liên hiệp kháng chiến.
C. Chính phủ cách mạng.	D. Chính phủ cách mạng lâm thời.

5. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Đảng và Chính phủ đã tiến hành biện pháp gì để giải quyết căn bản nạn đói ?
 A. Kêu gọi nhân dân tăng gia sản xuất.
 B. Tổ chức “ngày đồng tâm”.
 C. Lập các “hũ gạo cứu đói”.
 D. Kêu gọi nhân dân “nhường cơm sẻ áo”.
6. Quốc hội quyết định cho lưu hành tiền Việt Nam thay cho tiền Đông Dương vào ngày
 A. 31 – 1 – 1946.
 B. 23 – 11 – 1946.
 C. 8 – 9 – 1946.
 D. 23 – 10 – 1946.
7. Ngày 6 – 3 – 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà kí với đại diện Chính phủ Pháp là Xanh-tơ-ri
 A. Hiệp ước phòng thủ chung Đông Dương.
 B. Hiệp định Sơ bộ.
 C. Bản Tạm ước.
 D. Hiệp ước an ninh Việt – Pháp.
8. Quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam được thể hiện qua điều khoản nào của Hiệp định Sơ bộ ?
 A. Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là một quốc gia tự do, có chính phủ riêng.
 B. Chính phủ Việt Nam thoả thuận cho 15 000 quân Pháp vào miền Bắc.
 C. Hai bên Việt – Pháp ngừng bắn ngay ở Nam Bộ.
 D. Chính phủ Pháp công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

Câu 2. Lập niên biểu những sự kiện về xây dựng chính quyền, đấu tranh chống thù trong giặc ngoài, bảo vệ chính quyền cách mạng trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám (1945 – 1946).

Câu 3. Trước và sau Hiệp định Sơ bộ (6 – 3 – 1946), sách lược của Đảng và Chính phủ ta đối phó với Pháp và Tưởng có gì khác nhau ?

Câu 4. Chính phủ ta kí với Pháp Hiệp định Sơ bộ ngày 6 – 3 – 1946 và Tạm ước 14 – 9 – 1946 nhằm mục đích gì ?

Đáp án – hướng dẫn làm bài

Câu 1.

1D	2D	3B	4B	5A	6B	7B	8A
----	----	----	----	----	----	----	----

Câu 2.

Nội dung	Thời gian	Sự kiện lịch sử
Xây dựng chính quyền	8 – 9 – 1945	Chính phủ Lâm thời công bố lệnh Tổng tuyển cử trong cả nước.
	6 – 1 – 1946	Hơn 90% cử tri cả nước đã bầu cử Quốc hội. 333 đại biểu được bầu vào Quốc hội.
	2 – 3 – 1946	Quốc hội họp phiên đầu tiên, lập ra Bản Dự thảo Hiến pháp, thông qua danh sách Chính phủ Liên hiệp kháng chiến do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu.
	9 – 11 – 1946	Quốc hội thông qua Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.
Nhân dân Nam Bộ kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược	Đêm 22 rạng sáng 23 – 9 – 1945	<ul style="list-style-type: none"> – Được sự giúp đỡ của quân Anh, thực dân Pháp mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai. Quân dân Nam Bộ đứng lên chiến đấu chống quân xâm lược. – Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với Đảng và Chính phủ kêu gọi nhân dân cả nước ủng hộ nhân dân Nam Bộ kháng chiến.
Đấu tranh chống quân Tưởng và bọn phản cách mạng	2 – 3 – 1946	Nhằm hạn chế sự phá hoại của bọn tay sai của Tưởng, Quốc hội khoá I đồng ý cho chúng 70 ghế trong Quốc hội không qua bầu cử và một số ghế bộ trưởng trong Chính phủ Liên hiệp, đồng thời nhân nhượng cho Tưởng một số quyền lợi kinh tế như cung cấp một phần lương thực, thực phẩm, nhận tiêu tiền “quan kim” và “quốc tệ”.
Hoà hoãn với Pháp nhằm đẩy quân Tưởng về nước	28 – 2 – 1946	Hiệp ước Hoa – Pháp được kí kết, theo đó Pháp được đưa quân ra miền Bắc Việt Nam thay thế quân Tưởng làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật.
	6 – 3 – 1946	Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà kí với đại diện Chính phủ Pháp là Xanh-tơ-ni bản Hiệp định Sơ bộ, tạm hoà hoãn với Pháp, nhanh chóng gạt 20 vạn quân Tưởng về nước, tranh thủ thời gian chuẩn bị lực lượng để bước vào cuộc chiến tranh với Pháp.
	14 – 9 – 1946	Chủ tịch Hồ Chí Minh kí với Chính phủ Pháp bản Tạm ước tiếp tục nhân nhượng cho Pháp một số quyền lợi kinh tế, văn hoá.

Câu 3. HS trình bày được các ý cơ bản sau :

– Chính quyền cách mạng vừa mới thành lập, chưa được xây dựng và củng cố đã phải đương đầu với lực lượng kẻ thù đông và mạnh. Để chống lại kẻ thù lớn mạnh, trên cơ sở đường lối chiến lược đúng đắn, sáng tạo, phải có sách lược khôn khéo, linh hoạt “cứng rắn về nguyên tắc, mềm dẻo trong sách lược”.

– Sách lược của ta đối với kẻ thù từ sau ngày 2 – 9 – 1945 đến trước ngày 19 – 12 – 1946 đã thay đổi qua hai giai đoạn :

+ Từ sau ngày 2 – 9 – 1945 đến trước ngày 6 – 3 – 1946 ta chủ trương hoà hoãn với quân Tưởng ở miền Bắc để đánh Pháp ở miền Nam, tranh thủ thời gian hoà hoãn với chúng để xây dựng và củng cố chính quyền.

+ Từ ngày 6 – 3 – 1946 đến trước ngày 19 – 12 – 1946, ta chuyển sang hoà hoãn với Pháp nhằm đuổi quân Tưởng ra khỏi nước ta, tranh thủ thời gian chuẩn bị lực lượng để bước vào cuộc chiến tranh với Pháp.

Câu 4. Gợi ý : mục đích kí Hiệp định Sơ bộ 6 – 3 – 1946, mục đích kí Tạm ước 14 – 9 – 1946 theo nội dung ở mục VI, Bài 24, SGK Lịch sử 9.

IV. TƯ LIỆU THAM KHẢO

Lễ kí kết Hiệp định Sơ bộ (6 – 3 – 1946)

Lễ kí kết được cử hành vào 4 giờ chiều tại ngôi nhà số 38 Lý Thái Tổ.

Những người thay mặt cho nước Pháp, những người đứng đầu Bộ Tư lệnh quân đội Tưởng ở miền Bắc Đông Dương, đại diện phái bộ Mĩ, lãnh sự Anh lục tục kéo đến ngôi biệt thự ở cách Bắc Bộ phủ một khu vườn hoa.

Gian phòng bài trí đơn giản, không có cờ.

Chủ khách đều đứng chung quanh một chiếc bàn lớn.

... Mọi người đều hướng về phía Hồ Chủ tịch. Người nhìn lướt các điều khoản của bản Hiệp định. Với cương vị là Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Hồ Chủ tịch kí đầu tiên.

Sau đó, Người chuyển bản Hiệp định cho Vũ Hồng Khanh đứng gần đây. Trước áp lực của quan thầy Tưởng, Vũ Hồng Khanh phải ngậm bồ hòn làm ngọt, kí tiếp theo, dưới danh nghĩa người đại diện đặc biệt cho Hội đồng chính phủ.

Xanh-tơ-ni, người được uỷ quyền thay mặt Chính phủ nước Cộng hoà Pháp, kí sau cùng.

... Lễ kí đã xong.

Đại diện nước Pháp nâng cốc chúc mừng Hồ Chủ tịch, ngỏ ý vui mừng vì đã đẩy lùi được bóng ma của một cuộc xung đột vũ trang. Bằng một giọng điềm đạm mà kiên quyết, Người nói : “Chúng tôi không thoả mãn vì chưa giành được hoàn toàn độc lập, nhưng rồi chúng tôi sẽ giành được độc lập hoàn toàn”. Kẻ thù đã chịu lùi một bước cơ bản. Nhưng với ta, thắng lợi này chỉ mới là thắng lợi đầu tiên.

(Võ Nguyên Giáp, *Những chặng đường lịch sử*, Nxb Văn học, 1976, tr 443 – 444)

Chương V. VIỆT NAM TỪ CUỐI NĂM 1946 ĐẾN NĂM 1954

Bài 25. NHỮNG NĂM ĐẦU CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1946 – 1950)

I. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CẦN ĐẠT

- Nguyên nhân bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp.
- Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Đường lối kháng chiến.
- Cuộc chiến đấu anh dũng của quân dân Thủ đô Hà Nội và các đô thị phía bắc vĩ tuyến 16 trong những ngày đầu kháng chiến toàn quốc : đôi nét về diễn biến, ý nghĩa.
- Các biện pháp chính của Chính phủ chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài.
- Chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947 : âm mưu của thực dân Pháp khi tấn công lên Việt Bắc và cuộc chiến đấu của quân dân ta ; tóm tắt diễn biến, kết quả, ý nghĩa.
- Đẩy mạnh kháng chiến toàn dân, toàn diện.

II. BÀI TẬP THỰC HÀNH

- Câu 1.** Trước ngày 19 – 12 – 1946, thực dân Pháp đã có những hành động gì nhằm đẩy nước ta nhanh tới chiến tranh ?
- Câu 2.** Trình bày nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng ta.
- Câu 3.** Hãy trình bày diễn biến cuộc chiến đấu ở các đô thị cuối năm 1946 – đầu năm 1947 và ý nghĩa của cuộc chiến đấu đó.
- Câu 4.** Hãy trình bày âm mưu và hành động của thực dân Pháp trong cuộc tiến công căn cứ địa Việt Bắc của ta.
- Câu 5.** Trình bày diễn biến, kết quả và ý nghĩa của chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947.
- Câu 6.** Cuộc kháng chiến toàn dân toàn diện của ta được đẩy mạnh như thế nào sau chiến thắng Việt Bắc thu – đông 1947 ?

Hướng dẫn làm bài

- Câu 1.** Những hành động trước ngày 19 – 12 – 1946 của thực dân Pháp nhằm thúc đẩy nước ta nhanh tới chiến tranh :
- Sau khi kí Hiệp định Sơ bộ (6 – 3 – 1946) và Tạm ước (14 – 9 – 1946), thực dân Pháp tìm cách phá hoại, tăng cường hoạt động khiêu khích, tiến công ta ở Nam Bộ và Trung Bộ, ở Hải Phòng, Lạng Sơn, nhất là ở Hà Nội (12 – 1946)...

– Ngày 18 – 12 – 1946, Pháp gửi tới hậu thư buộc Chính phủ ta giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu, giao quyền kiểm soát thủ đô cho chúng, nếu không Pháp sẽ hành động vào ngày 20 – 12 – 1946.

– Trước tình hình đó, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp hai ngày 18 và 19 – 12 – 1946, quyết định phát động toàn quốc kháng chiến.

– Ngày 19 – 12 – 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*.

Câu 2. Nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp được thể hiện trong các văn kiện *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chỉ thị *Toàn dân kháng chiến* của Ban Thường vụ Trung ương Đảng và tác phẩm *Kháng chiến nhất định thắng lợi* của Tổng Bí thư Trường Chinh. Đó là cuộc chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh, tranh thủ sự ủng hộ quốc tế. Tập trung vào hai nội dung :

– Kháng chiến toàn dân, tất cả mọi người dân tham gia kháng chiến.

– Kháng chiến toàn diện, diễn ra không chỉ trên mặt trận quân sự mà cả trên mặt trận chính trị, kinh tế, văn hoá, ngoại giao.

Câu 3.

– Diễn biến :

+ Tại Hà Nội : Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt giữa ta và địch ở khu Bắc Bộ phủ, Hàng Bông,... Đến đêm 17 – 2 – 1947, Trung đoàn Thủ đô thực hiện cuộc rút quân khỏi vòng vây của địch ra căn cứ an toàn.

+ Tại các thành phố Nam Định, Huế, Đà Nẵng... quân ta chủ động tiến công, loại khỏi vòng chiến đấu một số lực lượng của chúng, bao vây, giam chân Pháp... Riêng thành phố Vinh, ngay từ đầu cuộc chiến đấu, quân dân ta đã buộc địch đầu hàng.

+ Ở các tỉnh phía Nam, quân dân ta đã đẩy mạnh chiến tranh du kích chặn đánh địch trên các tuyến giao thông, phá cơ sở hậu cần của chúng.

– Ý nghĩa : Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 đã giam chân địch ở thành phố, làm giảm bước tiến của chúng, tạo điều kiện cho Đảng, Chính phủ rút lên căn cứ Việt Bắc để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài.

Câu 4.

– Âm mưu :

+ Để thực hiện âm mưu “Đánh nhanh thắng nhanh”, Pháp mở cuộc tiến công lên Việt Bắc.

+ Nhằm phá tan cơ quan đầu não kháng chiến, tiêu diệt bộ đội chủ lực của ta, khoá chặt biên giới Việt – Trung, ngăn chặn liên lạc giữa ta với quốc tế.

– Hành động :

+ Ngày 7 – 10 – 1947, Pháp mở cuộc tiến công lên Việt Bắc, một binh đoàn dù đổ quân xuống chiếm thị xã Bắc Kạn, thị trấn Chợ Mới, Chợ Đồn. Cùng ngày một binh đoàn từ Lạng Sơn đánh lên Cao Bằng, rồi từ Cao Bằng đánh xuống Bắc Kạn.

+ Một cánh quân khác ngược sông Hồng, sông Lô và sông Gâm lên thị xã Tuyên Quang, Chiêm Hoá, Đài Thệ. Các cánh quân tạo thành hai gọng kìm bao vây căn cứ địa Việt Bắc.

Câu 5.

– Diễn biến :

+ Tại Bắc Kạn : quân ta chủ động phản công và tiến công địch, tiến hành bao vây, đánh tập kích địch.

+ Ở hướng đông : quân ta phục kích chặn đánh địch trên Đường số 4, đường Bản Sao – đèo Bông Lau.

+ Ở hướng tây : quân ta phục kích chặn đánh địch nhiều trận trên sông Lô, Đuan Hùng, Khe Lau.

– Kết quả : Đại bộ phận quân Pháp phải rút khỏi Việt Bắc, căn cứ Việt Bắc biến thành “mồ chôn giặc Pháp”.

– Ý nghĩa :

+ Cơ quan đầu não kháng chiến được bảo toàn, bộ đội chủ lực của ta ngày càng trưởng thành.

+ Làm thất bại âm mưu “Đánh nhanh thắng nhanh” của thực dân Pháp, buộc Pháp phải chuyển sang đánh lâu dài với ta.

Câu 6.

– Về quân sự : Thực hiện vũ trang toàn dân, phát triển chiến tranh du kích.

– Về chính trị và ngoại giao :

+ Năm 1948, tại Nam Bộ, lần đầu tiên ta bầu cử Hội đồng Nhân dân cấp xã đến cấp tỉnh. Cùng cơ Ủy ban Kháng chiến hành chính các cấp.

+ Đầu năm 1950, Trung Quốc, tiếp đó là Liên Xô, rồi lần lượt các nước dân chủ nhân dân khác chính thức công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với ta.

– Về kinh tế : Ta chủ trương phá hoại kinh tế địch, xây dựng và bảo vệ nền kinh tế dân chủ nhân dân có khả năng tự cấp, tự túc.

– Về văn hoá, giáo dục : Tháng 7 -- 1950, Chính phủ đề ra chủ trương cải cách giáo dục phổ thông.

Câu 2. Hãy xác định nội dung đúng, sai bằng cách đánh dấu (x) vào cột tương ứng.

Nội dung	Đúng	Sai
1. Sau khi kí Hiệp định Sơ bộ (6 – 3 – 1946) và Tạm ước (14 – 9 – 1946), thực dân Pháp đã nghiêm chỉnh thi hành mọi điều khoản, tạo được mối quan hệ hoà bình giữa hai nước Việt – Pháp.		
2. Tối ngày 19 – 12 – 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ ra <i>Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến</i> .		
3. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp của ta là cuộc chiến tranh nhân dân vì do toàn dân tiến hành.		
4. Thực hiện âm mưu tập hợp những phần tử Việt gian phản động, Bô-la-éc đã lập ra “Mặt trận quốc gia thống nhất”.		
5. Ngày 7 – 10 – 1947, thực dân Pháp bắt đầu tiến công căn cứ địa Việt Bắc.		
6. Ngày 14 – 1 – 1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tuyên bố sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với bất cứ nước nào tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.		

Câu 3. Hãy điền mốc thời gian cho phù hợp với sự kiện lịch sử trong bảng dưới đây.

Thời gian	Sự kiện lịch sử
.....(1).....	Pháp gửi tối hậu thư buộc Chính phủ ta giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu, trao quyền kiểm soát thủ đô cho quân đội Pháp.
.....(2).....	Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp tại Vạn Phúc quyết định phát động toàn quốc kháng chiến.
.....(3).....	Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Đảng và chính phủ ra <i>Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến</i> .
.....(4).....	Trung đoàn thủ đô thực hiện cuộc rút quân khỏi vòng vây của địch, ra căn cứ an toàn.
.....(5).....	Thực dân Pháp tiến công căn cứ địa Việt Bắc.
.....(6).....	Việt Minh và Hội Liên Việt tiến tới thống nhất hai tổ chức từ cơ sở đến trung ương thành một tổ chức mặt trận Liên Việt.
.....(7).....	Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với bất cứ nước nào tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

Đáp án – hướng dẫn làm bài

Câu 1.

1D	2B	3D	4D	5D	6D
----	----	----	----	----	----

Câu 2. Đúng : 2, 3, 4, 5, 6 ; Sai : 1

Câu 3.

- (1) 18 – 12 – 1946 (2) 18 và 19 – 12 – 1946 (3) 19 – 12 – 1946
 (4) 17 – 2 – 1947 (5) 7 – 10 – 1947 (6) 6 – 1949
 (7) 14 – 1 – 1950

Bài 26. BƯỚC PHÁT TRIỂN MỚI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1950 – 1953)

I. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CẦN ĐẠT

- Bước phát triển mới của cuộc kháng chiến từ năm 1950 đến năm 1953 : chiến dịch Biên giới thu – đông 1950 ; chủ động mở nhiều chiến dịch đánh địch 1951 – 1952 (chiến dịch Hoà Bình, Tây Bắc).
- Những kết quả chính đã đạt được trong công cuộc xây dựng hậu phương về mọi mặt từ năm 1951 đến năm 1953 ; ý nghĩa của những sự kiện đó.
- Điểm nét về Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2 – 1951).
- Những nét chính trong hoạt động ngoại giao.

II. BÀI TẬP THỰC HÀNH

- Câu 1. Chiến dịch Biên giới thu – đông 1950 của ta được mở ra trong hoàn cảnh như thế nào ?
- Câu 2. Trình bày diễn biến, kết quả và ý nghĩa của chiến dịch Biên giới thu – đông 1950.
- Câu 3. Nêu những nội dung cơ bản của Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng.
- Câu 4. Hãy nêu những thành tựu đạt được trong phát triển hậu phương từ sau Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng.
- Câu 5. Hãy nêu những thắng lợi về quân sự của ta tiếp sau thắng lợi Biên giới thu – đông 1950.

Hướng dẫn làm bài

Câu 1.

– Thuận lợi :

+ Cách mạng Trung Quốc thắng lợi (1 – 10 – 1949). Tình hình Đông Dương và thế giới thay đổi có lợi cho cuộc kháng chiến của ta.

+ Thực dân Pháp bị bại trận trên khắp các chiến trường Việt Nam và Đông Dương.

– Khó khăn :

+ Thực dân Pháp ngày càng lệ thuộc vào đế quốc Mỹ. Lợi dụng tình hình đó, Mỹ can thiệp sâu và “dính líu trực tiếp” vào cuộc chiến tranh Đông Dương.

+ Mỹ viện trợ về tài chính và quân sự cho thực dân Pháp thực hiện “Kế hoạch Rơ-ve” nhằm “khóa cửa biên giới Việt – Trung” bằng cách tăng cường hệ thống phòng ngự trên Đường số 4, thiết lập “Hành lang Đông – Tây” cô lập căn cứ địa Việt Bắc, chuẩn bị tấn công lên Việt Bắc lần thứ hai.

– Tháng 6 – 1950, Trung ương Đảng và Chính phủ ta quyết định mở chiến dịch Biên giới nhằm tiêu diệt một bộ phận lực lượng địch, khai thông con đường liên lạc quốc tế,... mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc, đẩy mạnh công cuộc kháng chiến.

Câu 2.

– Diễn biến :

+ Quân ta tiêu diệt Đông Khê (18 – 9), uy hiếp Thất Khê, thị xã Cao Bằng bị cô lập, hệ thống phòng ngự trên Đường số 4 bị lung lay.

+ Quân Pháp ở Cao Bằng rút theo Đường số 4, đồng thời lực lượng của chúng ở Thất Khê được lệnh tiến đánh Đông Khê để đón cánh quân từ Cao Bằng xuống.

+ Quân ta mai phục chặn đánh địch trên Đường số 4 làm cho hai cánh quân Pháp không gặp được nhau. Đến lượt Thất Khê bị uy hiếp, quân Pháp rút về Na Sầm, rồi Lạng Sơn và đến ngày 22 – 10 thì rút khỏi Đường số 4.

– Kết quả :

+ Quân ta đã giải phóng vùng biên giới Việt – Trung, từ Cao Bằng đến Đình Lập với 35 vạn dân. “Hành lang Đông – Tây” bị chọc thủng.

+ Thế bao vây cả trong lẫn ngoài của địch đối với căn cứ địa Việt Bắc bị phá vỡ, Kế hoạch Rơ-ve của Pháp bị phá sản.

– Ý nghĩa :

+ Thắng lợi của chiến dịch Biên giới đã mở đầu giai đoạn quân ta giành quyền chủ động đánh địch trên chiến trường chính Bắc Bộ.

+ Chứng minh sự trưởng thành của quân đội ta và cuộc kháng chiến của chúng ta, ta đã chuyển từ thế phòng ngự sang thế tiến công.

Câu 3. Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2 -- 1951) họp tại Chiêm Hoá – Tuyên Quang.

– Nội dung :

+ Đại hội thông qua *Báo cáo chính trị* của Chủ tịch Hồ Chí Minh và báo cáo *Bản vẽ cách mạng Việt Nam* của Tổng Bí thư Trường Chinh.

+ Đại hội quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai, lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam. Đối với Lào và Cam-pu-chia, Đại hội chủ trương xây dựng ở mỗi nước một Đảng riêng phù hợp điều kiện cụ thể của mỗi nước.

+ Bầu ra Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị của Đảng do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch và Trường Chinh làm Tổng Bí thư.

– Ý nghĩa : Đại hội đại biểu lần thứ II là mốc đánh dấu bước trưởng thành của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng, có tác dụng thúc đẩy kháng chiến chống Pháp đi đến thắng lợi.

Câu 4. Những thành tựu đạt được trong phát triển hậu phương từ sau Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng :

– Về chính trị, thống nhất Việt Minh và Hội Liên Việt thành một mặt trận duy nhất là Mặt trận Liên Việt (3 – 1951). “Liên minh nhân dân Việt – Miên – Lào” được thành lập.

– Về kinh tế, đẩy mạnh tăng gia sản xuất, chấn chỉnh chế độ thuế khoá, xây dựng nền tài chính, ngân hàng, thương nghiệp, triệt để giảm tô và cải cách ruộng đất...

– Về văn hoá giáo dục, cải cách giáo dục đề ra từ tháng 7 – 1950 được tiếp tục thực hiện theo ba phương châm : phục vụ kháng chiến, phục vụ sản xuất, phục vụ dân sinh. Số học sinh phổ thông và đại học tăng nhanh.

– Phong trào thi đua yêu nước ngày càng lan rộng trong các ngành. Năm 1952, Đại hội chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu toàn quốc lần thứ nhất được khai mạc tại Việt Bắc...

Câu 5. Những thắng lợi quân sự của ta tiếp sau thắng lợi Biên giới thu – đông 1950 :

– Trong đông – xuân 1950 – 1951, quân ta mở ba chiến dịch : chiến dịch Trung du (Trần Hưng Đạo), chiến dịch Đường số 18 (Hoàng Hoa Thám), chiến dịch Hà – Nam – Ninh (Quang Trung), loại khỏi vòng chiến đấu hơn 1 vạn tên địch, tiêu diệt nhiều cứ điểm quan trọng của chúng.

– Tháng 11 – 1951, ta chủ động đánh địch ở Hoà Bình, phá tan âm mưu tiến công Hoà Bình, nối lại hành lang Đông – Tây của địch.

– Tiếp đó, ta mở chiến dịch Tây Bắc (cuối năm 1952), tiến công địch ở Nghĩa Lộ, Lai Châu, Sơn La và Yên Bái... phá tan âm mưu lập “xứ Thái tự trị” của địch.

– Đầu năm 1953, Trung ương Đảng và Chính phủ ta cùng với Chính phủ kháng chiến Lào và Mặt trận Ít-xa-la của Lào mở chiến dịch Thượng Lào (8 – 4 – 1953), giải phóng toàn tỉnh Sầm Nưa, một phần tỉnh Xiêng Khoảng và tỉnh Phong Xa-lì với 30 vạn dân. Căn cứ kháng chiến Thượng Lào được mở rộng, nối liền với Tây Bắc Việt Nam.

III. LUYỆN TẬP

Câu 1. Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

- Ý nào sau đây không nằm trong nội dung Kế hoạch Rơ-ve của thực dân Pháp ?
 - “Khoá chặt biên giới Việt – Trung” bằng cách tăng cường hệ thống phòng ngự trên Đường số 4.
 - Thiết lập “Hành lang Đông – Tây” nhằm cô lập căn cứ địa Việt Bắc.
 - Chuẩn bị một kế hoạch có quy mô lớn nhằm tiến công căn cứ địa Việt Bắc lần thứ hai.
 - Thực hiện tiến công chiến lược để “bình định” miền Trung và miền Nam Đông Dương.
- Để phá tan Kế hoạch Rơ-ve của thực dân Pháp, tháng 6 – 1950 Trung ương Đảng và Chính phủ ta quyết định mở
 - chiến dịch Việt Bắc.
 - chiến dịch Biên giới.
 - chiến dịch Trần Hưng Đạo.
 - chiến dịch Điện Biên Phủ.
- Ý nào sau đây không nằm trong mục đích của ta khi quyết định mở chiến dịch Biên giới ?
 - Nhằm tiêu diệt bộ phận sinh lực địch.
 - Khai thông con đường liên lạc quốc tế giữa ta và Trung Quốc với các nước dân chủ trên thế giới.
 - Mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc, tạo điều kiện đẩy mạnh công cuộc kháng chiến.
 - Buộc Pháp phải thay đổi chiến lược “đánh nhanh, thắng nhanh” sang đánh lâu dài với ta.
- Quân ta nổ súng mở đầu chiến dịch Biên giới bằng trận đánh vào
 - Đông Khê.
 - Na Sầm.
 - Thất Khê.
 - Cao Bằng.
- Sau thất bại trong chiến dịch Biên giới, tháng 12 – 1950 thực dân Pháp đẩy mạnh hơn nữa chiến tranh xâm lược Đông Dương bằng việc đề ra
 - Kế hoạch Rơ-ve.
 - Kế hoạch Đờ Lát đơ Tát-xi-nhi.
 - Kế hoạch Na-va
 - Kế hoạch Bô-la-éc.
- Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng được tổ chức vào tháng
 - 2 – 1951.
 - 1 – 1952.
 - 2 – 1953.
 - 3 – 1954.

7. Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai, lấy tên là
- A. Đảng Cộng sản Việt Nam. B. Đảng Lao động Việt Nam.
C. Đảng Cộng sản Đông Dương. D. Đảng Tân Việt.
8. Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng đã bầu ra Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị của Đảng do
- A. Hồ Chí Minh làm Chủ tịch và Trường Chinh làm Tổng Bí thư.
B. Hồ Chí Minh làm Chủ tịch và Lê Duẩn làm Tổng Bí thư.
C. Hồ Chí Minh làm Chủ tịch và Lê Hồng Phong làm Tổng Bí thư.
D. Hồ Chí Minh làm Chủ tịch và Trần Phú làm Tổng Bí thư.

Câu 2. Lập bảng các niên đại và sự kiện thắng lợi có ý nghĩa chiến lược quân dân ta trên các mặt trận quân sự, chính trị, kinh tế trong kháng chiến chống Pháp từ thu – đông 1950 đến trước đông – xuân 1953 – 1954.

Đáp án – hướng dẫn làm bài

Câu 1.

1D	2B	3D	4A	5B	6A	7B	8A
----	----	----	----	----	----	----	----

Câu 2.

Mặt trận	Thời gian	Sự kiện lịch sử
Quân sự	Từ ngày 16 – 9 đến ngày 22 – 10 – 1950	Chiến dịch Biên giới : quân ta giải phóng vùng biên giới Việt – Trung từ Cao Bằng đến Đình Lập với 35 vạn dân, chọc thủng “Hành lang Đông – Tây”, phá vỡ thế bao vây căn cứ địa Việt Bắc của địch, Kế hoạch Ro-ve bị phá sản.
	Đông – xuân 1950 – 1951	Quân ta mở ba chiến dịch : chiến dịch Trung du, chiến dịch Đường số 18, chiến dịch Hà – Nam – Ninh. Quân ta loại khỏi vòng chiến đấu hơn 1 vạn tên địch, tiêu diệt nhiều cứ điểm quan trọng của chúng.
	Đông – xuân 1951 – 1952	Chiến dịch Hoà Bình : ta bao vây, truy kích tiêu diệt địch trên mặt trận Hoà Bình, phá kế hoạch bình định đồng bằng Bắc Bộ của chúng, đẩy mạnh phong trào chiến tranh du kích của ta.
	Thu – đông 1952	Chiến dịch Tây bắc : ta giải phóng toàn tỉnh Nghĩa Lộ, hầu hết tỉnh Sơn La (trừ Nà Sản), bốn huyện ở Lai Châu, hai huyện ở Yên Bái với 25 vạn dân, phá âm mưu lập “xứ Thái tự trị” của địch.

	Xuân – hè 1953	Chiến dịch Thượng Lào : Liên quân Lào – Việt giải phóng toàn tỉnh Sầm Nưa, một phần tỉnh Xiêng Khoảng và tỉnh Phong Xa-lì với 30 vạn dân.
Chính trị	2 – 1951	Đảng Cộng sản Đông Dương họp Đại hội Đại biểu lần thứ II tại Chiêm Hoá – Tuyên Quang.
	3 – 3 – 1951	Việt Minh và Hội Liên Việt họp Đại hội Đại biểu quyết định thống nhất hai tổ chức thành một mặt trận duy nhất là Mặt trận Liên Việt.
	11 – 3 – 1951	Thành lập “Liên minh nhân dân Việt – Miên – Lào”.
	1 – 5 – 1952	Đại hội Chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu toàn quốc lần thứ I.
Kinh tế	1952	– Đảng và Chính phủ đề ra cuộc vận động tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm. – Đảng và Chính phủ đề ra nhiều chính sách nhằm chấn chỉnh chế độ thuế khoá, xây dựng nền tài chính, ngân hàng và thương nghiệp.
	Đầu năm 1953	Đảng và Chính phủ quyết định phát động quần chúng triệt để giảm tô và cải cách ruộng đất.
	Tháng 12 – 1953	Kì họp thứ ba Quốc hội khoá I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thông qua “Luật cải cách ruộng đất” và quyết định cải cách ruộng đất ở vùng tự do.

Bài 27. CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC KẾT THÚC (1953 – 1954)

I. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CẦN ĐẠT

- Cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ.
- Những nét chính về quá trình đấu tranh ngoại giao tại Hội nghị Giơ-ne-vơ năm 1954 và tác động của chiến thắng Điện Biên Phủ ; nội dung cơ bản của Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương.
- Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954).

II. BÀI TẬP THỰC HÀNH

Câu 1. Hãy cho biết âm mưu của Pháp – Mĩ trong việc thực hiện Kế hoạch Na-va ?

Câu 2. Cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954 đã bước đầu làm phá sản Kế hoạch Na-va của Pháp – Mĩ như thế nào ?

Câu 3. Trình bày diễn biến và kết quả chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ.

Câu 4. Nêu nội dung cơ bản và ý nghĩa lịch sử của Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương.

Câu 5. Trình bày ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954).

Hướng dẫn làm bài

Câu 1. Âm mưu của Pháp – Mĩ trong việc thực hiện Kế hoạch Na-va :

– Hoàn cảnh : Sau hơn 8 năm tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam, thực dân Pháp đang ở vào thế bị động trên chiến trường, ngày càng lệ thuộc nặng nề vào Mĩ. Được Mĩ viện trợ về quân sự, ngày 7 – 5 – 1953, tướng Na-va được cử làm Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương và vạch ra Kế hoạch Na-va.

– Kế hoạch Na-va được thực hiện theo hai bước :

+ Bước một : Trong thu – đông 1953 và xuân 1954, giữ thế phòng ngự chiến lược trên chiến trường miền Bắc, thực hiện tiến công chiến lược để “bình định” miền Trung và miền Nam Đông Dương.

+ Bước hai : Từ thu – đông 1954, chuyển lực lượng ra chiến trường miền Bắc, thực hiện tiến công chiến lược, giành thắng lợi quân sự quyết định, kết thúc chiến tranh.

Câu 2. Cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954 đã bước đầu làm phá sản Kế hoạch Na-va của Pháp – Mĩ :

– Trong cuộc tiến công Đông – Xuân 1953 – 1954, quân ta mở một loạt chiến dịch tiến công địch trên nhiều hướng ở hầu khắp các chiến trường Đông Dương.

+ Đầu tháng 12 – 1953, bộ đội chủ lực của ta tiến công địch, giải phóng toàn tỉnh Lai Châu (trừ Điện Biên Phủ), Na-va buộc phải điều quân tăng cường cho Điện Biên Phủ. Sau đồng bằng Bắc Bộ, Điện Biên Phủ trở thành nơi tập trung quân thứ hai của địch.

+ Đầu tháng 12 – 1953, liên quân Việt – Lào mở cuộc tiến công địch ở Trung Lào, giải phóng toàn tỉnh Thà Khẹt, uy hiếp Xê-nô, Na-va tăng cường lực lượng cho Xê-nô và Xê-nô trở thành nơi tập trung quân thứ ba của địch.

+ Cuối tháng 1 – 1954, quân ta phối hợp với quân Pa-thét Lào tiến công địch ở Thượng Lào, giải phóng toàn tỉnh Phong Xa-lì, Na-va tăng cường lực lượng cho Luông Pha-bang và Luông Pha-bang trở thành nơi tập trung quân thứ tư của địch.

+ Đầu tháng 2 – 1954, quân ta mở cuộc tiến công địch ở Bắc Tây Nguyên, giải phóng toàn tỉnh Kon Tum, uy hiếp Plây Cu. Na-va tăng cường lực lượng cho Plây Cu và Plây Cu trở thành nơi tập trung binh lực thứ năm của địch.

– Cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954 của ta đã làm phá sản bước đầu Kế hoạch Na-va của Pháp – Mĩ, buộc quân chủ lực của chúng bị động phân tán và giam chân ở miền rừng núi.

Câu 3.

– Diễn biến : Chiến dịch bắt đầu từ ngày 13 – 3 – 1954 đến hết ngày 7 – 5 – 1954 và được chia làm 3 đợt :

+ Đợt 1, quân ta tiến công tiêu diệt căn cứ Him Lam và toàn bộ phân khu Bắc.

+ Đợt 2, quân ta tiến công tiêu diệt các căn cứ phía đông phân khu Trung tâm.

+ Đợt 3, quân ta đồng loạt tiến công tiêu diệt các căn cứ còn lại ở phân khu Trung tâm và phân khu Nam. Chiều 7 – 5, quân ta đánh vào sở chỉ huy địch, 17 giờ 30 phút ngày 7 – 5, Tướng Đờ Ca-xơ-ri cùng toàn bộ Ban tham mưu của địch ra đầu hàng.

– Kết quả : Trong gần hai tháng chiến đấu, quân ta tiêu diệt hoàn toàn tập đoàn cứ điểm của địch, loại khỏi vòng chiến đấu 16 200 tên địch (có 1 thiếu tướng), phá huỷ và thu toàn bộ phương tiện chiến tranh, bắn rơi và bắn cháy 62 máy bay các loại.

Câu 4.

– Nội dung cơ bản của Hiệp định Giơ-ne-vơ :

+ Các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

+ Hai bên tham chiến cùng ngừng bắn, lập lại hoà bình trên toàn Đông Dương.

+ Hai bên tập kết quân đội ở hai vùng : Quân đội cách mạng Việt Nam và quân đội xâm lược Pháp tập kết ở hai miền Bắc và Nam, lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới quân sự tạm thời.

+ Việt Nam tiến tới thống nhất bằng cuộc tổng tuyển cử tự do trong cả nước, sẽ tổ chức vào tháng 7 – 1956 dưới sự kiểm soát của một Ủy ban quốc tế...

– Ý nghĩa lịch sử :

+ Là văn bản pháp lí quốc tế ghi nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân các nước Đông Dương và được các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng.

+ Pháp buộc phải rút quân đội về nước, Mĩ thất bại trong âm mưu kéo dài, mở rộng, quốc tế hoá chiến tranh xâm lược Đông Dương.

+ Miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng, chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Câu 5.

– Ý nghĩa lịch sử :

+ Chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược và ách thống trị thực dân Pháp. Miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng, chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện để giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

+ Giáng đòn nặng nề vào tham vọng xâm lược, âm mưu nô dịch của chủ nghĩa đế quốc, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chúng, cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, trước hết là các nước châu Á, châu Phi và Mĩ La-tinh.

– Nguyên nhân thắng lợi :

+ Có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối chính trị, quân sự đúng đắn, sáng tạo.

+ Có hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân trong cả nước, có mặt trận dân tộc thống nhất, có lực lượng vũ trang ba thứ quân không ngừng lớn mạnh, có hậu phương vững chắc.

+ Liên minh chiến đấu Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia chống kẻ thù chung, sự giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô và các nước dân chủ nhân dân khác, của nhân dân Pháp và loài người tiến bộ.

III. LUYỆN TẬP

Câu 1. Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

1. Ngày 7 – 5 – 1953, với sự thoả thuận của Mĩ, Chính phủ Pháp đã cử tướng nào làm Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương ?

A. Va-luy.

B. Na-va.

C. Đờ Lát đờ Tát-xi-nhi.

D. Rơ-ve.

2. Tướng Na-va vạch ra kế hoạch quân sự với mục đích

A. xoay chuyển cục diện chiến tranh Đông Dương, với hi vọng trong 18 tháng “kết thúc chiến tranh trong danh dự”.

B. giành thắng lợi quân sự để giúp ổn định tinh thần binh lính Pháp.

C. tranh thủ viện trợ quân sự của Mĩ cho cuộc chiến tranh của Pháp ở Việt Nam.

D. tạo ra bước chuyển biến căn bản về chiến lược quân sự của Pháp trên chiến trường Việt Nam.

3. Theo Kế hoạch Na-va, từ thu – đông 1954 quân đội Pháp sẽ

A. chuyển lực lượng ra chiến trường miền Bắc, thực hiện tiến công chiến lược, giành thắng lợi quân sự quyết định, kết thúc chiến tranh.

B. chuyển lực lượng vào chiến trường miền Nam, thực hiện tiến công chiến lược.

- C. thực hiện tiến công chiến lược để “bình định” miền Trung và miền Nam Đông Dương.
- D. phòng ngự chiến lược ở miền Trung, tấn công chiến lược ở miền Bắc và miền Nam.
4. Ý nào sau đây không nằm trong phương hướng chiến lược của ta trong Đông – Xuân 1953 – 1954 ?
- A. Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu nhằm tiêu diệt bộ phận sinh lực địch, giải phóng đất đai.
- B. Buộc địch phải bị động phân tán lực lượng đối phó với ta trên những địa bàn xung yếu mà chúng không thể bỏ qua.
- C. Tạo cho ta những điều kiện thuận lợi để tiêu diệt thêm sinh lực địch.
- D. Mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc, tạo điều kiện đẩy mạnh công cuộc kháng chiến.
5. Từ đầu tháng 12 – 1953 đến đầu tháng 2 – 1954, ngoài đồng bằng Bắc Bộ, quân ta mở hàng loạt các cuộc tiến công buộc địch phải bị động phân tán lực lượng ra các nơi khác là
- A. Điện Biên Phủ, Xê-nô, Luông Pha-băng, Plây Cu.
- B. Lai Châu, Thà Khết, Phong Xa-lì, Tây Nguyên.
- C. Điện Biên Phủ, đồng bằng Bắc Bộ, Kon Tum.
- D. Việt Bắc, Tây Nguyên, miền Trung, Nam Đông Dương.
6. Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ với mục tiêu là
- A. giải phóng Điện Biên Phủ.
- B. giải phóng vùng Tây Bắc, khai thông biên giới Việt – Trung.
- C. tiêu diệt lực lượng địch, giải phóng vùng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng Bắc Lào.
- D. giành thắng lợi quyết định, kết thúc chiến tranh.
7. Các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam được các nước tham dự Hội nghị Giơ-ne-vơ cam kết tôn trọng là :
- A. Công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là một quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng nằm trong khối Liên hiệp Pháp.
- B. Công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là một quốc gia độc lập.
- C. Công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là một quốc gia có chủ quyền.
- D. Độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

Câu 2. Hãy xác định nội dung đúng, sai bằng cách đánh dấu (x) vào cột tương ứng.

Nội dung	Đúng	Sai
1. Trong Đông – Xuân 1953 – 1954, phương châm chiến lược của ta là : “Tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt”, “đánh ăn chắc, đánh chắc thắng”.		
2. Cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954 của ta đã làm phá sản hoàn toàn Kế hoạch Na-va của Pháp – Mỹ.		
3. Đầu tháng 12 – 1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ.		
4. Bước vào Đông – Xuân 1953 – 1954, đồng thời với mặt trận quân sự, ta còn tiến công địch trên mặt trận ngoại giao.		
5. Với Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Đông Dương, Mỹ buộc phải rút hết quân đội về nước.		

Câu 3. Hãy điền mốc thời gian cho phù hợp với sự kiện lịch sử trong bảng dưới đây :

Thời gian	Sự kiện lịch sử
.....(1).....	Tướng Na-va được cử làm Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương.
.....(2).....	Hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp đề ra kế hoạch tác chiến Đông – Xuân 1953 – 1954.
.....(3).....	Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ.
.....(4).....	Hội nghị Giơ-ne-vơ về Đông Dương chính thức khai mạc.
.....(5).....	Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà kí Hiệp định Giơ-ne-vơ.

Đáp án – hướng dẫn làm bài

Câu 1.

1B	2A	3A	4D	5A	6C	7D
----	----	----	----	----	----	----

Câu 2. Đúng : 1, 3, 4 ; Sai : 2, 5

Câu 3.

- (1) 7 – 5 – 1953 (2) 9 – 1953 (3) 12 – 1953
 (4) 8 – 5 – 1954 (5) 21 – 7 – 1954

IV. TƯ LIỆU THAM KHẢO

Võ Nguyên Giáp (1911 –)

Nhà hoạt động nổi tiếng của Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam, nhà chỉ huy và nhà lý luận quân sự xuất sắc của Việt Nam. Quê : xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Sớm hoạt động cách mạng, tham gia lãnh đạo phong trào học sinh Huế (1925), tham gia Tân Việt Cách mạng Đảng. Bị thực dân Pháp bắt (1930), đưa về

quê quán thúc. Ra Hà Nội, tham gia hoạt động trong phong trào Mặt trận Dân chủ. Tham gia sáng lập báo *Lao động, Tiếng nói chúng ta*; biên tập báo *Tin tức, Dân chúng*. Chủ tịch Ủy ban Báo chí Bắc Kỳ trong phong trào Đông Dương Đại hội. Gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương (1940). Gây dựng cơ sở cách mạng, tổ chức Việt Minh ở Cao Bằng (1941); tổ chức Ban Xung phong Nam tiến (1942). Được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc giao tổ chức Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân (12 - 1944); chỉ huy đội đánh thắng hai trận đầu ở Phai Khắt (25 - 12 - 1944) và Nà Ngần (26 - 12 - 1944). Ủy viên Ủy ban Quân sự Cách mạng Bắc Kỳ, Tư lệnh Việt Nam Giải phóng quân, Ủy viên Ban Chỉ huy Lâm thời Khu giải phóng Việt Bắc, tham gia Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc, Ủy viên Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam (8 - 1945).

Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, sau đó là Ủy viên thường vụ Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1945). Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bí thư Đảng Đoàn Chính phủ (8 - 1945). Chủ tịch Quân sự Ủy viên Hội (4 - 1946), Phó Trưởng đoàn Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đàm phán với Pháp tại Hội nghị trù bị Đà Lạt (1946). Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng các khoá II - VI; Ủy viên Bộ Chính trị các khoá II - IV. Bí thư Tổng Quân uỷ, sau này là Quân uỷ Trung ương (1946 - 1977).

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (1946 - 1947), đại tướng (1948), Tổng chỉ huy Quân đội Quốc gia và Dân quân Việt Nam, Tổng Tư lệnh Quân đội Nhân dân Việt Nam (đến 1975); Ủy viên Hội đồng Quốc phòng (1948). Trong kháng chiến chống Pháp, trực tiếp chỉ huy các chiến dịch lớn, đặc biệt là chiến dịch Điện Biên Phủ (1954). Trong kháng chiến chống Mỹ, chỉ đạo nhiều chiến dịch lớn, đặc biệt là chiến dịch Hồ Chí Minh (1975).

Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (1955 - 1980). Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (1981 - 1991). Đại biểu Quốc hội các khoá I - VII.

Tác phẩm: *Vấn đề dân cày* (đồng tác giả), *Khu giải phóng* (1946), *Đội quân giải phóng* (1947), *Chiến tranh giải phóng và quân đội nhân dân, ba giai đoạn chiến lược* (1950), *Điện Biên Phủ* (1964), *Mấy vấn đề đường lối quân sự của Đảng* (1970), *Vũ trang quần chúng cách mạng, xây dựng quân đội nhân dân* (1972), *Chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc* (1979), *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam* (2000),... Huân chương Sao vàng, hai Huân chương Hồ Chí Minh, hai Huân chương Quân công hạng nhất và nhiều huân chương cao quý khác.

Là vị tướng văn võ song toàn, uy tín của Đại tướng toả rộng trong nước và ngoài nước. Kí giả Pi-tơ Mác Do-nan người Anh viết: "1944 đến 1975, cuộc đời của ông Giáp gắn liền với chiến đấu và chiến thắng, đã làm ông trở thành một trong những Thống soái lớn của tất cả các thời đại. Với 30 năm làm Tổng Tư lệnh và gần 50 năm tham gia chính sự ở cấp cao nhất, ông đã tỏ ra là người có phẩm chất phi thường trong mọi lĩnh vực của chiến tranh, khó có vị tướng soái nào có thể sánh với ông trong công việc kết hợp giữa chiến tranh du kích và chiến tranh chính quy ở trình độ cao, sự kết hợp đó xưa nay chưa từng có".

(Tổng hợp từ: *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, tập 4, Sdd, tr 911; *Almanach - Những nền văn minh thế giới*, NXB Văn hoá thông tin, Hà Nội, 1997, tr 331)

Chương VI. VIỆT NAM TỪ NĂM 1954 ĐẾN NĂM 1975

Bài 28. XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, ĐẤU TRANH CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN NAM (1954 – 1965)

I. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CẦN ĐẠT

- Nét chính về tình hình nước ta sau năm 1954.
- Những thành tựu chính của nhân dân miền Bắc : hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, cải tạo quan hệ sản xuất.
- Những sự kiện chính trong phong trào đấu tranh của nhân dân miền Nam (1954 – 1960) : chống “tổ cộng”, “diệt cộng”, đòi tự do, dân chủ, dân sinh ; hoàn cảnh nổ ra, diễn biến và ý nghĩa của phong trào “Đồng khởi” (1959 – 1960).
- Hoàn cảnh, nội dung chính của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9 – 1960).
- Những thành tựu chính về kinh tế, chính trị, văn hoá của nhân dân miền Bắc trong kế hoạch 5 năm (1961 – 1965).
- Những nội dung chính về cuộc chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ của nhân dân miền Nam (1961 – 1965) : âm mưu của Mỹ, trận Ấp Bắc, cuộc đấu tranh chính trị trong các thành phố, sự phá sản của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ.

II. BÀI TẬP THỰC HÀNH

Câu 1. Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương, tình hình nước ta như thế nào ?

Câu 2. Hãy trình bày kết quả và ý nghĩa của việc hoàn thành cải cách ruộng đất ở miền Bắc nước ta (1953 – 1957).

Câu 3. Miền Bắc đã đạt được những thành tựu gì trong việc thực hiện nhiệm vụ khôi phục kinh tế và hàn gắn vết thương chiến tranh (1954 – 1957) ?

Câu 4. Phong trào “Đồng khởi” (1959 – 1960) nổ ra trong hoàn cảnh lịch sử nào ? Diễn biến, kết quả và ý nghĩa của phong trào “Đồng khởi”.

Câu 5. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng họp trong hoàn cảnh lịch sử nào ? Hãy trình bày nội dung và ý nghĩa của Đại hội.

Câu 6. Hãy nêu những thành tựu của miền Bắc trong việc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961 – 1965).

Hướng dẫn làm bài

Câu 1. Tình hình nước ta sau Hiệp định Giơ-ne-vơ :

– Giữa tháng 5 – 1955, quân Pháp rút khỏi miền Bắc, nhưng hội nghị hiệp thương giữa hai miền Nam – Bắc để tổ chức Tổng tuyển cử tự do thống nhất đất nước chưa được tiến hành.

– Mỹ thay thế Pháp, đưa tay sai (đứng đầu là Ngô Đình Diệm) lên nắm chính quyền ở miền Nam, thực hiện âm mưu chia cắt Việt Nam làm hai miền, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ ở Đông Dương và Đông Nam Á.

Câu 2.

– Kết quả : Sau 5 đợt cải cách ruộng đất có khoảng 81 vạn héc-ta ruộng đất, 10 vạn trâu bò, 1,8 triệu nông cụ lấy từ tay giai cấp địa chủ chia cho hơn 2 triệu hộ nông dân. Khẩu hiệu “Người cày có ruộng” trở thành hiện thực.

– Ý nghĩa :

+ Sau cải cách ruộng đất, bộ mặt nông thôn miền Bắc đã thay đổi cơ bản, giai cấp địa chủ phong kiến bị đánh đổ, khối liên minh công nông được củng cố.

+ Thắng lợi của cải cách ruộng đất góp phần tích cực thực hiện nhiệm vụ khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.

Câu 3.

– Nông nghiệp : Khai khẩn ruộng đất bỏ hoang, sửa chữa đê điều,... Đến cuối năm 1957, sản lượng nông nghiệp tăng vượt mức trước Chiến tranh thế giới thứ hai, nạn đói được giải quyết về cơ bản.

– Công nghiệp : Nhanh chóng khôi phục và mở rộng hầu hết các cơ sở công nghiệp quan trọng như mỏ than Hòn Gai, nhà máy xi măng Hải Phòng,... xây dựng thêm nhiều nhà máy mới như nhà máy cơ khí Hà Nội, diêm Thống Nhất... Đến cuối năm 1957, miền Bắc có 97 nhà máy, xí nghiệp do Nhà nước quản lí.

– Thủ công nghiệp : Nhiều mặt hàng tiêu dùng được sản xuất, bảo đảm nhu cầu tối thiểu của đời sống nhân dân...

– Thương nghiệp : Hệ thống mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán được mở rộng và phát triển... Đến cuối năm 1957, miền Bắc đặt quan hệ buôn bán với 27 nước.

– Giao thông vận tải, đường sắt, đường bộ, hải cảng được khôi phục, sửa chữa và mở rộng. Đường hàng không quốc tế được khai thông.

Câu 4.

– Hoàn cảnh lịch sử :

+ Trong những năm 1957 – 1959, Mĩ – Diệm mở rộng chiến dịch “tố cộng”, “diệt cộng”, tăng cường khủng bố, đàn áp, ra sắc lệnh “đặt cộng sản ngoài vòng pháp luật”, thực hiện “đạo luật 10 – 59” (5 – 1959) lê máy chém khắp miền Nam, giết hại những người vô tội.

+ Hội nghị Trung ương lần thứ 15 của Đảng (đầu năm 1959) xác định con đường cơ bản của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân, kết hợp lực lượng chính trị với lực lượng vũ trang.

– Diễn biến :

+ Dưới ánh sáng nghị quyết của Đảng, phong trào nổi dậy của quần chúng từ chỗ lẻ tẻ từng địa phương như cuộc nổi dậy ở Vĩnh Thạnh – Bình Định, Bắc Ái – Ninh Thuận (2 – 1959), Trà Bồng – Quảng Ngãi (8 – 1959), đã lan rộng khắp miền Nam thành cao trào cách mạng với cuộc “Đồng khởi”, tiêu biểu ở Bến Tre.

+ Ngày 17 – 1 – 1960, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ Bến Tre, nhân dân các xã Định Thủy, Phước Hiệp, Bình Khánh thuộc huyện Mỏ Cày đồng loạt nổi dậy, phong trào lan nhanh ra toàn huyện Mỏ Cày và tỉnh Bến Tre. Quân khởi nghĩa đã phá vỡ từng mảng lớn bộ máy cai trị, kìm kẹp của địch.

– Kết quả :

+ Thành lập Ủy ban Nhân dân tự quản, lực lượng vũ trang nhân dân ra đời.

+ Từ Bến Tre, phong trào “Đồng khởi” lan khắp Nam Bộ, Tây Nguyên và một số nơi ở miền Trung Trung Bộ.

+ Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời (20 – 12 – 1960).

– Ý nghĩa :

+ “Đồng khởi” đã giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ, làm lung lay tận gốc chính quyền Ngô Đình Diệm.

+ Đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam, chuyển cách mạng từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

Câu 5.

– Hoàn cảnh : Miền Bắc giành thắng lợi lớn trong việc thực hiện nhiệm vụ cải tạo và phát triển kinh tế. Cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam có bước phát triển nhảy vọt với phong trào “Đồng khởi”.

– Nội dung :

+ Tháng 9 – 1960, Đảng Lao động Việt Nam họp Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III tại Hà Nội.

+ Đại hội xác định nhiệm vụ cách mạng của từng miền : Miền Bắc tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa. Miền Nam đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà.

+ Cách mạng mỗi miền có vị trí, vai trò riêng. Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của cách mạng cả nước, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam có vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam.

+ Đại hội đề ra đường lối chung của cả thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và cụ thể hoá đường lối đó trong kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961 – 1965).

– Ý nghĩa : Nghị quyết của Đại hội là nguồn ánh sáng mới cho toàn Đảng, toàn dân xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà.

Câu 6. Thành tựu của miền Bắc trong việc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961 – 1965) :

– Công nghiệp, được Nhà nước ưu tiên vốn để phát triển, nhiều khu công nghiệp và nhà máy mới được xây dựng : khu gang thép Thái Nguyên, nhà máy nhiệt điện Uông Bí...

– Nông nghiệp, ưu tiên phát triển các nông trường, lâm trường quốc doanh, áp dụng tiến bộ khoa học – kĩ thuật, chủ trương xây dựng hợp tác xã nông nghiệp bậc cao, nhiều hợp tác xã đạt năng suất 5 tấn thóc trên 1 héc-ta.

– Thương nghiệp quốc doanh được Nhà nước ưu tiên phát triển, góp phần củng cố quan hệ sản xuất mới, ổn định đời sống nhân dân.

– Các ngành văn hoá, giáo dục, y tế có bước phát triển và tiến bộ đáng kể, số học sinh phổ thông và đại học tăng, ngành y tế mở rộng mạng lưới đến tận huyện, xã.

– Miền Bắc còn làm tròn nghĩa vụ hậu phương, chi viện cho miền Nam một khối lượng lớn vũ khí, đạn dược, thuốc men...

III. LUYỆN TẬP

Câu 1. Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

- Quân Pháp rút khỏi miền Bắc vào
 - giữa tháng 2 – 1955.
 - giữa tháng 3 – 1955.
 - giữa tháng 4 – 1955.
 - giữa tháng 5 – 1955.
- Hội nghị Trung ương lần thứ 15 của Đảng xác định con đường cơ bản của cách mạng miền Nam là
 - khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng lực lượng chính trị của quần chúng kết hợp với lực lượng vũ trang.
 - đấu tranh chính trị chống Mĩ – Diệm, đòi chúng thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ.
 - đấu tranh vũ trang chống Mĩ – Diệm.
 - đấu tranh đòi quyền tự do, dân sinh, dân chủ, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng.

3. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời vào ngày
A. 17 – 1 – 1960. B. 20 – 12 – 1960.
C. 22 – 12 – 1960. D. 6 – 6 – 1969.
4. Phong trào “Đồng khởi” đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam vì
A. chuyển cách mạng từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.
B. dẫn đến sự ra đời của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.
C. đã giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ.
D. làm lung lay tận gốc chính quyền Ngô Đình Diệm.
5. Người được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng bầu làm Bí thư thứ nhất của Đảng là
A. Trần Phú. B. Lê Hồng Phong.
C. Lê Duẩn. D. Trường Chinh.
6. “Trong 10 năm qua, miền Bắc nước ta đã tiến những bước dài chưa từng thấy trong lịch sử dân tộc. Đất nước, xã hội và con người đều đổi mới”. Đây là lời khẳng định của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại
A. Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5 – 1941).
B. Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2 – 1951).
C. Hội nghị Trung ương lần thứ 15 của Đảng (1959).
D. Hội nghị Chính trị đặc biệt (3 – 1964).
7. Sau thất bại trong phong trào “Đồng khởi” (1959 – 1960) ở miền Nam, Mĩ quyết định chuyển sang chiến lược chiến tranh mới, đó là chiến lược
A. “Chiến tranh đơn phương”. B. “Chiến tranh đặc biệt”.
C. “Chiến tranh cục bộ”. D. “Việt Nam hoá chiến tranh”.
8. Ý nào sau đây không nằm trong nội dung chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ?
A. Đây là hình thức chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mĩ.
B. Được tiến hành bằng quân đội tay sai, do cố vấn Mĩ chỉ huy.
C. Dựa vào vũ khí, trang bị kĩ thuật, phương tiện chiến tranh của Mĩ.
D. Được tiến hành bằng lực lượng quân đội Mĩ, quân đồng minh và quân đội Sài Gòn.
9. Chiến thắng nào khẳng định khả năng quân dân miền Nam có thể đánh bại hoàn toàn chiến lược “Chiến tranh đặc biệt của Mĩ”?
A. Chiến thắng Ấp Bắc. B. Chiến thắng Bình Giã.
C. Chiến thắng Ba Gia. D. Chiến thắng An Lão.

Câu 2. Hãy hoàn thành bảng hệ thống về sự phát triển của cách mạng miền Nam trong những năm 1954 – 1960 :

Nội dung	Giai đoạn 1954 – 1959	Giai đoạn 1959 – 1960
Mục tiêu		
Phương pháp		
Kết quả		
Ý nghĩa		

Câu 3. Lập niên biểu về thắng lợi của quân dân ta ở miền Nam trong chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ (1961 – 1965).

Đáp án – hướng dẫn làm bài

Câu 1.

1D	2A	3B	4A	5C	6D	7B	8D	9A
----	----	----	----	----	----	----	----	----

Câu 2.

Nội dung	Giai đoạn 1954 – 1959	Giai đoạn 1959 – 1960
Mục tiêu	Đòi Mĩ – Diệm thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, đòi hiệp thương tổng tuyển cử, chống khủng bố, đàn áp, chống chiến dịch “tố cộng”, “diệt cộng”.	Lật đổ chế độ Mĩ – Diệm, khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân.
Phương pháp	Các hình thức đấu tranh chính trị : “Phong trào hoà bình”, mít tinh, biểu tình, bãi thị, bãi công, bãi khoá...	Khởi nghĩa giành chính quyền bằng lực lượng chính trị của quần chúng kết hợp với lực lượng vũ trang.
Kết quả	Phong trào đấu tranh diễn ra sôi nổi lan rộng tới các thành phố lớn như Huế, Đà Nẵng... và cả các vùng nông thôn, lôi cuốn hàng triệu người tham gia... hình thành nên mặt trận chống Mĩ – Diệm.	Phá vỡ từng mảng lớn bộ máy cai trị và hệ thống kìm kẹp của địch ở thôn, xã. Ủy ban Nhân dân tự quản được thành lập, lực lượng vũ trang ra đời, ruộng đất của địa chủ, cường hào bị tịch thu đem chia cho dân cày nghèo... Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời.
Ý nghĩa	Đây là thời kì gìn giữ và phát triển lực lượng cách mạng, tiến tới “Đồng khởi”.	Đây là đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ, làm lung lay tận gốc chính quyền Ngô Đình Diệm. Đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

Câu 3. Niên biểu về thắng lợi của quân dân ta ở miền Nam trong chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ (1961 – 1965) :

Mặt trận	Thời gian	Thắng lợi
Chống “bình định”	Giữa năm 1963	Mĩ và chính quyền Sài Gòn chỉ lập được non nửa số “ấp chiến lược” dự kiến (khoảng 7 500 ấp).
	Cuối năm 1964 đầu năm 1965	Số “ấp chiến lược” của Mĩ và chính quyền Sài Gòn lập được chỉ còn lại 1/3.
Phong trào đấu tranh chính trị ở đô thị	8 – 5 – 1963	Hai vạn tăng ni, Phật tử Huế biểu tình phản đối chính quyền Diệm.
	11 – 6 – 1963	Hoà thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để phản đối chính quyền Diệm.
	16 – 6 – 1963	70 vạn quần chúng Sài Gòn biểu tình làm rung chuyển chế độ Sài Gòn.
	1 – 11 – 1963	Mĩ chỉ đạo các tướng lĩnh trong quân đội Sài Gòn làm đảo chính lật đổ chính quyền của Diệm – Nhu.
Quân sự	Năm 1962	Quân giải phóng cùng với nhân dân đánh bại nhiều cuộc hành quân càn quét của quân đội Sài Gòn đánh vào chiến khu D, căn cứ U Minh, Tây Ninh...
	2 – 1 – 1963	Quân dân ta ở miền Nam giành thắng lợi trong trận Ấp Bắc.
	Đông – xuân 1964 – 1965	Lực lượng quân giải phóng mở những chiến dịch tiến công quy mô lớn, tiêu biểu là chiến dịch Đông – xuân 1964 – 1965 trên các chiến trường miền Nam và miền Trung. Quân dân miền Nam đã làm phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ.

IV. TƯ LIỆU THAM KHẢO

Ngọn lửa Hoà thượng Thích Quảng Đức (11 – 6 – 1963)

Ngày 20 – 4 âm lịch nhuận (11 – 6 – 1963), trong cuộc tuần hành của trên 1000 vị tăng sĩ và giới lãnh đạo Giáo hội Phật giáo miền Nam, cùng đông đảo đồng bào yêu nước chống chế độ độc tài Ngô Đình Diệm, Hoà thượng Thích Quảng Đức phát nguyện tự thiêu đòi bình đẳng tôn giáo chống đàn áp Phật giáo và đòi dân sinh, dân chủ.

Cuộc tự thiêu diễn ra giữa ngã tư đường Phan Đình Phùng và Lê Văn Duyệt (nay là đường Nguyễn Đình Chiểu và Cách mạng tháng Tám). Từ trên xe ông ung dung bước xuống, tĩnh tọa rồi tự tay châm lửa vào thân, ngọn lửa bốc cao phủ kín thân mình, ông vẫn ngồi thẳng lưng. Sau 15 phút lửa tàn, ông gật đầu rồi nằm ngửa giữa trước sự chứng kiến của đông đảo đồng bào cùng kí giả báo chí trong nước và ngoài nước. Giáo sư Trần Văn Giàu đã nhận định: “Cuộc hi sinh phi thường và dũng cảm của Hoà thượng Thích Quảng Đức, hình ảnh cụ ngồi thẳng như tượng đá trong ngọn lửa rực hồng đã nhanh như một làn sóng điện làm sôi nổi dư luận trong cả nước Việt Nam và trên thế giới. Ảnh của vị Hoà thượng Việt Nam Thích Quảng Đức ngồi trong ngọn lửa được đăng trên hầu hết các báo khắp năm châu, với những dòng chữ nói lên sự khâm phục”.

Cảm vì ngọn lửa Hoà thượng Thích Quảng Đức, nhà thơ Vũ Hoàng Chương có bài thơ truy niệm ông. Trong đó có đoạn:

*Lửa ! Lửa cháy ngất toà sen
Tám chân phương nhục thể tràn tâm
Hiện thành thơ quý cả xuống
Chỗ người ngồi : Một thiên thu tuyệt tác
Trong vô hình sáng chói lửa từ bi*

Cái chết bi hùng của ông đã góp phần đẩy lên phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân chống chế độ độc tài Ngô Đình Diệm.

(Tổng hợp từ : Nguyễn Quang Thắng, Nguyễn Bá Thề, Sđd, tr 1016 ; Lê Cung, *Phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam 1963*, NXB Thuận Hoá, 2008, tr 202)

Bài 29. CẢ NƯỚC TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1965 – 1973)

I. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CẦN ĐẠT

– Những nét chính về cuộc chiến đấu của nhân dân miền Nam chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, “Việt Nam hoá chiến tranh”, “Đông Dương hoá chiến tranh” của Mỹ : Âm mưu của Mỹ, chiến thắng Vạn Tường, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968), cuộc tiến công chiến lược năm 1972 và ý nghĩa của các chiến thắng đó.

– Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mỹ, vừa sản xuất và chi viện cho miền Nam.

– Những nội dung chính của Hiệp định Pa-ri năm 1973 về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam.

II. BÀI TẬP THỰC HÀNH

Câu 1. Quân dân ta ở miền Nam đã giành được thắng lợi nào trong những năm đầu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mĩ (1965 – 1967) ?

Câu 2. Hãy trình bày diễn biến và ý nghĩa cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968).

Câu 3. Hậu phương miền Bắc đã chi viện những gì và bằng cách nào cho tiền tuyến miền Nam đánh Mĩ ?

Câu 4. Mĩ thực hiện âm mưu và thủ đoạn gì trong việc tiến hành chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” (1969 – 1973) ?

Câu 5. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 đã diễn ra như thế nào ? Ý nghĩa lịch sử của cuộc tiến công đó ?

Câu 6. Quân dân miền Bắc đã đạt được những thắng lợi gì trong trận chiến đấu chống cuộc tập kích không quân bằng máy bay B52 cuối năm 1972 của Mĩ ?

Câu 7. Trình bày nội dung cơ bản và ý nghĩa lịch sử của Hiệp định Pa-ri năm 1973 về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam.

Hướng dẫn làm bài

Câu 1.

a) Trên mặt trận quân sự

– Chiến thắng Vạn Tường (18 – 8 – 1965) :

+ Quân dân Vạn Tường (Quảng Ngãi) đã đẩy lùi được cuộc hành quân của địch, loại khỏi vòng chiến đấu 900 tên địch, bắn cháy 22 xe tăng và xe bọc thép, hạ 13 máy bay.

+ Vạn Tường đã mở đầu cao trào “Tìm Mĩ mà đánh, lùng nguy mà diệt” trên khắp miền Nam.

+ Chứng minh ta có khả năng đánh thắng Mĩ trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.

– Mùa khô 1965 – 1966, quân dân miền Nam đánh bại 5 cuộc hành quân tìm diệt lớn của Mĩ ở Đông Nam Bộ và Khu V.

– Mùa khô 1966 – 1967, quân dân miền Nam đánh bại 3 cuộc hành quân lớn “tìm diệt” và “bình định” của Mĩ, lớn nhất là cuộc hành quân Gian-xon Xi-ti đánh vào căn cứ Dương Minh Châu.

b) Trên mặt trận chính trị : Các tầng lớp nhân dân ở thành thị đấu tranh đòi Mĩ rút về nước, đòi tự do dân chủ.

c) Trên mặt trận chống bình định : Phong trào phá “ấp chiến lược”, phá ách kìm kẹp của địch diễn ra mạnh, ở vùng nông thôn từng mảng ấp chiến lược bị phá vỡ, vùng giải phóng được mở rộng, uy tín Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam được nâng cao trên trường quốc tế.

Câu 2.

– Diễn biến :

+ Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy được mở đầu bằng cuộc tập kích chiến lược của quân chủ lực vào hầu khắp các đô thị trong đêm 30 rạng sáng 31 – 1 – 1968 (Tết Mậu Thân).

+ Tại Sài Gòn, quân giải phóng đã tiến công các vị trí đầu não của địch như toà Đại sứ Mỹ, Dinh Độc lập, Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn...

– Ý nghĩa :

+ Làm lung lay ý chí xâm lược của quân Mỹ, buộc Mỹ phải tuyên bố “phi Mỹ hoá” chiến tranh xâm lược, tức thừa nhận thất bại của chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.

+ Chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc, chấp nhận đàm phán ở Pa-ri để bàn về chấm dứt chiến tranh.

Câu 3.

– Tuyến đường vận chuyển chiến lược Bắc – Nam mang tên Hồ Chí Minh trên bộ và trên biển bắt đầu khai thông từ tháng 5 – 1959.

– Qua 4 năm (1965 – 1968), miền Bắc đã đưa hơn 30 vạn cán bộ, bộ đội vào Nam, gửi vào Nam hàng chục vạn tấn vũ khí, đạn dược, lương thực, thực phẩm, thuốc men...

– Tinh chung sức người, sức của từ miền Bắc chuyển vào miền Nam sau bốn năm đã tăng gấp 10 lần so với thời kì trước.

Câu 4. Âm mưu và thủ đoạn của Mỹ trong việc tiến hành chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” (1969 – 1973) :

– Sau thất bại của chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, Mỹ chuyển sang chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” ở miền Nam và mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương, thực hiện chiến lược “Đông Dương hoá chiến tranh”.

– Lực lượng chính tiến hành cuộc chiến tranh là quân đội Sài Gòn, có sự phối hợp về hoà lực và không quân Mỹ, vẫn do Mỹ chỉ huy bằng hệ thống cố vấn quân sự.

– Quân đội Sài Gòn được Mỹ sử dụng như lực lượng xung kích trong các cuộc hành quân mở rộng xâm lược Cam-pu-chia (1970), tăng cường chiến tranh ở Lào (1971), thực hiện âm mưu “Dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương”.

Câu 5.

– Diễn biến :

+ Từ ngày 30 – 3 – 1972, quân ta mở cuộc tiến công chiến lược đánh vào Quảng Trị, lấy Quảng Trị làm hướng chủ yếu, rồi phát triển rộng ra khắp chiến trường miền Nam, kéo dài trong năm 1972.

+ Đến cuối tháng 6 – 1972, quân ta chọc thủng ba phòng tuyến mạnh nhất của địch là Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 20 vạn địch, giải phóng những vùng đất rộng lớn và đông dân.

– Ý nghĩa : Đã giáng đòn nặng nề vào chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”, buộc Mỹ phải tuyên bố “Mỹ hoá” trở lại chiến tranh xâm lược, tức thừa nhận sự thất bại của chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”.

Câu 6. Thắng lợi của quân dân miền Bắc đã giành được trong trận chiến đấu chống cuộc tập kích không quân bằng máy bay B52 cuối năm 1972 của Mỹ :

– Ngày 14 – 12 – 1972, Ních-xon phê chuẩn kế hoạch mở cuộc tập kích không quân bằng máy bay B52 vào Hà Nội và Hải Phòng, bắt đầu từ chiều tối 18 đến hết ngày 29 – 12 – 1972.

– Quân dân ta ở miền Bắc đã đánh bại hoàn toàn cuộc tập kích bằng không quân của Mỹ, làm nên trận “Điện Biên Phủ trên không”.

– “Điện Biên Phủ trên không” là trận thắng quyết định của ta, đã buộc Mỹ phải trở lại Hội nghị Pa-ri và kí Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam (27 – 1 – 1973).

Câu 7.

– Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam được kí chính thức ngày 27 – 1 – 1973, nội dung Hiệp định bao gồm những điều khoản cơ bản sau :

+ Hoa Kỳ và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

+ Hoa Kỳ rút hết quân đội của mình và quân đồng minh, huỷ bỏ các căn cứ quân sự, cam kết không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.

+ Nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của mình thông qua tổng tuyển cử tự do...

+ Các bên thừa nhận thực tế miền Nam Việt Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát và ba lực lượng chính trị.

+ Các bên ngừng bắn tại chỗ, trao trả tù binh và dân thường bị bắt.

+ Hoa Kỳ cam kết hàn gắn vết thương chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương.

– Ý nghĩa :

+ Với Hiệp định Pa-ri, Mỹ phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta, phải rút quân về nước.

+ Đó là thắng lợi lịch sử quan trọng, tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam.

III. LUYỆN TẬP

Câu 1. Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

- Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới, được tiến hành bằng lực lượng
 - quân đội tay sai, do cố vấn Mỹ chỉ huy.
 - quân đội Mỹ, quân đồng minh.
 - quân đội Sài Gòn là chủ yếu, có sự phối hợp về hoà lực và không quân Mỹ, do Mỹ chỉ huy bằng hệ thống cố vấn quân sự.
 - quân đội Mỹ, quân đồng minh và quân đội Sài Gòn.
- Chiến thắng nào chứng minh khả năng quân dân miền Nam có thể chiến thắng Mỹ trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ”?
 - Chiến thắng Núi Thành.
 - Chiến thắng Vạn Tường.
 - Chiến thắng Ấp Bắc.
 - Chiến thắng Bình Giã.
- Ta chủ trương mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968) xuất phát từ điều kiện lịch sử nào?
 - Xuất phát từ nhận định so sánh lực lượng thay đổi có lợi cho ta, đồng thời lợi dụng mâu thuẫn trong năm bầu cử tổng thống Mỹ (1968).
 - Xuất phát từ nhận định lực lượng quân đội Mỹ đã suy yếu sau thất bại của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.
 - Sự ủng hộ và giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác cho cách mạng Việt Nam.
 - Sự thất bại của quân đội Mỹ qua hai mùa khô 1965 – 1966 và 1966 – 1967.
- Trọng tâm của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968) trên toàn miền Nam là
 - vùng rừng núi.
 - vùng nông thôn đồng bằng.
 - các đô thị.
 - các vị trí đầu não của Mỹ.
- Điểm giống nhau cơ bản nhất giữa chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” và chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” là
 - “Dùng người Việt đánh người Việt”.
 - thực hiện quốc sách “bình định”.
 - đều sử dụng vũ khí, trang bị kĩ thuật, phương tiện chiến tranh của Mỹ.
 - đều do cố vấn Mỹ chỉ huy.
- Cuộc tiến công nào của quân dân ta ở miền Nam buộc Mỹ phải tuyên bố “phí Mỹ hoá” chiến tranh xâm lược Việt Nam?
 - Cuộc tiến công đông – xuân 1964 – 1965 của quân và dân Nam Bộ.
 - Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.
 - Cuộc tiến công chiến lược năm 1972.
 - Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

7. Tuyến đường vận chuyển chiến lược Bắc – Nam mang tên Hồ Chí Minh trên bộ và trên biển được bắt đầu khai thông từ tháng
A. 5 – 1959. B. 6 – 1959.
C. 7 – 1959. D. 8 – 1959.
8. Thắng lợi chính trị mở đầu giai đoạn chống chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” của quân dân miền Nam là
A. sự ra đời của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam.
B. sự ra đời của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.
C. Hội nghị cấp cao ba nước Việt Nam – Lào – Cam-pu-chia.
D. Mỹ chấp nhận kí Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình ở Việt Nam.
9. Trận thắng quyết định của ta buộc Mỹ phải kí Hiệp định Pa-ri là
A. trận Điện Biên Phủ. B. trận Ấp Bắc.
C. trận Vạn Tường. D. trận “Điện Biên Phủ trên không”.

Câu 2. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” và “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ ở miền Nam có điểm gì giống và khác nhau ?

Câu 3. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965 – 1968) và chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” (1969 – 1973) của Mỹ ở miền Nam có điểm gì giống và khác nhau ?

Câu 5. Lập niên biểu về thắng lợi chung của nhân dân ba nước Việt Nam – Lào – Cam-pu-chia trong chiến đấu chống chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” của Mỹ (1969 – 1973).

Câu 6. So sánh những điểm giống và khác nhau giữa Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương năm 1954 và Hiệp định Pa-ri về Việt Nam năm 1973 : hoàn cảnh, nội dung cơ bản và ý nghĩa lịch sử.

Đáp án – hướng dẫn làm bài

Câu 1.

1D	2B	3A	4C	5A	6B	7A	8A	9D
----	----	----	----	----	----	----	----	----

Câu 2.

So sánh	Nội dung	Chiến tranh đặc biệt	Chiến tranh cục bộ
Giống nhau	Âm mưu	Nhằm chống lại các lực lượng cách mạng và nhân dân ta, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ ở Đông Nam Á.	
	Bản chất	Loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới.	

Khác nhau	Lực lượng	<ul style="list-style-type: none"> – Quân đội tay sai, do “cố vấn” Mĩ chỉ huy... – “Dùng người Việt đánh người Việt”. 	Quân đội Mĩ, quân đồng minh của Mĩ và quân đội Sài Gòn. Trong đó quân Mĩ giữ vai trò chủ yếu (quân Mĩ vừa trực tiếp chiến đấu vừa là cố vấn, chỉ huy).
	Biện pháp	<ul style="list-style-type: none"> – Mĩ tăng cường viện trợ quân sự. – Tăng lực lượng quân đội Sài Gòn. – Dồn dân lập “ấp chiến lược”, được coi là “xương sống”, “quốc sách”. – Phổ biến chiến thuật mới “Trục thẳng vận”, “thiết xa vận”... 	<ul style="list-style-type: none"> – Tăng lực lượng quân đội Mĩ ở miền Nam. – Mở các cuộc hành quân “tìm diệt” và “bình định”, cố giành lại quyền chủ động trên chiến trường...
	Quy mô	Chủ yếu thực hiện ở miền Nam Việt Nam, hoạt động phá hoại miền Bắc, phong toả biên giới vùng biển, ngăn chặn sự chi viện từ miền Bắc vào Nam.	Không chỉ thực hiện ở miền Nam mà còn mở rộng chiến tranh phá hoại ở miền Bắc với quy mô và mức độ ác liệt hơn “Chiến tranh đặc biệt”.

Câu 3.

So sánh	Nội dung	Chiến tranh cục bộ	Việt Nam hoá chiến tranh
Giống nhau	Âm mưu	Nhằm chống lại các lực lượng cách mạng và nhân dân ta, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mĩ ở Đông Nam Á.	
	Bản chất	Loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới.	
Khác nhau	Lực lượng	Quân đội Mĩ, quân đồng minh của Mĩ và quân đội Sài Gòn, trong đó quân Mĩ giữ vai trò chủ yếu (Quân Mĩ vừa trực tiếp chiến đấu vừa là cố vấn, chỉ huy).	Quân đội Sài Gòn là chủ yếu, có sự phối hợp về hoà lực và không quân Mĩ, do Mĩ chỉ huy bằng hệ thống cố vấn quân sự.

	Biện pháp	Tăng cường lực lượng quân đội Mỹ ở miền Nam, mở các cuộc hành quân “tìm diệt” và “bình định”, cố giành lại quyền chủ động trên chiến trường.	Đẩy mạnh các hoạt động “bình định”. Lợi dụng mâu thuẫn Xô – Trung nhằm hạn chế sự giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc đối với cuộc kháng chiến của nhân dân ta.
	Quy mô	Thực hiện ở miền Nam, mở rộng chiến tranh phá hoại ở miền Bắc.	Thực hiện ở miền Nam, đánh phá miền Bắc, mở rộng cuộc chiến tranh ra toàn cõi Đông Dương để thực hiện chiến lược “Đông Dương hoá chiến tranh”.

Câu 4.

Mặt trận	Thời gian	Những thắng lợi chung của nhân dân ba nước Việt Nam – Lào – Cam-pu-chia
Chính trị, ngoại giao	6 – 6 – 1969	Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ra đời, được 23 nước công nhận, trong đó có 21 nước đặt quan hệ ngoại giao.
	Ngày 24 và 25 – 4 – 1970	Hội nghị cấp cao ba nước Việt Nam – Lào – Cam-pu-chia họp, biểu thị quyết tâm của nhân dân ba nước đoàn kết chiến đấu chống đế quốc Mỹ.
	27 – 1 – 1973	Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam được kí kết.
Quân sự	Từ ngày 30 – 4 đến ngày 30 – 6 – 1970	Quân đội Việt Nam phối hợp với quân dân Cam-pu-chia đập tan cuộc hành quân xâm lược Cam-pu-chia của 10 vạn quân Mỹ và quân đội Sài Gòn, giải phóng nhiều vùng đất đai rộng lớn với 4,5 triệu dân.
	Từ ngày 12 – 2 đến ngày 23 – 3 – 1971	Quân đội Việt Nam phối hợp với quân dân Lào đã đập tan cuộc hành quân mang tên “Lam Sơn – 719” của 4,5 vạn quân Mỹ và quân đội Sài Gòn, giải phóng Đường 9 – Nam Lào, giữ vững hành lang chiến lược của cách mạng Đông Dương.

	Từ ngày 30 – 3 đến cuối tháng 6 – 1972	Quân ta mở cuộc tiến công chiến lược đánh vào Quảng Trị, lấy Quảng Trị làm hướng tấn công chủ yếu, rồi phát triển rộng ra khắp chiến trường miền Nam. Đến cuối tháng 6 – 1972, quân ta chọc thủng ba phòng tuyến mạnh nhất của địch là Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 20 vạn địch, giải phóng những vùng đất rộng lớn và đông dân, giáng đòn nặng nề vào chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”, buộc Mĩ tuyên bố “Mĩ hoá” trở lại chiến tranh xâm lược, thừa nhận sự thất bại của chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”.
	Từ 18 – 12 đến 29 – 12 – 1972	Quân dân miền Bắc đã đánh bại cuộc tập kích bằng không quân của Mĩ – trận “Điện Biên Phủ trên không”.
Mặt trận đấu tranh chính trị chống “bình định”		Ở khắp các thành thị, phong trào của các tầng lớp nhân dân diễn ra liên tục, thu hút đông đảo giới trẻ tham gia... Tại các vùng nông thôn, đồng bằng, rừng núi, ven thị, phong trào quần chúng đấu tranh chống “bình định”, phá “áp chiến lược” diễn ra mạnh mẽ.

Câu 5.

a) Về hoàn cảnh kí kết

– Giống nhau : Đều có thắng lợi về chính trị và quân sự trên chiến trường, có trận thắng quyết định là Điện Biên Phủ năm 1954 và “Điện Biên Phủ trên không” năm 1972.

– Khác nhau : Hội nghị Giơ-ne-vơ là Hội nghị quốc tế, có sự chi phối của các nước lớn. Hội nghị Pa-ri là Hội nghị hai bên (Việt Nam và Hoa Kỳ) được quyết định bởi hai bên.

b) Về nội dung

– Giống nhau :

- + Các nước đế quốc phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam.
- + Các nước đế quốc phải rút hết quân đội về nước, cam kết chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam.

– Khác nhau :

- + Hiệp định Giơ-ne-vơ là hiệp định về Đông Dương, Hiệp định Pa-ri là hiệp định về Việt Nam.

+ Thời hạn rút quân của đế quốc : Theo Hiệp định Giơ-ne-vơ, Pháp phải rút từng bước sau 2 năm, theo Hiệp định Pa-ri, Mĩ rút quân một lần sau 2 tháng.

+ Quy định vùng tập kết quân đội 2 bên : Hiệp định Giơ-ne-vơ, quân đội 2 bên tập kết ở 2 vùng hoàn chỉnh ở 2 miền, lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới quân sự tạm thời. Hiệp định Pa-ri, quân đội 2 bên ở nguyên tại chỗ.

c) Ý nghĩa

– Giống nhau :

+ Đều là sự phản ánh, sự ghi nhận thắng lợi giành được trên chiến trường.

+ Đều là hiệp định hoà hoãn đưa đến chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình, là cơ sở pháp lí để ta tiếp tục đấu tranh.

– Khác nhau :

+ Hiệp định Giơ-ne-vơ phản ánh không đầy đủ thắng lợi của ta trên chiến trường, Hiệp định Pa-ri phản ánh đúng thắng lợi của ta trên chiến trường.

+ So sánh lực lượng giữa ta và địch sau 2 hiệp định khác nhau : Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, so sánh lực lượng thay đổi không có lợi cho ta, sau Hiệp định Pa-ri, so sánh lực lượng thay đổi có lợi cho ta.

IV. TƯ LIỆU THAM KHẢO

Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi chống Mĩ, cứu nước (17 – 7 – 1966)

... Giôn-xon và bè lũ phải biết rằng : Chúng có thể đưa 50 vạn quân, 1 triệu quân hoặc nhiều hơn nữa để đẩy mạnh chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt Nam. Chúng có thể dùng hàng nghìn máy bay, tăng cường đánh phá miền Bắc. Nhưng chúng quyết không thể lay chuyển được chí khí sắt đá, quyết tâm chống Mĩ, cứu nước của nhân dân Việt Nam anh hùng, chúng càng hung hăng thì tội của chúng càng thêm nặng. Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước đàng hoàng hơn, to đẹp hơn.

(Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1989, tr 375)

Bài 30. HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1973 – 1975)

I. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CẦN ĐẠT

– Những điểm chính của tình hình nước ta sau khi kí Hiệp định Pa-ri: Miền Bắc khắc phục hậu quả của chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế – văn hoá, chỉ viện cho miền Nam. Nhân dân miền Nam chống âm mưu, hành động mới của Mĩ và chính quyền Sài Gòn. Chú ý sự kiện chiến thắng Phước Long.

– Chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam của Bộ Chính trị Trung ương Đảng.

– Diễn biến chính của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 qua các chiến dịch lớn: chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Huế – Đà Nẵng, chiến dịch Hồ Chí Minh.

– Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 – 1975).

II. BÀI TẬP THỰC HÀNH

Câu 1. Trình bày tóm tắt diễn biến cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

Câu 2. Trình bày ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 – 1975).

Hướng dẫn làm bài

Câu 1.

– Chiến dịch Tây Nguyên (từ ngày 4 – 3 đến ngày 24 – 3):

+ Ngày 10 – 3 – 1975, quân ta đánh trận then chốt mở màn ở Buôn Ma Thuột và nhanh chóng giành thắng lợi. Ngày 12 – 3 – 1975, địch phản công định chiếm lại Buôn Ma Thuột, nhưng không thành. Hệ thống phòng thủ của địch ở Tây Nguyên bị rung chuyển...

+ Ngày 14 – 3 – 1975, địch rút toàn bộ quân khỏi Tây Nguyên về giữ vùng duyên hải miền Trung, địch bị quân ta truy kích tiêu diệt. Đến ngày 24 – 3 – 1975, Tây Nguyên hoàn toàn được giải phóng.

– Chiến dịch Huế – Đà Nẵng (từ ngày 21 – 3 đến ngày 29 – 3):

+ Ngày 21 – 3, quân ta tiến công vào căn cứ địch ở Huế, chặn đường rút chạy của địch. Ngày 26 – 3, quân ta giải phóng Huế. Cũng thời gian này, ta giải phóng thị xã Tam Kỳ và toàn tỉnh Quảng Ngãi...

+ Sáng ngày 29 – 3, quân ta tiến thẳng vào thành phố Đà Nẵng. Đến 3 giờ chiều, toàn bộ thành phố Đà Nẵng được giải phóng.

+ Từ cuối tháng 3 đến tháng 4, nhân dân các tỉnh ven biển miền Trung, Nam Tây Nguyên và một số tỉnh Nam Bộ nổi dậy giải phóng quê hương mình.

- Chiến dịch Hồ Chí Minh (từ ngày 26 – 4 đến ngày 30 – 4 – 1975) :
- + Chiến dịch giải phóng Sài Gòn được mang tên chiến dịch Hồ Chí Minh.
- + Trước khi bắt đầu chiến dịch Hồ Chí Minh, quân ta tiến công Xuân Lộc và Phan Rang – những căn cứ phòng thủ của địch bảo vệ Sài Gòn từ phía đông.
- + 5 giờ chiều 26 – 4, chiến dịch Hồ Chí Minh bắt đầu. Năm cánh quân cùng lúc vượt qua tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch tiến về trung tâm Sài Gòn, đánh chiếm các cơ quan đầu não của chúng.
- + 10 giờ 45 phút ngày 30 – 4, xe tăng của ta tiến thẳng vào Dinh Độc lập. Tổng thống Việt Nam Cộng hoà Dương Văn Minh đã tuyên bố đầu hàng không điều kiện.
- + 11 giờ 30 phút, lá cờ cách mạng tung bay trên Dinh Độc lập, chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng...

Câu 2.

- Ý nghĩa lịch sử :
- + Đã kết thúc 21 năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc ở nước ta, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thống nhất đất nước.
- + Mở ra kỉ nguyên mới cho lịch sử dân tộc – Kỉ nguyên đất nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.
- + Tác động đến tình hình nước Mĩ và thế giới, là nguồn cổ vũ to lớn đối với phong trào cách mạng thế giới, nhất là đối với phong trào giải phóng dân tộc.
- Nguyên nhân thắng lợi :
- + Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ, đúng đắn, sáng tạo.
- + Nhân dân ở hai miền đoàn kết nhất trí, giàu lòng yêu nước, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm...
- + Hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh, có khả năng đáp ứng kịp thời các yêu cầu của cuộc chiến đấu ở hai miền.
- + Có sự phối hợp chiến đấu, đoàn kết giúp đỡ nhau trong đấu tranh chống kẻ thù chung của ba dân tộc ở Đông Dương, sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của các lực lượng cách mạng, hoà bình, dân chủ trên thế giới, nhất là của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác.

III. LUYỆN TẬP

Câu 1. Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

1. Sau Hiệp định Pa-ri về Việt Nam, so sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi có lợi cho cách mạng vì

- A. quân đội Mỹ đã rút khỏi nước ta.
 - B. Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác tiếp tục ủng hộ, giúp đỡ cách mạng Việt Nam.
 - C. vùng giải phóng được mở rộng và phát triển về mọi mặt.
 - D. miền Bắc tiếp tục chi viện cho miền Nam một số lượng lớn về bộ đội và vũ khí.
2. Nhiệm vụ của cách mạng miền Bắc sau Hiệp định Pa-ri là
- A. phải chuyển hướng xây dựng và phát triển kinh tế cho phù hợp với điều kiện thời chiến.
 - B. thực hiện một bước công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, xây dựng bước đầu cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội.
 - C. miền Bắc tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa.
 - D. khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, văn hoá, tiếp tục chi viện cho tiền tuyến miền Nam.
3. Được cố vấn Mỹ chỉ huy và nhận viện trợ của Mỹ, chính quyền Sài Gòn đã phá hoại Hiệp định Pa-ri bằng cách
- A. tiến hành dồn dân, lập “ấp chiến lược”.
 - B. tiếp tục thực hiện chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”.
 - C. tiến hành chiến dịch “tràn ngập lãnh thổ”, mở những cuộc hành quân “bình định – lấn chiếm” vùng giải phóng.
 - D. thực hiện các cuộc hành quân “tìm diệt” và “bình định”.
4. Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (7 – 1973) đã nhận định kẻ thù của nhân dân ta là
- A. đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.
 - B. quân đội Mỹ, quân đồng minh của Mỹ.
 - C. quân đội Mỹ và tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu.
 - D. quân đội Sài Gòn.
5. Cuối năm 1974 đầu năm 1975, quân ta đã giành thắng lợi vang dội trong chiến dịch đánh vào
- | | |
|----------------|----------------|
| A. Bình Giã. | B. Phước Long. |
| C. Tây Nguyên. | D. Xuân Lộc. |
6. Cuối năm 1974 đầu năm 1975, trong tình hình so sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi mau lẹ có lợi cho cách mạng, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam
- | | |
|--------------------------------|--------------------------------|
| A. trong năm 1975. | B. trong năm 1976. |
| C. trong hai năm 1975 và 1976. | D. trong hai năm 1976 và 1977. |
7. Sự lãnh đạo đúng đắn và linh hoạt của Đảng được thể hiện như thế nào trong chủ trương, kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam ?
- A. Đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong hai năm 1975 và 1976.

- B. Đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong tình hình so sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi mau lẹ có lợi cho cách mạng.
 C. Tranh thủ thời cơ đánh thắng nhanh để đỡ thiệt hại người và của cho nhân dân.
 D. Bộ Chính trị nhấn mạnh : “Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975, thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975”.
8. Tây Nguyên hoàn toàn được giải phóng vào ngày
 A. 10 – 3 – 1975. B. 12 – 3 – 1975.
 C. 14 – 3 – 1975. D. 24 – 3 – 1975.
9. Sự kiện nào sau đây báo hiệu sự toàn thắng của chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử ngày 30 – 4 – 1975 ?
 A. Xe tăng của ta tiến thẳng vào Dinh Độc lập.
 B. Toàn bộ Chính phủ Trung ương Sài Gòn bị bắt.
 C. Tổng thống Việt Nam Cộng hoà Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng không điều kiện.
 D. 11 giờ 30 phút ngày 30 – 4 – 1975, lá cờ cách mạng tung bay trên Dinh Độc lập.

Câu 2. Điền các sự kiện lịch sử phù hợp với mốc thời gian cho trước trong bảng sau về diễn biến cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

Chiến dịch	Thời gian	Sự kiện lịch sử
Chiến dịch Tây Nguyên	10 – 3 – 1975(1).....
	12 – 3 – 1975(2).....
	14 – 3 – 1975(3).....
	24 – 3 – 1975(4).....
Chiến dịch Huế – Đà Nẵng	21 – 3 – 1975(5).....
	25 – 3 – 1975(6).....
	26 – 3 – 1975(7).....
	29 – 3 – 1975(8).....
Chiến dịch Hồ Chí Minh	26 – 4 – 1975(9).....
	30 – 4 – 1975(10).....

Câu 3. Trong chủ trương, kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam có những điểm nào khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn và linh hoạt của Đảng ?

Câu 4. Quân dân ta ở hai miền Nam – Bắc đã giành được những thắng lợi nào có ý nghĩa chiến lược về quân sự, chính trị, ngoại giao trong kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 – 1975) ?

Đáp án – hướng dẫn làm bài

Câu 1.

1A	2D	3C	4C	5B	6C	7D	8D	9D
----	----	----	----	----	----	----	----	----

Câu 2.

- (1) Quân ta đánh trận then chốt mở màn ở Buôn Ma Thuột và nhanh chóng giành thắng lợi.
- (2) Địch phản công định chiếm lại Buôn Ma Thuột, nhưng không thành. Hệ thống phòng thủ của địch ở Tây Nguyên rung chuyển.
- (3) Địch rút toàn bộ quân khỏi Tây Nguyên về giữ vùng duyên hải miền Trung.
- (4) Tây Nguyên hoàn toàn được giải phóng.
- (5) Quân ta đánh thẳng vào căn cứ địch ở Huế, hình thành thế bao vây địch trong thành phố.
- (6) Quân ta tiến vào cố đô Huế.
- (7) Giải phóng thành phố Huế và toàn bộ tỉnh Thừa Thiên.
- (8) Quân ta tiến thẳng vào thành phố Đà Nẵng. Đến 3 giờ chiều, toàn bộ thành phố Đà Nẵng được giải phóng.
- (9) Chiến dịch Hồ Chí Minh bắt đầu, quân ta tiến vào trung tâm Sài Gòn, đánh chiếm các cơ quan đầu não của địch.
- (10) Xe tăng của ta tiến thẳng vào Dinh Độc lập. Tổng thống Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng không điều kiện, chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

Câu 3.

– Cuối năm 1974 đầu năm 1975, trong tình hình so sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi mau lẹ có lợi cho cách mạng, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong hai năm 1975 và 1976.

– Kế hoạch giải phóng đề ra là hai năm, nhưng Bộ Chính trị cũng nhấn mạnh : “Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975, thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975”, tranh thủ thời cơ đánh thắng nhanh để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân, giảm bớt sự tàn phá của chiến tranh.

– Đầu tháng 1 – 1975, quân ta đã giành thắng lợi vang dội trong chiến dịch đánh Đường 14 – Phước Long. Quân đội Sài Gòn phản công nhưng thất bại, Mỹ phản ứng yếu ớt. Tình hình đó khẳng định rõ thêm nhận định của Đảng về sự lớn mạnh và khả năng thắng lớn của quân ta.

– Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch quy mô lớn ở Tây Nguyên – địa bàn chiến lược quan trọng với trận đánh then chốt mở màn ở Buôn Ma Thuột.

– Nhận thấy thời cơ chiến lược đến nhanh, hết sức thuận lợi ngay khi chiến dịch Tây Nguyên đang tiếp diễn, Bộ Chính trị có quyết định kịp thời thực hiện kế hoạch giải phóng Sài Gòn và toàn miền Nam, trước tiên tiến hành chiến dịch giải phóng Huế – Đà Nẵng.

– Sau thắng lợi chiến dịch Tây Nguyên và chiến dịch Huế – Đà Nẵng, Bộ Chính trị Trung ương Đảng nhận định: “Thời cơ chiến lược đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam”, từ đó quyết định: “Phải tập trung nhanh nhất lực lượng, binh khí kĩ thuật và vật chất giải phóng miền Nam trước mùa mưa” (trước tháng 5 – 1975).

– Những chủ trương, kế hoạch cuối năm 1974 – mùa Xuân 1975 đã khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn và linh hoạt của Đảng trong việc giải phóng hoàn toàn miền Nam, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Câu 4.

– Giai đoạn (1957 – 1975): thắng lợi của phong trào “Đồng khởi” (1959 – 1960), Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời (20 – 12 – 1960) đã đoàn kết, lãnh đạo nhân dân miền Nam đấu tranh chống Mỹ.

– Giai đoạn (1961 – 1965): Chiến đấu đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” với những thắng lợi tiêu biểu: Chiến thắng Ấp Bắc (2 – 1 – 1963) và những chiến thắng quân sự trong đông – xuân 1964 – 1965, chống phá địch lập “ấp chiến lược”.

– Giai đoạn (1965 – 1968): Chiến đấu đánh bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam và chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mỹ ở miền Bắc với những thắng lợi tiêu biểu: Chiến thắng Vạn Tường (tháng 8 – 1965); chiến thắng hai mùa khô (1965 – 1966) và (1966 – 1967); Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu thân (1968) buộc Mỹ phải tuyên bố “phì Mỹ hoá” chiến tranh xâm lược, chấp nhận đàm phán ở Pa-ri để bàn về chấm dứt chiến tranh.

– Giai đoạn (1969 – 1973): Chiến đấu đánh bại chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” ở miền Nam, “Đông Dương hoá chiến tranh”, chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mỹ ở miền Bắc với những thắng lợi tiêu biểu: Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam thành lập (6 – 6 – 1969), Hội nghị cấp cao nhân dân ba nước Đông Dương (24 và 25 – 4 – 1970), chiến thắng của cuộc tiến công chiến lược năm 1972 ở miền Nam, chiến thắng Điện Biên Phủ trên không ở miền Bắc (18 đến 29 – 12 – 1972), Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam (27 – 1 – 1973) đã buộc Mỹ phải rút khỏi miền Nam Việt Nam.

– Giai đoạn (1973 – 1975) : Chiến đấu đánh bại kế hoạch “bình định – lấn chiếm” cùng với chính sách “tràn ngập lãnh thổ” của địch, tiến lên đánh bại hoàn toàn cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mĩ với thắng lợi mở đầu ở Phước Long (6 – 1 – 1975) và kết thúc thắng lợi với cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

IV. TƯ LIỆU THAM KHẢO

Cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của Mĩ (1954 – 1975)

Có tới 6 đời Tổng thống kế nhiệm nhau lập các kế hoạch chiến lược hòng biến miền Nam Việt Nam thành một thuộc địa kiểu mới của Mĩ và phá hoại miền Bắc bằng không quân và hải quân. Nước Mĩ phải chi phí gần 700 tỉ đôla (so với 341 tỉ trong Chiến tranh thế giới thứ hai và 54 tỉ trong chiến tranh Triều Tiên), và nếu tính cả chi phí gián tiếp thì lên tới 920 tỉ, huy động tới 22 000 xí nghiệp, hơn 1/3 tổng số các nhà khoa học và 260 trường đại học tham gia vào việc nghiên cứu chiến lược chiến tranh, chế tạo, sản xuất các loại vũ khí và phương tiện chiến tranh, hơn 6,5 triệu lượt lính Mĩ tham chiến, 800 000 người trực tiếp tham chiến và hỗ trợ – tổng số 2 130 000 quân Mĩ vào những năm 1965 – 1970. Số quân Mĩ bị chết, bị thương, bị bắt là 360 000 người.

(Ban chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị, *Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945 – 1975 – thắng lợi và bài học*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr 489)

Ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 – 1975)

Đại hội lần thứ IV của Đảng đánh giá : “Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỉ XX, một sự kiện có tầm vóc quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”.

(Đảng Cộng sản Việt Nam, *Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1977, tr 5 – 6)

Chương VII. VIỆT NAM TỪ NĂM 1975 ĐẾN NĂM 2000

Bài 31. VIỆT NAM TRONG NĂM ĐẦU SAU ĐẠI THẮNG XUÂN 1975

I. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CẦN ĐẠT

- Tình hình hai miền Bắc – Nam sau đại thắng mùa Xuân 1975.
- Ý nghĩa của cuộc Tổng tuyển cử ngày 25 – 4 – 1976.
- Nội dung cơ bản của kì họp đầu tiên của Quốc hội khoá VI (cuối tháng 6 đầu tháng 7 – 1976). Nội dung và ý nghĩa của công cuộc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.

II. BÀI TẬP THỰC HÀNH

Câu 1. Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước, cách mạng ở hai miền Bắc – Nam có những thuận lợi và khó khăn gì ?

Câu 2. Đảng và chính quyền cách mạng ở miền Nam đã có những chủ trương và biện pháp gì nhằm thực hiện các nhiệm vụ cấp bách trong năm đầu sau chiến tranh chống Mĩ thắng lợi ?

Câu 3. Quốc hội khoá VI, kì họp thứ nhất đã có những quyết định gì ?

Hướng dẫn làm bài

Câu 1.

- Ở miền Bắc :
 - + Thuận lợi : Sau 20 năm (1954 – 1975) tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, miền Bắc đạt được những thành tựu to lớn và toàn diện, đã xây dựng được cơ sở vật chất – kĩ thuật ban đầu của chủ nghĩa xã hội.
 - + Khó khăn : Cuộc chiến tranh phá hoại của Mĩ đã tàn phá nặng nề, gây hậu quả lâu dài đối với miền Bắc.
- Ở miền Nam :
 - + Thuận lợi : Miền Nam đã hoàn toàn giải phóng, chế độ thực dân mới của Mĩ cùng bộ máy chính quyền Sài Gòn ở trung ương bị sụp đổ. Trong chừng mực nhất định, miền Nam có nền kinh tế phát triển theo hướng tư bản.
 - + Khó khăn : Cơ sở của chính quyền cũ ở địa phương cùng bao di hại xã hội vẫn tồn tại. Nền kinh tế nông nghiệp vẫn còn lạc hậu, sản xuất nhỏ và phân tán là phổ biến, phát triển mất cân đối, bị lệ thuộc nặng nề vào viện trợ từ bên ngoài.

Câu 2. Những chủ trương và biện pháp nhằm thực hiện các nhiệm vụ cấp bách trong năm đầu sau chiến tranh chống Mỹ thắng lợi :

– Công việc tiếp quản vùng giải phóng đạt kết quả tốt. Ở vùng mới giải phóng, chính quyền cách mạng và đoàn thể quần chúng các cấp nhanh chóng được thành lập.

– Chính quyền cách mạng tịch thu tài sản và ruộng đất của bọn phản động trốn ra nước ngoài, tiến hành điều chỉnh ruộng đất trong nội bộ nông dân, quốc hữu hoá ngân hàng, thay đồng tiền của chính quyền Sài Gòn bằng đồng tiền cách mạng.

– Chính quyền cách mạng rất chú trọng khôi phục sản xuất nông nghiệp. Các cơ sở sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp đều trở lại hoạt động.

– Các hoạt động văn hoá, giáo dục, y tế... được tiến hành khẩn trương từ những ngày đầu mới giải phóng.

Câu 3. Từ ngày 24 – 6 đến ngày 3 – 7 – 1976, Quốc hội khoá VI của nước Việt Nam thống nhất họp kì đầu tiên. Quốc hội quyết định lấy tên nước ta là Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (từ ngày 2 – 7 – 1976), quyết định Quốc huy, Quốc kì là cờ đỏ sao vàng, Quốc ca là bài *Tiến quân ca*, thủ đô là Hà Nội, thành phố Sài Gòn – Gia Định được đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc hội bầu các cơ quan, chức vụ lãnh đạo cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bầu Ban Dự thảo Hiến pháp, ở địa phương, Quốc hội quyết định tổ chức thành ba cấp chính quyền...

III. LUYỆN TẬP

Câu 1. Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

- Trải qua hơn 20 năm (1954 – 1975) tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, miền Bắc đạt được những thành tựu to lớn và toàn diện, đó là đã
 - xây dựng được cơ sở vật chất – kĩ thuật ban đầu của chủ nghĩa xã hội.
 - hoàn thành xây dựng được cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội.
 - khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế.
 - cơ bản ổn định tình hình kinh tế – xã hội.
- Miền Bắc căn bản hoàn thành nhiệm vụ khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế từ giữa năm

A. 1973.	B. 1974.
C. 1975.	D. 1976.
- Nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước được đề ra từ
 - Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 (5 – 1941).
 - Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 15 (1 – 1959).
 - Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9 – 1960).
 - Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 24 (9 – 1975).

4. Hội nghị hiệp thương chính trị thống nhất đất nước họp từ
 A. ngày 15 đến ngày 21 – 11 – 1975. B. ngày 16 đến ngày 22 – 11 – 1975.
 C. ngày 17 đến ngày 23 – 11 – 1975. D. ngày 18 đến ngày 24 – 11 – 1975.
5. Tên nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được kì họp đầu tiên Quốc hội khoá VI quyết định từ ngày
 A. 2 – 7 – 1975. B. 7 – 2 – 1975.
 C. 2 – 7 – 1976. D. 7 – 2 – 1976.

Câu 2. Điền các sự kiện lịch sử phù hợp với mốc thời gian cho trước trong bảng sau liên quan đến quá trình hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

Thời gian	Sự kiện lịch sử
Tháng 9 – 1975(1).....
Từ ngày 15 đến ngày 21 – 11 – 1975(2).....
Ngày 25 – 4 – 1976(3).....
Từ ngày 24 – 6 đến ngày 3 – 7 – 1976(4).....
Từ ngày 2 – 7 – 1976(5).....

Câu 3. Việc thực hiện những nhiệm vụ cấp bách trước mắt và hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước trong năm đầu sau kháng chiến chống Mĩ thắng lợi có ý nghĩa gì ?

Đáp án – hướng dẫn làm bài

Câu 1.

1A	2D	3D	4A	5C
----	----	----	----	----

Câu 2.

- (1) Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 24 đã đề ra nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.
 (2) Hội nghị hiệp thương chính trị thống nhất đất nước họp tại Sài Gòn.
 (3) Cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung được tiến hành trong cả nước.
 (4) Quốc hội khoá VI của nước Việt Nam thống nhất họp kì đầu tiên tại Hà Nội.
 (5) Quốc hội quyết định lấy tên nước ta là Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Câu 3.

– Ý nghĩa của việc thực hiện nhiệm vụ ổn định tình hình miền Nam, khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, văn hoá :

+ Chấn chỉnh lại tổ chức, đẩy mạnh hoạt động về chính trị, kinh tế – xã hội, văn hoá – giáo dục, tổ chức lại cho phù hợp với tình hình mới dưới chính quyền cách mạng.

+ Hàn gắn vết thương chiến tranh, xoá bỏ tàn dư của chế độ cũ, phục hồi nền kinh tế bị chiến tranh tàn phá, ổn định đời sống nhân dân, xây dựng nền văn hoá – giáo dục cách mạng.

– Ý nghĩa của việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước :

+ Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước là yêu cầu tất yếu khách quan của sự phát triển cách mạng Việt Nam và kết quả giành được đó đã thể hiện lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết dân tộc, ý chí thống nhất Tổ quốc, quyết tâm xây dựng một nước Việt Nam độc lập và thống nhất của toàn thể nhân dân ta.

+ Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước, đồng thời tạo những điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước, những điều kiện thuận lợi để cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, những khả năng to lớn để bảo vệ Tổ quốc và mở rộng quan hệ quốc tế với các nước trong khu vực và trên thế giới.

IV. TƯ LIỆU THAM KHẢO

Văn Cao – tác giả Tiến quân ca (Quốc ca)

Văn Cao (tên thật : Nguyễn Văn Cao, 1923 – 1995) – nhạc sĩ Việt Nam. Quê : xã Liên Minh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, sinh tại Hải Phòng. Là một trong những tác giả xuất hiện từ thời kì đầu của tân nhạc với *Buồn tàn thu* (1939), *Cung đàn xưa*, *Thiên thai*, *Bến xuân*, *Suối mơ*, *Thu cô liêu*,... Rời Hải Phòng năm 1943, học dự thính trường Mĩ thuật Đông Dương, làm thơ, viết truyện và tham gia hoạt động cách mạng. Nhiều tác phẩm ghi dấu ấn thời kì này : *Thăng Long hành khúc ca*, *Gò Đống Đa*, *Chiến sĩ Việt Nam*. Văn Cao sáng tác *Tiến quân ca* vào tháng 11 – 1944 tại căn gác hẹp số 45 đường Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội. Tháng 11 năm đó, chính tay tác giả chép bài *Tiến quân ca* lên bản đá litô để in trên trang Văn nghệ báo *Độc lập* được phát hành bí mật ở ba miền Trung, Nam, Bắc. *Tiến quân ca* đánh dấu một thời kì lịch sử hào hùng của cao trào cách mạng, góp phần đốt cháy ngọn lửa khí thế sục sôi của những ngày khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám. Ngày 13 – 8 – 1945, Hồ Chủ tịch đã chính thức duyệt *Tiến quân ca* là Quốc ca của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Ngày 17 – 8 – 1945, trong cuộc mít tinh của nhân dân Hà Nội, khi lá cờ đỏ sao vàng xuất hiện từ bao lon Nhà hát Lớn xuống, bài *Tiến quân ca* đã như một trái bom nổ bùng từ hàng nghìn giọng hát cất lên. Cũng tại quảng trường Nhà hát Lớn, ngày 19 – 8 – 1945, trong cuộc mít tinh lớn, dàn đồng ca của Đội Thiếu niên Tiền phong đã hát bài *Tiến quân ca* chào lá cờ đỏ sao vàng trong không khí chiến thắng của cách mạng tại Thủ đô.

Sau khởi nghĩa, Văn Cao vừa là phóng viên, vừa nhận nhiều trách nhiệm khác.

Những tác phẩm sáng giá nhất liên tục ra đời : *Hải quân Việt Nam, Không quân Việt Nam, Bắc Sơn, Làng tôi, Ngày mùa...*, tiếp đến là : *Trường ca sông Lô, Ca ngợi Hồ Chí Minh, Tiến về Hà Nội*. Sau năm 1954, Văn Cao tham gia Ban Chấp hành khoá I và khoá III Hội Nhạc sĩ Việt Nam, Phó Tổng thư kí Hội Liên hiệp Văn học – Nghệ thuật. Ông còn viết một số tác phẩm cho Pi-a-nô, tổ khúc giao hưởng *Anh bộ đội cụ Hồ*. Ngoài âm nhạc, ông còn là tác giả của những tập thơ *Những người trên cửa biển, Lá, Tuyển tập thơ Văn Cao*. Nhiều tranh sơn dầu của ông được đánh giá cao. Vừa là nhạc sĩ, vừa là họa sĩ, vừa là nhà thơ, trong mỗi lĩnh vực ông đều có những đóng góp giá trị. Huân chương kháng chiến hạng nhất, Huân chương Độc lập hạng ba, Huân chương Độc lập hạng nhất, truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (1996).

(*Từ điển Bách khoa Việt Nam, tập 4, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội 2005, tr 381 – 797*)

Bài 32. XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC, ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC (1976 – 1985)

I. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CẦN ĐẠT

- Nội dung cơ bản của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (12 – 1976).
- Những thành tựu và những khó khăn, hạn chế cơ bản trong 10 năm đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước.
- Cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới Tây – Nam và biên giới phía Bắc, ý nghĩa của nó.

II. BÀI TẬP THỰC HÀNH

Câu 1. Trình bày những nội dung cơ bản của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (12 – 1976).

Câu 2. Trong việc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 – 1980), nhân dân ta đã đạt được những thành tựu quan trọng nào ?

Câu 3. Cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới Tây – Nam và biên giới phía Bắc nước ta (1975 – 1979) đã diễn ra như thế nào ?

Hướng dẫn làm bài

Câu 1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng họp tại Hà Nội tháng 12 – 1976. Nội dung cơ bản của Đại hội :

- Đại hội đã tổng kết thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước.
- Đề ra đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước, quyết định phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 – 1980).

– Đại hội nhấn mạnh trong 5 năm (1976 – 1980), nước ta thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng xã hội chủ nghĩa, vừa xây dựng đất nước vừa cải tạo quan hệ sản xuất nhằm hai mục tiêu cơ bản : xây dựng một bước cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội, cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân lao động.

Câu 2. Sau 5 năm thực hiện kế hoạch Nhà nước (1976 – 1980), nhân dân ta đạt được những thành tựu rất quan trọng về mọi mặt.

– Nông nghiệp : diện tích gieo trồng tăng thêm gần 2 triệu héc-ta, máy kéo các loại được trang bị cho nông nghiệp.

– Công nghiệp : nhiều nhà máy được gấp rút xây dựng như nhà máy điện, cơ khí, xi măng...

– Giao thông vận tải : được khôi phục và xây dựng thêm 1 700km đường sắt, 3 800km đường bộ. Tuyến đường sắt Thống Nhất từ Hà Nội đi Thành phố Hồ Chí Minh đã hoạt động trở lại.

– Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh trong các vùng mới giải phóng ở miền Nam : giai cấp tư sản mại bản bị xoá bỏ, đại bộ phận nông dân đi vào con đường làm ăn tập thể.

– Xoá bỏ những biểu hiện của văn hoá phản động, xây dựng nền văn hoá mới cách mạng. Giáo dục ở các cấp mẫu giáo, phổ thông, đại học đều phát triển.

Câu 3.

– Đấu tranh bảo vệ biên giới Tây – Nam :

+ Ngay sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, tập đoàn Pôn Pốt ở Cam-pu-chia liên tiếp mở những cuộc hành quân khiêu khích dọc biên giới Tây – Nam, lấn chiếm lãnh thổ nước ta.

+ Ngày 22 – 12 – 1978, tập đoàn Pôn Pốt huy động 19 sư đoàn bộ binh cùng với nhiều đơn vị pháo binh, xe tăng tiến đánh Tây Ninh, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược biên giới Tây – Nam của nước ta.

+ Quân dân ta tổ chức cuộc phản công đánh đuổi quân Pôn Pốt. Chiến tranh biên giới Tây – Nam nhanh chóng chấm dứt.

– Đấu tranh bảo vệ biên giới phía Bắc :

+ Từ năm 1978, Trung Quốc đã có những hành động khiêu khích dọc biên giới phía Bắc.

+ Sáng 17 – 2 – 1979, Trung Quốc cho quân đội với lực lượng 32 sư đoàn mở cuộc tấn công nước ta dọc biên giới từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Phong Thổ (Lai Châu).

+ Quân dân ta, trực tiếp là quân dân sáu tỉnh biên giới phía Bắc đã chiến đấu ngoan cường. Đến ngày 18 – 3 – 1979, Trung Quốc rút hết quân khỏi nước ta.

III. LUYỆN TẬP

Câu 1. Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

1. Cách mạng nước ta chuyển sang giai đoạn mới : giai đoạn đất nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội
 - A. sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập 1930.
 - B. sau thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời năm 1945.
 - C. sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp năm 1954.
 - D. sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước và hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.
2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng họp vào tháng
 - A. 12 – 1975.
 - B. 12 – 1976.
 - C. 12 – 1977.
 - D. 12 – 1978.
3. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng họp tại
 - A. Hà Nội.
 - B. Sài Gòn.
 - C. Cửu Long, Hương Cảng (Trung Quốc).
 - D. Ma Cao (Trung Quốc).
4. Đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước được đề ra tại
 - A. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9 – 1960).
 - B. Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (9 – 1975).
 - C. Hội nghị hiệp thương chính trị thống nhất đất nước (11 – 1975).
 - D. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (12 – 1976).
5. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng họp vào tháng
 - A. 1 – 1982.
 - B. 2 – 1982.
 - C. 3 – 1982.
 - D. 4 – 1982.
6. Tập đoàn Pôn Pốt huy động lực lượng tiến đánh Tây Ninh, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược lần chiếm biên giới Tây – Nam nước ta vào ngày
 - A. 22 – 12 – 1975.
 - B. 22 – 12 – 1976.
 - C. 22 – 12 – 1977.
 - D. 22 – 12 – 1978.
7. Sáng 17 – 2 – 1979, Trung Quốc cho quân đội với lực lượng 32 sư đoàn mở cuộc tiến công nước ta dọc biên giới từ
 - A. Lạng Sơn đến Cà Mau.
 - B. Móng Cái đến Phong Thổ.
 - C. Cao Bằng đến Hoà Bình.
 - D. Tây Ninh đến Hà Tiên.
8. Trung Quốc rút hết quân khỏi nước ta vào ngày
 - A. 22 – 12 – 1978.
 - B. 17 – 2 – 1979.
 - C. 5 – 3 – 1979.
 - D. 18 – 3 – 1979.

Câu 2. Điền những nội dung phù hợp về nhiệm vụ, mục tiêu của hai kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 – 1980) và (1981 – 1985) vào bảng sau :

Kế hoạch	Nhiệm vụ, mục tiêu
Kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 – 1980)	
Kế hoạch Nhà nước 5 năm (1981 – 1985)	

Câu 3. Sau hơn 10 năm đi lên chủ nghĩa xã hội (1976 – 1985) nhân dân ta đã đạt được những thành tựu chủ yếu nào và còn có những khó khăn, yếu kém gì ?

Đáp án – hướng dẫn làm bài

Câu 1.

1D	2B	3A	4D	5C	6D	7B	8D
----	----	----	----	----	----	----	----

Câu 2.

Kế hoạch	Nhiệm vụ, mục tiêu
Kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 – 1980)	<ul style="list-style-type: none"> – Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (12 – 1976), đề ra đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước, quyết định phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 – 1980). – Nhiệm vụ : vừa xây dựng đất nước, vừa cải tạo quan hệ sản xuất. – Mục tiêu : xây dựng một bước cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội, cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân.
Kế hoạch Nhà nước 5 năm (1981 – 1985).	<ul style="list-style-type: none"> – Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (3 – 1982) khẳng định tiếp tục đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước do Đại hội IV đề ra, nhưng có sự điều chỉnh, bổ sung cụ thể hoá cho từng giai đoạn phù hợp với hoàn cảnh cụ thể. Đại hội quyết định phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch Nhà nước 5 năm (1981 – 1985). – Nhiệm vụ, mục tiêu : Sắp xếp lại cơ cấu và đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa nền kinh tế quốc dân, ổn định tình hình kinh tế – xã hội, đáp ứng những nhu cầu cấp bách và thiết yếu của đời sống nhân dân, giảm nhẹ sự mất cân đối nghiêm trọng nhất của nền kinh tế.

Câu 3.

- Những thành tựu sau 10 năm đi lên chủ nghĩa xã hội :
 - + Hậu quả nặng nề của chiến tranh và chủ nghĩa thực dân mới được khắc phục. Kinh tế có bước phát triển.
 - + Sau khi hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước, một hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân từ địa phương đến trung ương trong cả nước được thiết lập.
 - + Đã xoá bỏ được chế độ người bóc lột người trong cả nước.
 - + Thiết lập bước đầu quan hệ sản xuất mới, xây dựng cơ sở đầu tiên về vật chất và kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội trong cả nước.
 - + Đánh bại cuộc chiến tranh xâm lấn biên giới Tây – Nam và biên giới phía Bắc Tổ quốc (1978 – 1979).
- Những khó khăn, yếu kém (nhất là trong lĩnh vực kinh tế – xã hội) : Kinh tế còn mất cân đối lớn, sản xuất phát triển chậm, thu nhập quốc dân thấp, đời sống nhân dân khó khăn, trong xã hội nảy sinh nhiều hiện tượng tiêu cực. Mục tiêu của kế hoạch 5 năm (1981 – 1985) đề ra là “về cơ bản ổn định kinh tế – xã hội, ổn định đời sống nhân dân” vẫn chưa thực hiện được.

IV. TƯ LIỆU THAM KHẢO

Cải tạo xã hội chủ nghĩa

Cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất nhằm hạn chế đi đến xoá bỏ bóc lột kiểu tư bản chủ nghĩa, cải tạo quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, đưa nền sản xuất nhỏ, riêng lẻ của nông dân và thợ thủ công cá thể phát triển theo hướng xã hội chủ nghĩa.

Cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội gắn bó với nhau, là sự nghiệp lâu dài, phải tiến hành từng bước, không được nôn nóng, chủ quan.

(Phan Ngọc Liên (Chủ biên), *Thuật ngữ Lịch sử*, Nxb Giáo dục Việt Nam, tr 57)

Bài 33. VIỆT NAM TRÊN ĐƯỜNG ĐỔI MỚI ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (TỪ NĂM 1986 ĐẾN NĂM 2000)

I. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CẦN ĐẠT

Công cuộc đổi mới đất nước, thành tựu ban đầu, việc mở rộng quan hệ ngoại giao với các nước trên thế giới và trong khu vực (là thành viên của tổ chức ASEAN...).

II. BÀI TẬP THỰC HÀNH

Câu 1. Việt Nam thực hiện đường lối đổi mới trong hoàn cảnh đất nước và thế giới như thế nào ?

Câu 2. Hãy nêu những nội dung cơ bản trong đường lối đổi mới của Đảng.

Câu 3. Nhân dân ta đạt được những thành tựu gì trong việc thực hiện ba kế hoạch Nhà nước 5 năm (1986 – 1990, 1991 – 1995, 1996 – 2000) ?

Hướng dẫn làm bài

Câu 1.

– Hoàn cảnh trong nước :

+ Sau hơn một thập niên thực hiện hai kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 – 1985), cách mạng Việt Nam đạt được những thành tựu và tiến bộ đáng kể trên các lĩnh vực đời sống xã hội, song cũng gặp không ít khó khăn, đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng, trước hết là khủng hoảng kinh tế – xã hội.

+ Để đưa đất nước vượt qua khủng hoảng, đòi hỏi Đảng và Nhà nước ta phải đổi mới.

– Hoàn cảnh thế giới :

+ Tác động của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật.

+ Những thay đổi của tình hình thế giới, nhất là cuộc khủng hoảng toàn diện và ngày càng trầm trọng ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, cũng đòi hỏi Đảng và Nhà nước ta phải đổi mới.

Câu 2. Những nội dung cơ bản trong đường lối đổi mới của Đảng :

Đường lối đổi mới của Đảng : được đề ra đầu tiên tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (12 – 1986) và được điều chỉnh, bổ sung, phát triển tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (6 – 1991), lần thứ VIII (6 – 1996), lần thứ IX (4 – 2001).

– Đổi mới đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội không phải là thay đổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội, mà làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả bằng những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp.

– Đổi mới phải toàn diện và đồng bộ, từ kinh tế, chính trị đến tổ chức, tư tưởng, văn hoá, đổi mới kinh tế phải gắn liền với đổi mới chính trị, nhưng trọng tâm là đổi mới kinh tế.

Câu 3. Những thành tựu trong việc thực hiện ba kế hoạch Nhà nước 5 năm (1986 – 1990, 1991 – 1995, 1996 – 2000) :

a) Trong kế hoạch 5 năm (1986 – 1990)

– Thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu của ba chương trình kinh tế : lương thực – thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

– Thành tựu cơ bản :

+ Về lương thực – thực phẩm, đến năm 1990 đã đáp ứng nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu, đứng hàng thứ ba thế giới về xuất khẩu gạo (1989).

+ Hàng hoá trên thị trường dồi dào, đa dạng, lưu thông tương đối thuận lợi, nguồn hàng sản xuất trong nước tăng, các cơ sở sản xuất đã gắn chặt với thị trường, phần bao cấp của Nhà nước giảm đáng kể.

+ Kinh tế đối ngoại phát triển nhanh và mở rộng về quy mô, hình thức. Hàng xuất khẩu tăng gấp ba lần.

b) Trong kế hoạch 5 năm (1991 – 1995)

– Cả nước phấn đấu vượt qua khó khăn thử thách, ổn định và phát triển kinh tế, xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đưa nước ta về cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng.

– Thành tựu cơ bản :

+ Sau 5 năm thực hiện kế hoạch (1991 – 1995), nền kinh tế tăng trưởng nhanh, tổng sản phẩm trong nước tăng bình quân hằng năm là 8,2%, lạm phát từng bước bị đẩy lùi, kinh tế đối ngoại phát triển, thị trường xuất khẩu mở rộng, vốn đầu tư của nước ngoài tăng nhanh.

+ Quan hệ đối ngoại được mở rộng : Tháng 7 – 1995, Việt Nam và Mỹ bình thường hoá quan hệ ngoại giao. Cũng trong tháng này, Việt Nam chính thức gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

c) Trong kế hoạch 5 năm (1996 – 2000)

– Mục tiêu đề ra là tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, cải thiện đời sống nhân dân, nâng cao tích lũy từ nội bộ nền kinh tế.

– Thành tựu cơ bản :

+ Kinh tế giữ được nhịp độ tăng trưởng khá, tổng sản phẩm trong nước tăng bình quân hằng năm 7%. Nông nghiệp phát triển liên tục.

+ Kinh tế đối ngoại tiếp tục phát triển, hoạt động xuất khẩu không ngừng tăng lên. Đầu tư trực tiếp của nước ngoài đạt khoảng 10 tỉ USD, gấp 1,5 lần so với 5 năm trước.

+ Khoa học và công nghệ có bước chuyển biến tích cực. Giáo dục và đào tạo có bước phát triển mới cả về quy mô, chất lượng, hình thức đào tạo và cơ sở vật chất.

+ Tình hình chính trị, xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được tăng cường. Quan hệ đối ngoại được mở rộng.

III. LUYỆN TẬP

Câu 1. Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

1. Nguyên nhân quan trọng nhất đòi hỏi Đảng và Nhà nước ta phải tiến hành công cuộc đổi mới là

- A. những thay đổi của tình hình thế giới và quan hệ giữa các nước do tác động của cách mạng khoa học – kĩ thuật.
 - B. do cuộc khủng hoảng toàn diện ngày càng trầm trọng ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác.
 - C. nước ta lâm vào tình trạng khủng hoảng, trước hết là khủng hoảng kinh tế, xã hội.
 - D. đổi mới cho phù hợp với xu thế chung của thời đại.
2. Đường lối đổi mới của Đảng được đề ra đầu tiên tại
 - A. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (3 – 1982).
 - B. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12 – 1986).
 - C. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (6 – 1991).
 - D. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (6 – 1996).
 3. Theo quan điểm của Đảng, đổi mới phải toàn diện và đồng bộ, nhưng trọng tâm là
 - A. đổi mới về chính trị.
 - B. đổi mới về kinh tế.
 - C. đổi mới về văn hoá.
 - D. đổi mới về tư tưởng.
 4. Trong kế hoạch 5 năm (1986 – 1990), cả nước tập trung thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu của ba chương trình kinh tế :
 - A. lương thực – thực phẩm, hàng tiêu dùng.
 - B. lương thực, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.
 - C. lương thực – thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.
 - D. lương thực – thực phẩm và phát triển công nghiệp nặng.
 5. Đến năm 1989, xuất khẩu gạo của Việt Nam đứng
 - A. thứ nhất thế giới.
 - B. thứ hai thế giới.
 - C. thứ ba thế giới.
 - D. thứ tư thế giới.
 6. Sau 5 năm thực hiện kế hoạch (1991 – 1995), kinh tế Việt Nam tăng trưởng nhanh, tổng sản phẩm trong nước tăng bình quân hằng năm là
 - A. 5,2%.
 - B. 6,2%.
 - C. 7,2%.
 - D. 8,2%.
 7. Kế hoạch 5 năm (1996 – 2000) được đề ra từ
 - A. Đại hội VI của Đảng.
 - B. Đại hội VII của Đảng.
 - C. Đại hội VIII của Đảng.
 - D. Đại hội IX của Đảng.

Câu 2. Trình bày ý nghĩa của những thành tựu về kinh tế – văn hoá trong 15 năm thực hiện đường lối đổi mới (1986 – 2000).

Câu 3. Nêu những khó khăn, tồn tại về kinh tế – văn hoá sau 15 năm thực hiện đường lối đổi mới (1986 – 2000).

Đáp án – hướng dẫn làm bài

Câu 1.

1C	2B	3B	4C	5C	6D	7C
----	----	----	----	----	----	----

Câu 2. Ý nghĩa của những thành tựu về kinh tế – văn hoá trong 15 năm thực hiện đường lối đổi mới :

– Đường lối đổi mới của Đảng được sự hưởng ứng rộng rãi của dư luận xã hội, đã nhanh chóng đi vào cuộc sống và đạt được những thành tựu trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội.

– Những thành tựu đạt được trong 15 năm thực hiện ba kế hoạch Nhà nước 5 năm (1986 – 2000) đã tăng cường sức mạnh tổng hợp, làm thay đổi bộ mặt của đất nước và cuộc sống của nhân dân, củng cố vững chắc độc lập dân tộc và chế độ xã hội chủ nghĩa, nâng cao vị thế, uy tín của nước ta trên trường quốc tế.

Câu 3. Những khó khăn, tồn tại về kinh tế – văn hoá sau 15 năm thực hiện đường lối đổi mới (1986 – 2000) :

- Nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp.
- Một số vấn đề văn hoá, xã hội còn bức xúc và gay gắt, chậm được giải quyết.
- Tình trạng tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống ở một bộ phận cán bộ, đảng viên là rất nghiêm trọng.

Tình hình đó đòi hỏi nhân dân ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, không ngừng phấn đấu theo con đường đúng đắn đã được xác định : dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

IV. TƯ LIỆU THAM KHẢO

Kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa là sự lựa chọn duy nhất đúng đắn

Cuộc khủng hoảng toàn diện sâu sắc của các nước xã hội chủ nghĩa đặt chủ nghĩa xã hội trước sự phê phán gay gắt chưa từng thấy, từ nhiều hướng. Đáng tiếc là ngay trong hàng ngũ những người cộng sản cũng có hiện tượng dao động về lập trường, những khuynh hướng phủ định các thành tựu, từ đó phủ định con đường xã hội chủ nghĩa.

Trong bối cảnh phức tạp như vậy, điều đặc biệt có ý nghĩa là qua đợt góp ý xây dựng các dự thảo văn kiện Đại hội, hầu hết ý kiến đều nhất trí khẳng định mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta và nhân dân ta đã lựa chọn, khẳng định toàn Đảng, toàn dân ta quyết tâm theo đuổi đến cùng con đường dẫn tới mục tiêu ấy.

Thật vậy, đối với nước ta, không còn con đường nào khác để có độc lập dân tộc thực sự và tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Cần nhấn mạnh rằng đây là lựa chọn của

chính lịch sử, sự lựa chọn đã dứt khoát từ năm 1930 với sự ra đời của Đảng ta trong lúc các phong trào cứu nước từ lập trường cần vương đến lập trường tư sản, qua khảo nghiệm lịch sử đều lần lượt thất bại. Nhân dân ta dưới ngọn cờ của Đảng, phát huy cao độ truyền thống anh hùng bất khuất của dân tộc, đã chiến đấu hi sinh ròng rã mấy chục năm trời, hoàn thành về cơ bản những nhiệm vụ của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đã chuyển sang thực hiện những nhiệm vụ của thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, không có gì nay lại rẽ sang con đường khác ngược với mục tiêu đã lựa chọn. Chẳng lẽ bao nhiêu thành quả cách mạng giành được bằng xương máu của biết bao thế hệ người Việt Nam lại đem trao vào tay những lực lượng đưa đất nước đi vào con đường tư bản chủ nghĩa, con đường chắc chắn không thể đảm bảo được độc lập thật sự cho dân tộc, tự do hạnh phúc thật sự cho tuyệt đại đa số nhân dân. Cũng không có lí do gì để chúng ta phải “lùi lại” giai đoạn dân chủ nhân dân, mà lịch sử đã vượt qua. Nếu có những việc của giai đoạn trước chưa làm xong hoặc chưa làm tốt thì chúng ta tiếp tục giải quyết nốt trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Chính vì vậy, nhân dân ta quyết không chấp nhận con đường nào khác ngoài con đường xã hội chủ nghĩa.

(Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr 108)

BÀI 34. TỔNG KẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT ĐẾN NĂM 2000

I. KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CẦN ĐẠT

- Các giai đoạn chính và đặc điểm của tiến trình lịch sử Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến năm 2000 : đấu tranh giành độc lập, chiến đấu chống ngoại xâm, thống nhất đất nước, thực hiện đường lối đổi mới.
- Nguyên nhân thắng lợi, những bài học kinh nghiệm và phương hướng đi lên của cách mạng Việt Nam.

II. BÀI TẬP THỰC HÀNH

Câu 1. Hãy nêu lên các giai đoạn chính và các đặc điểm lớn gắn liền với từng giai đoạn trong tiến trình lịch sử Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1919) đến nay.

Câu 2. Thực tế cách mạng nước ta từ năm 1930 đến năm 2000 đã để lại cho Đảng và nhân dân ta những bài học kinh nghiệm gì ?

Hướng dẫn làm bài

Câu 1. Các giai đoạn chính và các đặc điểm lớn gắn liền với từng giai đoạn :

– Giai đoạn 1919 – 1930 : Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp tại Việt Nam (1919 – 1929) đã tác động, làm biến đổi tình hình kinh tế và xã hội Việt Nam. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930 (đến tháng 10 – 1930 đổi tên thành Đảng Cộng sản Đông Dương), sự kiện mở đầu bước ngoặt của cách mạng Việt Nam.

– Giai đoạn 1930 – 1945 : Dưới sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, cách mạng Việt Nam không ngừng tiến lên qua các cao trào cách mạng 1930 – 1931, 1936 – 1939, 1939 – 1945. Khi các nước Đồng minh đánh bại phát xít Nhật (8 – 1945), Đảng đã kịp thời lãnh đạo toàn dân nổi dậy giành chính quyền trong cả nước.

– Giai đoạn 1945 – 1954 : Cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh của nhân dân ta chống thực dân Pháp xâm lược cùng bọn can thiệp Mỹ đã giành được thắng lợi cuối cùng với chiến thắng Điện Biên Phủ (7 – 5 – 1954), kết thúc chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp, giải phóng hoàn toàn miền Bắc.

– Giai đoạn 1954 – 1975 : Đất nước tạm thời bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị, xã hội khác nhau.

Đảng lãnh đạo nhân dân cả nước thực hiện đường lối : Kết hợp giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta tới thắng lợi vẻ vang.

Với cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã thắng lợi. Một kỉ nguyên mới trong lịch sử nước ta – kỉ nguyên độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

– Giai đoạn 1975 đến nay : Trong 10 năm đầu đi lên chủ nghĩa xã hội, cách mạng nước ta gặp nhiều khó khăn thử thách. Từ Đại hội lần thứ VI (12 – 1986) của Đảng, thực hiện đường lối đổi mới, đất nước đã đạt được những thành tựu đáng phấn khởi về các mặt, trên nhiều lĩnh vực, chủ yếu là về kinh tế, khẳng định Đảng ta đã chọn con đường đi đúng và có những biện pháp thích hợp.

Câu 2. Trải qua quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam hơn 70 năm, dưới sự lãnh đạo của Đảng, có thể rút ra một số bài học lịch sử quý báu sau đây :

– Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là bài học xuyên suốt và là cội nguồn thắng lợi của cách mạng nước ta.

– Cùng cố và tăng cường khối đoàn kết toàn dân và đoàn kết quốc tế là một nhân tố quan trọng quyết định thành công của cách mạng nước ta.

– Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố hàng đầu đảm bảo thắng lợi của cách mạng Việt Nam...

III. LUYỆN TẬP

Câu 1. Hãy khoanh tròn chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

- Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai được thực dân Pháp thi hành ở Đông Dương, chủ yếu là ở Việt Nam trong khoảng thời gian
A. 1919 – 1928. B. 1919 – 1929.
C. 1929 – 1933. D. 1919 – 1939.
- Mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất là mâu thuẫn
A. giữa giai cấp vô sản với giai cấp tư sản.
B. giữa giai cấp nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến.
C. giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp.
D. giữa tư sản dân tộc với tư sản mại bản.
- Đảng Cộng sản Việt Nam đổi tên thành Đảng Cộng sản Đông Dương vào tháng
A. 1 – 1930. B. 2 – 1930.
C. 9 – 1930. D. 10 – 1930.
- Đảng Cộng sản Việt Nam là sản phẩm tất yếu của sự kết hợp giữa
A. chủ nghĩa Mác – Lê-nin với phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân Việt Nam.
B. chủ nghĩa Mác – Lê-nin với phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân Việt Nam và phong trào yêu nước của dân tộc.
C. chủ nghĩa Mác – Lê-nin với phong trào yêu nước của dân tộc.
D. chủ nghĩa Mác – Lê-nin với tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Sự kiện lịch sử có ý nghĩa đánh dấu sự chấm dứt tình trạng khủng hoảng về đường lối và vai trò lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam là
A. sự ra đời của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.
B. sự ra đời của Việt Nam Quốc dân đảng.
C. sự ra đời của ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam.
D. sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Phong trào cách mạng nào được đánh giá như một cuộc diễn tập đầu tiên chuẩn bị cho thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ?
A. Phong trào cách mạng 1930 – 1931. B. Phong trào cách mạng 1936 – 1939.
C. Phong trào cách mạng 1939 – 1945. D. Cao trào kháng Nhật, cứu nước 1945.
- Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, cách mạng nước ta đứng trước tình hình mới :
A. Cả nước Việt Nam chuyển sang giai đoạn xã hội chủ nghĩa.
B. Đất nước tạm thời bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị, xã hội khác nhau.

- C. Việt Nam bước vào thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội.
 D. Tổ quốc Việt Nam đã được thống nhất về lãnh thổ, song ở mỗi miền lại tồn tại một hình thức tổ chức nhà nước khác nhau.
8. Sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ, cứu nước của nhân dân ta đã thắng lợi gắn liền với sự kiện lịch sử :
- A. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968).
 B. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972.
 C. Hiệp định Pa-ri năm 1973 về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam.
 D. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

Câu 2. Hãy điền các mốc thời gian cho phù hợp với các sự kiện lịch sử trong bảng dưới đây :

Thời gian	Sự kiện lịch sử
.....(1).....	Nguyễn Ái Quốc đọc <i>Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa</i> của Lê-nin.
.....(2).....	Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên được thành lập.
.....(3).....	Việt Nam Quốc dân đảng được thành lập.
.....(4).....	Ba tổ chức cộng sản nối tiếp nhau ra đời.
.....(5).....	Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập.
.....(6).....	Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng họp Hội nghị lần thứ nhất tại Hương Cảng (Trung Quốc).
.....(7).....	Đại hội lần thứ nhất của Đảng họp ở Ma Cao.
.....(8).....	Khởi nghĩa Bắc Sơn.
.....(9).....	Khởi nghĩa Nam Kỳ.
.....(10).....	Bình biến Đô Lương.
.....(11).....	Nguyễn Ái Quốc về nước.
.....(12).....	Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương.
.....(13).....	Mặt trận Việt Minh chính thức thành lập.
.....(14).....	Cách mạng tháng Tám thành công.
.....(15).....	Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc <i>Tuyên ngôn Độc lập</i> , nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thành lập.
.....(16).....	Kí Hiệp định Sơ bộ giữa Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Chính phủ Pháp.
.....(17).....	Chiến dịch Việt Bắc.

.....(18).....	Chiến dịch Biên giới.
.....(19).....	Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng.
.....(20).....	Chiến thắng Điện Biên Phủ.
.....(21).....	Hiệp định Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương được kí kết.
.....(22).....	Phong trào “Đồng khởi” ở miền Nam.
.....(23).....	Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng.
.....(24).....	Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời.
.....(25).....	Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân.
.....(26).....	Chiến thắng của quân dân miền Bắc trong trận “Điện Biên Phủ trên không”.
.....(27).....	Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam được kí kết.
.....(28).....	Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.
.....(29).....	Việt Nam gia nhập Liên hợp quốc.
.....(30).....	Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung được tiến hành trong cả nước.
.....(31).....	Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng.
.....(32).....	Việt Nam gia nhập ASEAN.

Đáp án – hướng dẫn làm bài

Câu 1.

1B	2C	3D	4B	5D	6A	7B	8D
----	----	----	----	----	----	----	----

Câu 2.	(1) 7 – 1920	(2) 6 – 1925	(3) 25 – 12 – 1927
	(4) 1929	(5) Đầu năm 1930	(6) 10 – 1930
	(7) 3 – 1935	(8) 27 – 9 – 1940	(9) 23 – 11 – 1940
	(10) 13 – 1 – 1941	(11) 28 – 1 – 1941	(12) 5 – 1941
	(13) 19 – 5 – 1941	(14) 19 – 8 – 1945	(15) 2 – 9 – 1945
	(16) 6 – 3 – 1946	(17) 10 – 1947	(18) 9 – 1950
	(19) 2 – 1951	(20) 7 – 5 – 1954	(21) 21 – 7 – 1954
	(22) 1959 – 1960	(23) 9 – 1960	(24) 20 – 12 – 1960
	(25) 30 – 1 – 1968	(26) 12 – 1972	(27) 27 – 1 – 1973
	(28) 1975	(29) 20 – 9 – 1977	(30) 25 – 4 – 1976
	(31) 12 – 1986	(32) 28 – 7 – 1995	

MỤC LỤC

Phần một

LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

Chương I.	Liên Xô và các nước Đông Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai	5
Bài 1.	Liên Xô và các nước Đông Âu từ năm 1945 đến giữa những năm 70 của thế kỉ XX.....	5
Bài 2.	Liên Xô và các nước Đông Âu từ giữa những năm 70 đến đầu những năm 90 của thế kỉ XX	10
Chương II.	Các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh từ năm 1945 đến nay	15
Bài 3.	Quá trình phát triển của phong trào giải phóng dân tộc và sự tan rã của hệ thống thuộc địa	15
Bài 4.	Các nước châu Á	18
Bài 5.	Các nước Đông Nam Á.....	22
Bài 6.	Các nước châu Phi.....	27
Bài 7.	Các nước Mĩ La-tinh.....	29
Chương III.	Mĩ, Nhật Bản, Tây Âu từ năm 1945 đến nay	34
Bài 8.	Nước Mĩ.....	34
Bài 9.	Nhật Bản	37
Bài 10.	Các nước Tây Âu	41
Chương IV.	Quan hệ quốc tế từ năm 1945 đến nay	45
Bài 11.	Trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai	45
Chương V.	Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật từ năm 1945 đến nay	48
Bài 12.	Những thành tựu chủ yếu và ý nghĩa lịch sử của cách mạng khoa học – kĩ thuật.....	48
Bài 13.	Tổng kết lịch sử thế giới từ sau năm 1945 đến nay	50

Phần hai

LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NAY

Chương I.	Việt Nam trong những năm 1919 – 1930	53
Bài 14.	Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.....	53
Bài 15.	Phong trào cách mạng Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1919 – 1925)	57
Bài 16.	Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài trong những năm 1919 – 1925	61

Bài 17.	Cách mạng Việt Nam trước khi Đảng Cộng sản ra đời.....	66
Chương II.	Việt Nam trong những năm 1930 – 1939	72
Bài 18.	Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời	72
Bài 19.	Phong trào cách mạng trong những năm 1930 – 1935	75
Bài 20.	Cuộc vận động dân chủ trong những năm 1936 – 1939	79
Chương III.	Cuộc vận động tiến tới Cách mạng tháng Tám năm 1945	84
Bài 21.	Việt Nam trong những năm 1939 – 1945	84
Bài 22.	Cao trào cách mạng tiến tới Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945	87
Bài 23.	Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 và sự thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.....	92
Chương IV.	Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám đến toàn quốc kháng chiến	97
Bài 24.	Cuộc đấu tranh bảo vệ và xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân (1945 – 1946)	97
Chương V.	Việt Nam từ cuối năm 1946 đến năm 1954	103
Bài 25.	Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 – 1950)	103
Bài 26.	Bước phát triển mới của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1950 – 1953)	108
Bài 27.	Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược kết thúc (1953 – 1954)	113
Chương VI.	Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975	120
Bài 28.	Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh chống đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam (1954 – 1965)	120
Bài 29.	Cả nước trực tiếp chiến đấu chống Mỹ, cứu nước (1965 – 1973).....	127
Bài 30.	Hoàn thành giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1973 – 1975).....	137
Chương VII.	Việt Nam từ năm 1975 đến năm 2000	144
Bài 31.	Việt Nam trong năm đầu sau đại thắng Xuân 1975	144
Bài 32.	Xây dựng đất nước, đấu tranh bảo vệ Tổ quốc (1976 – 1985)	148
Bài 33.	Việt Nam trên đường đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội (từ năm 1986 đến năm 2000)	152
Bài 34.	Tổng kết lịch sử Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến năm 2000	157

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI

Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập NGUYỄN QUỲ THAO

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm nội dung :

Phó Tổng biên tập kiêm Giám đốc Công ti CP Dịch vụ XBGD tại Đà Nẵng HUYNH THÔNG

Biên tập nội dung :

HUỲNH CHÍ DANH

Trình bày bìa :

ĐỖ THI VÂN QUỲNH

Sửa bản in :

TRẦN THỊ HẰNG MƠ

Chế bản :

HUỲNH CHÍ DANH

HỌC VÀ THỰC HÀNH THEO CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG LỊCH SỬ 9

Mã số: T9D25N1-CBE

In 2.000 bản, khổ 17 x 24 cm tại Công ty In Thống kê & Sản xuất Bao bì Huế
- 36 Phạm Hồng Thái Tp. Huế. Số đăng kí KHXB: 82-2011/CXB/89-23/GD.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 04 năm 2011.